



# STIEG LARSSON

"MỘT TRONG NHỮNG CUỐN TIỂU THUYẾT PHẢI ĐỌC"

Người dịch: Trần Đình

# CÔ GÁI CÓ HÌNH XĂM RỒNG

80 TRIỆU BẢN BÁN RA TRÊN TOÀN THẾ GIỚI



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

# **Cô Gái Có Hình Xăm Rồng**

**Stieg Larsson**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Table of Contents

[LỜI DẪN](#)

[Phần 1](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Phần 2](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Phần 3](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 23](#)

[Phần 4](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[KHÓA SÔ](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

- [\[8\]](#)
- [\[9\]](#)
- [\[10\]](#)
- [\[11\]](#)
- [\[12\]](#)

# Giới thiệu

Cô gái có hình xăm rồng là tập 1 trong bộ ba tiểu thuyết Millennium của nhà văn Thụy Điển Stieg Larsson. Ngay từ khi ra mắt vào năm 2004 tại Thụy Điển, bộ tiểu thuyết đã gây được tiếng vang lớn, và năm 2009 đã trở thành tác phẩm bán chạy nhất châu Âu, với khoảng 26 triệu ấn bản đã được phát hành trên toàn thế giới. Nhà xuất bản Phụ nữ xuất bản ấn bản tiếng Việt của bộ tiểu thuyết này, với tập 1 Cô gái có hình xăm rồng đã được phát hành trên toàn quốc vào tháng 3 năm 2010. Hai tập tiếp theo dự kiến sẽ ra mắt độc giả Việt Nam cùng trong năm 2010.

Nhân vật xuyên suốt của bộ ba tiểu thuyết là Lisbeth Salander, một cô gái trẻ có tuổi thơ và tuổi trưởng thành hết sức đặc biệt. Bị coi là có vấn đề về mặt tâm thần, từ năm 13 tuổi Salander được nuôi dạy trong một bệnh viện dành cho thiếu nhi, một mô hình nửa giống trại trẻ mồ côi, nửa giống bệnh viện tâm thần. Cô bé lớn lên cô độc và mất lòng tin vào phần lớn những người xung quanh. Về bề ngoài cứng rắn gai góc, cách cư xử, giao tiếp như đi ngược lại những nguyên tắc xã hội, nhưng Salander có một trí thông minh tuyệt vời, trí nhớ đáng ngạc nhiên, cộng với sự liều lĩnh và quyết đoán đến không ngờ.

Trong tập đầu tiên, Cô gái có hình xăm rồng, Salander bị cuốn vào một cuộc điều tra cùng với Mikael Blomkvist, một nhà báo lão luyện nhưng uy tín đang suy giảm do một bài báo anh viết về vụ bê bối tài chính của Tập đoàn Wennerstrom bị cho là “không có căn cứ”. Blomkvist được Henrik Vanger, người đứng đầu một dòng họ giàu có và danh giá, thuê để tìm hiểu sự thật đằng sau vụ mất tích từ hơn 40 năm trước của cô cháu gái Harriet. Henrik Vanger hứa rằng nếu Blomkvist vén màn được câu chuyện, thì ông sẽ cung cấp cho anh những bằng chứng chống lại Tập đoàn Wennerstrom.

Blomkvist nhận lời với Henrik Vanger, từ đó tình cờ quen biết Lisbeth Salander. Với sự hiểu biết xuất sắc (nhưng bất hợp pháp) của một tin tặc về mọi góc ngách trong thế giới mạng, Salander đã giúp Blomkvist lần ra được sự thật sau vụ mất tích của Harriet Vanger và phát hiện bí mật của những vụ giết người hàng loạt có liên quan đến người của dòng họ Vanger. Hơn thế nữa, cô còn giúp anh đưa ra ánh sáng những gian lận thương mại của Tập đoàn Wennerstrom. Cô đã bất chấp nguy hiểm và nhiều chuẩn mực xã hội thông thường để cứu không chỉ uy tín nhà báo của Blomkvist mà còn cứu chính mạng sống của anh.

Với Cô gái có hình xăm rồng, những bí ẩn của một dòng họ, những góc đen tối của thế giới tài chính, những mặt trái của chế độ giám hộ thanh thiếu niên – vốn được coi là một tiến bộ của xã hội Thụy Điển, những vấn đề đạo đức nghề nghiệp đặt ra với người làm báo... tất cả đều được phơi bày không khoan nhượng. Cuốn sách dày hơn 500 trang, nhưng khó có thể dứt ra cho tới khi đọc hết dòng cuối cùng.

## Một thứ Sáu tháng Mười một

Việc này diễn ra hằng năm gần như là một nghi thức. Và đây là ngày sinh lần thứ tám mươi hai của ông. Như thường lệ, khi hoa được đem đến, ông lại lật tờ giấy bọc và nhắc điện thoại gọi sĩ quan cảnh sát điều tra Morell, ông này khi về hưu đã chuyển đến hồ Siljan ở Dalarna. Họ không chỉ cùng tuổi mà còn sinh cùng ngày, điều này có một chút gì đó nhạo cợt trong hoàn cảnh hiện nay. Người cảnh sát già ngồi đợi với tách cà phê, chờ cuộc gọi.

- Đến rồi đây.
- Năm nay nó thế nào ?
- Tôi không biết là loại gì. Phải hỏi ai đó mới được. Màu trắng.
- Không thư, tôi ngờ thế.
- Chỉ hoa thôi. Khung cũng như kiểu năm ngoái. Kiểu tự làm lấy ấy mà.
- Dấu bưu điện?
- Stockholm
- Viết tay?
- Như mọi bận, bằng chữ hoa hết. Thẳng đứng nhưng chữ viết rõ ràng.

Đến đây thì đề tài đã cạn và trong chừng một phút không một lời trao đi đổi lại. Viên cảnh sát già về hưu ngả người vào chiếc ghế bếp, hút tẩu thuốc. Ông biết ông không còn được mong đưa ra một lời bình luận súc tích hay một câu hỏi sắc sảo nào nữa, một câu hỏi có thể rọi ánh sáng mới vào một vụ án. Những ngày ấy đã qua lâu rồi và sự trao đổi giữa hai người xem ra giống như một găng bó về nghi thức với một bí mật mà có một ai khác trên thế gian này gỡ ra thì cũng chẳng được lợi lộc gì.

Với cái tên Latin là *Leptospermum (Myrtaceae) rubinette*, đó là một loại cây cao khoảng mười centimét với bộ lá nhỏ giống như thạch nam, hoa thì trắng với năm cánh xò ngang chừng hai centimét rưỡi.

Loài cây này gốc gác từ các bụi rậm và cao nguyên nước Úc, người ta tìm thấy chúng ở trong các trang cổ bên đó. Ở đây nó có tên là Tuyết Sa mạc. Sau này một ai đó ở Vườn thực vật học tại Uppsala sẽ xác nhận ở Thụy Điển ít trồng giống cây này. Nhà thực vật học viết trong báo cáo của bà rằng nó có họ với cây trà và đôi khi nó thường bị lẫn nhiều hơn với cây *Leptospermum scoparium*, người anh em họ phổ biến của nó vốn mọc vô vàn ở New Zealand.

Bà chỉ ra chỗ để phân biệt chúng là thứ *rubinette* này có vô số các chấm li ti màu hồng ở đầu các cánh hoa, đem cho hoa một ánh hồng hồng nhạt.

*Rubinette* gần như là một thứ hoa không tham vọng. Nó không có thuộc tính y học nào được biết đến và nó cũng không gây ảo giác. Không ăn được, nó cũng không có ứng dụng nào trong sản xuất thuốc nhuộm từ thực vật. Mặt khác, thổ dân Úc coi vùng núi Ayers Rock và thực vật quanh đó là thiêng liêng.

Nhà thực vật học nói bản thân bà trước đây chưa hề nhìn thấy một cây nào như thế này, nhưng sau khi tham vấn các đồng nghiệp bà sẽ báo cáo rằng bà đã có ý định du nhập cây này vào một vườn ươm ở Goteborg và nó có thể được các nhà thực vật học nghiệp dư trồng, dĩ nhiên thôi, khó trồng nó ở Thụy Điển vì nó hợp với khí hậu khô và phải ở trong nhà nửa năm trời. Nó không hợp đất có đá vôi và nó cần được tưới từ bên dưới. Nó cần được nuông chiều.

Là một thứ hoa hiếm như thế thì chắc tiêu bản đặc biệt này sẽ làm cho người ta dễ dàng tìm ra gốc tích của nó hơn, nhưng trong thực tế lại không thể được. Không có sổ đăng ký để kiểm tra nó, không có bằng phát minh để khai thác. Ở bất cứ đâu, ai yêu hoa hoặc ham thích những thực vật mới lạ cũng đều có thể tiếp xúc được với hạt giống hay cây của nó. Và ở bất cứ đâu tại Châu Âu, ở bất cứ đâu tận bên kia bán cầu nhiều người có thể sang tay giữa bạn bè hay mua nó qua đường bưu điện.

Nhưng đây chỉ là một trong sêri những đóa hoa bí ẩn hằng năm cứ vào ngày đầu tiên của tháng Mười một lại đến bằng đường bưu điện. Chúng luôn đẹp và phần lớn là loại hoa hiếm, luôn được ép và bày xếp trên giấy màu nước ở trong một cái khung đơn giản ngang mười lăm centimét, dọc hai mươi bảy centimét rưỡi.

Chỉ một ít người biết câu chuyện kỳ lạ về các bông hoa mà báo chí không bao giờ nói đến. Ba chục năm trước, việc những bông hoa đến đều đặn đã là đối tượng của nhiều soi mói - ở phòng hóa nghiệm Pháp y Quốc gia, của các chuyên gia vân tay, chuyên gia chữ viết, các nhà điều tra hình sự và một hai họ hàng hay bạn bè của người được nhận hoa. Nay các diễn viên của vở kịch này chỉ còn có ba; ông già hằng năm chờ đến ngày sinh nhật, viên cảnh sát về hưu và cái người đem hoa đến bưu điện gửi. Hai người đầu ít nhất cũng đã tới cái tuổi mà chả còn mấy nổi.

Viên cảnh sát là một người kỳ cựu lọc lõi. Ông sẽ chẳng bao giờ quên vụ án đầu tiên của mình, cái vụ ông đã phải bắt giam một công nhân hung hãn và say xỉn đến phát sợ ở một trạm điện nhánh phụ trước khi hắn gây ra những rắc rối khác. Trong đời cảnh sát của mình, ông đã tóm về đồn những tay gian lận vặt, những ông chồng vũ phu, những kẻ ăn cắp xe hơi và lái xe say rượu. Ông đã phải xử lý những kẻ đục tường bẻ khóa, bán ma túy, hiếp dâm và một gã đánh bom loạn óc. Ông đã dính vào chín vụ án mạng hay tàn sát nhân tâm. Năm trong chín vụ này, kẻ giết người đã tự ý trình báo cảnh sát, đầy ăn năn, thú nhận đã giết vợ mình hay anh em hay một vài họ hàng khác. Hai vụ khác được giải quyết trong ít ngày. Một vụ nữa đòi Cảnh sát Hình sự Quốc gia giúp đỡ và kéo dài những hai năm.

Vụ thứ chín được giải quyết trong sự hài lòng của cảnh sát, ý nói họ biết kẻ giết người là ai nhưng vì tang chứng không đủ vững chãi nên bên công tố quyết định không xét xử. Viên sĩ quan cảnh sát điều tra thất vọng, cuối cùng cũng đến lúc hết thời hiệu nên vụ án phải chấm dứt. Nhưng nói chung ông có thể ngoái nhìn lại một sự nghiệp đầy ấn tượng.

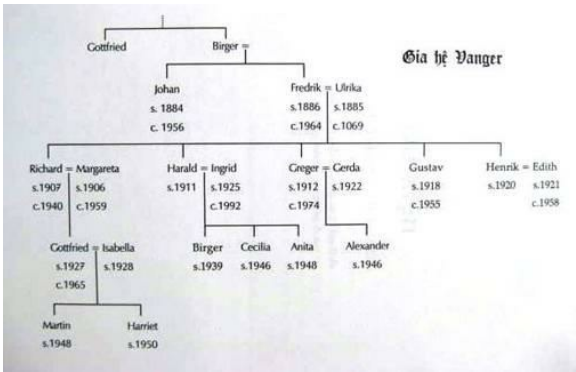
Ông chả thấy gì trừ vui.

Với người điều tra, “Vụ hoa ép” – cái vụ cuối cùng, không giải quyết được và khiến ông nản lòng – vẫn hằng năm trời ray rút ông. Tình hình thế là thành những hai lần phi lý. Vì sau khi bỏ thật sự cả hàng nghìn giờ ra nghiền ngẫm, trong giờ làm việc hay lúc nghỉ ngơi, ông vẫn không thể yên tâm mà nói được rằng một vụ án quả là đã được gây ra.

Hai người đàn ông biết rằng người bày xếp những bông hoa chắc chắn phải đi găng tay, rằng không hề có vân tay ở trên khung hay miếng kính. Cái khung có thể mua ở cửa hàng camera hay các tiệm văn phòng phẩm trên khắp thế giới. Khá là đơn giản, gần như không có manh mối nào để lần theo. Phần lớn gói hàng gửi qua bưu điện ở Stockholm nhưng đã ba bạn ở London, hai bạn ở Paris, hai bạn ở Copenhagen, một bạn ở Madrid, một bạn ở Born và một bạn ở Pensacola, Florida. Viên sĩ quan cảnh sát điều tra đã phải dò tìm nó trong tập bản đồ thế giới.

Sau khi đặt điện thoại xuống, ông già vừa trải qua sinh nhật lần thứ tám mươi hai ngồi một lúc lâu nhìn các bông hoa đẹp nhưng vô nghĩa mà ông không biết đến cả tên. Rồi ông nhìn lên bức tường ở bên trên bàn giấy. Ở đây treo bốn mươi bông hoa ép trong các khung. Bốn hàng mười và một ở dưới cùng có bốn khung. Hàng trên cùng ở khung thứ chín một hoa đã bị mất. Tuyệt sa mạc sẽ là số bốn mươi tư đây.

Ông bất thần bật khóc. Ông ngạc nhiên về chính cơn xúc động bùng phát đột ngột sau gần bốn chục năm.



# PHẦN 1

## DỮ KIỆN

20 THÁNG MƯỜI HAI – 3 THÁNG GIÊNG

*Mười tám phần trăm phụ nữ ở Thụy Điển đã từng một lần bị đàn ông đe dọa*

# Chương 1

## Thứ Sáu, 20 tháng Mười hai

Phiên tòa đã kết thúc hân hoan; mọi cái có thể nói thì đều đã nói nhưng anh không bao giờ ngờ là anh sẽ thua. Bản nghị án viết tay đã trao xuống lúc 10 giờ sáng thứ Sáu và tất cả những gì còn lại là kết luận của các phóng viên đang chờ ở hành lang bên ngoài tòa án quận.

Nhìn thấy họ qua lối cửa ra vào, “Carl” Mikael Blomkvist bước chậm lại. Anh không có hy vọng kháng án nhưng các câu hỏi thì không thể tránh được và anh - người của bàn dân thiên hạ - biết rằng chúng sẽ được đặt ra và phải được trả lời. *Là tội phạm là thế này đây*, anh nghĩ. *Ở phía bên kia cái micro*. Anh thẳng người lên và cố mỉm cười. Các phóng viên đáp lại bằng vẻ thân thiện, gần như bối rối.

Blomkvist nói:

- Ta xem nào... *Aftonbladet*, *Expressen*, hãng tin TT, kênh truyền hình TV4 và ... anh ở đâu nhỉ? ... à đúng, *Dagens Nyheter***[1]**, chắc tôi là một tên tuổi nổi tiếng rồi đây.

Phóng viên một tờ báo chiều lên tiếng:

- *Kalle Blomkvist* **[2]**, xin anh hãy nói ý kiến của mình với báo chí.

Nghe thấy biệt hiệu, Blomkvist cố không trợn mắt lên như mọi lần. Một lần, khi anh hai mươi ba tuổi và vừa bắt đầu công việc làm thêm trong dịp hè như một phóng viên, Blomkvist may mắn vớ được một băng nhóm đã thoát khỏi năm vụ cướp ngân hàng trong hai năm liền. Chắc ở tất cả mọi vụ thì vẫn là cái băng này. Thương hiệu của chúng là nằng hai nhà băng luôn một lèo mà chính xác như quân sự. Chúng đeo mặt nạ các nhân vật Disney nên cảnh sát đã cho chúng cái biệt hiệu là Băng Vịt Donald. Báo chí đổi tên chúng ra là Băng Gấu nghe rùng rợn hơn, hợp hơn với thực tế là ở hai trường hợp chúng đã thẳng cánh bắn cảnh cáo và nạt những người đi qua.

Lần thứ sáu chúng cướp một ngân hàng tại Ostergotland là vào lúc mùa nghỉ lễ đang rộ. Một phóng viên đài phát thanh địa phương tình cờ lại ở ngân hàng lúc ấy. Bọn cướp vừa đi là anh ta đến ngay điện thoại công cộng đọc bài tường thuật của mình để cho đài phát thanh phát đi trực tiếp.

Blomkvist đang ở vài ngày với một cô bạn gái tại nhà bố mẹ cô ta, một căn nhà gỗ nhỏ mùa hè gần Katrineholm. Anh không thể giải thích chính xác, ngay cả với cảnh sát, tại sao có mối quan hệ này, nhưng khi nghe tường thuật báo chí, anh đã nhớ đến một nhóm bốn người đàn ông ở trong một căn nhà gỗ mùa hè bên dưới đường đi chừng trăm mét. Anh đã thấy họ chơi cầu lông ngoài sân: bốn gã lực sĩ tóc vàng mặc quần soóc và bỏ sơ mi. Họ rõ ràng là những người luyện thể hình và có một cái gì đó ở họ khiến anh nhìn thêm lần nữa – có thể vì trận cầu lại chơi ở dưới cái nắng nóng rẫy.

Chả có lý do rõ rệt nào để nghi họ là những tên cướp ngân hàng nhưng anh vẫn lên một quả đồi rồi nhìn xuống căn lều của họ. Được khoảng chừng bốn chục phút thì một chiếc Volvo đi lên đỗ ở trong sân. Những người trẻ tuổi vội vã đi ra và ai cũng mang túi thể thao cho nên có thể chỉ là họ đi bơi trở về chứ chả làm gì. Nhưng một người trong bọn họ quay lại xe, lấy ở trong cốp ra một cái gì mà hắn hấp tấp che áo jacket lên. Ngay ở chỗ quan sát khá xa của mình, Blomkvist vẫn có thể thấy đó là một khẩu AK4 cũ ngon lành, thứ súng vẫn là bạn đồng hành thường xuyên của anh trong những năm làm nghĩa vụ quân sự.

Anh đã gọi cảnh sát và thế là bắt đầu một cuộc phong tỏa ba ngày ngôi nhà gỗ, báo chí thoải mái đưa tin với Blomkvist ở ghế trên cùng và nhận một khoản thù lao hậu hĩ của một tờ báo chiều. Cảnh sát đặt bản doanh trong một đoàn xe trong vườn của nhà gỗ mà Blomkvist đang ở.

Băng Gấu bị tóm gọn đã làm cho anh thành ngôi sao số dách, tăng anh lên làm một nhà báo trẻ. Mặt trái của sự nổi tiếng này là chuyện một tờ báo chiều khác không thể kìm nổi đã giật tít “Kalle Blomkvist phá án”. Do một bà có tuổi giữ chuyên mục viết, bài báo mả mai này có gọi đến nhà thám tử trẻ tuổi trong các sách cho thiếu nhi của Astrid Lindgren. Tệ hơn nữa, kèm với bài viết, tờ báo còn đăng một bức ảnh Blomkvist đang há hốc mồm ra ngay cả khi anh đã gơ ngón tay trở lên cảnh báo.

Chả hề hấn gì vì Blomkvist cả đời không dùng tên Carl. Nhưng từ đấy, anh bị các đồng nghiệp đặt cho biệt hiệu Kalle Blomkvist và nó làm anh ngán ngẫm, tính từ này được dùng để khiêu khích, không thân thiện nhưng cũng không hẳn là thân thiện. Tuy kính trọng Astrid Lindgren – anh yêu sách của bà – anh vẫn ghét cái biệt hiệu này. Phải mất nhiều năm và sau những thành công báo chí nặng ký hơn nữa, cái biệt hiệu ấy mới bắt đầu nhạt đi, nhưng mỗi khi người ta dùng cái tên ấy cốt để anh nghe thấy thì anh vẫn ngớ mình khuyu chân xuống.

Còn ngay lúc này, anh cho chấm hết bằng nụ cười tỉnh bơ rồi nói với tay phóng viên tờ báo chiều:

- Ô, thôi nào, hãy tự nghĩ lấy một cái gì đi chứ. Anh vẫn quen thế cơ mà.

Giọng anh không khó chịu. Họ tất cả đều ít nhiều hiểu nhanh và sáng hôm đó những lời phê phán Blomkvist hiếm độc nhất chưa đến. Một trong những nhà báo ở đó đã có lúc cùng làm việc với anh. Và trong một bữa tiệc vài năm trước, anh đã gần như ngon lành nhót được một trong những phóng viên – cô phóng viên của chương trình *She* trên TV4.

- Hôm nay ông thật sự nổi – người của *Dagenes Nyheter*, rõ ràng một tay trẻ tuổi làm thêm nói – Ông cảm thấy sao?

Mặc dù không khí đang nghiêm túc, cả Blomkvist lẫn các nhà báo lớn tuổi hơn đều không thể nín cười. Anh liếc nhìn TV4 – *Ông cảm thấy sao?* Chỉ có tay phóng viên thể thao cả ngổ mới đi chĩa micro mặt chàng vận động viên vừa chạy hết hơi về đến đích mà hỏi câu ấy.

- Tôi chỉ tiếc là tòa án đã không ra một kết luận khác, - anh nói, hơi giận dỗi đôi chút.

- Ba tháng tù ngồi và 150.000 curon tiền bồi thường. Tòa đã khá là nghiêm khắc – Phóng viên của *She* trên TV4 nói.

- Tôi sẽ sống sót.

- Ông sẽ xin lỗi Wennerstron không? Bắt tay ông ta chứ?

- Tôi nghĩ là không.

- Vậy ông vẫn sẽ nói ông ấy là một kẻ lừa đảo? – *Dagens Nyheter* hỏi.

Tòa đã xử Blomkvist là vụ cáo hạ nhục nhà tài chính Hans-Erik Wennerstron. Phiên tòa kết thúc và Blomkvist không có ý khiếu nại. Nếu ở trên các bậc tam cấp của tòa án này, anh nhắc lại các tuyên bố của mình thì cái gì sẽ xảy ra? Blomkvist đã quyết định là anh không muốn tìm ngả đó.

- Tôi nghĩ tôi có lý do tử tế để công bố cái thông tin mà tôi đang giữ. Tòa đã xử khác và tôi phải thừa nhận quá trình xét xử là làm đúng quy trình. Những người của chúng tôi ở bộ phận xã luận sẽ phải thảo luận việc xét xử rồi chúng tôi mới quyết định sẽ làm gì. Tôi không có gì để nói thêm cả.

- Nhưng sao ông lại quên mất rằng các nhà báo phải thẳng thắn ủng hộ các khẳng định của họ? – Cô phóng viên của *She* ở TV4 hỏi. Nét mặt cô ta trông cổ vẻ là trung lập nhưng Blomkvist nghĩ đã thoáng thấy ánh mắt cô lộ vẻ bất bình đầy thất vọng.

Các phóng viên ở đó, ngoài cậu con trai ở *Dagens Nyheter*, đều là những dân kỳ cựu trong nghề. Với họ không thể quan niệm nổi câu hỏi kia lại được trả lời.

- Tôi không có gì để nói thêm, - anh nhắc lại. Nhưng khi những người khác đành bằng lòng với câu trả lời ấy, thì TV4 đã chen anh lại ở cửa tòa án để phỏng vấn anh ngay trước camera. Cô ta rất tử tế và anh đã có đủ các câu trả lời rành rọt để thỏa mãn tất cả các phóng viên đang đứng ở sau cô ta. Câu chuyện rồi sẽ lên các títt báo, nhưng anh tự nhắc mình rằng họ đâu có tìm sự kiện truyền thông của năm ở đây. Đã có cái họ cần, các phóng viên đang quay về các phòng tin tức riêng của họ.

Anh tính đi bộ nhưng hôm nay là một ngày tháng Mười hai gió quật đùng đùng và sau phỏng vấn anh đã thấm rét. Khi đi xuống các bậc tam cấp tòa án, anh trông thấy William Borg ra khỏi xe hơi. Hẳn chắc đã ngồi ở đây suốt cuộc phỏng vấn. Mắt họ gặp nhau và Borg mỉm cười.

- Đến tận đây để thấy anh cầm tờ giấy này trong tay là bố công rồi.

Blomkvist không nói không rằng. Blomkvist và Borg biết nhau đã mười lăm năm. Họ cùng làm với nhau như phóng viên mới vào nghề cho bộ phận tài chính của một tờ báo sáng. Có thể là một vấn đề thuộc về hóa chất nhưng nền móng cho một thù hận suốt đời đã được đặt nền móng từ đấy. Trong mắt Blomkvist, Borg là một phóng viên hạng ba chuyên chọc kháy tất cả những ai ở quanh hắn, làm họ khó chịu bằng những trò đùa bẩn thỉu và bằng những nhận xét hạ uy tín các phóng viên có kinh nghiệm, nhiều tuổi hơn. Hắn hình như đặc biệt không ưa các nữ phóng viên có tuổi. Họ đã từng có những cãi cọ đầu tiên rồi sau đó còn tiếp diễn, rồi không bao lâu thì đối kháng đã quay ra thành chuyện cá nhân.

Họ đã đều đặn vấp phải nhau trong nhiều năm nhưng chỉ tới cuối những năm 90 họ mới trở

thành những kẻ thù đáng gờm. Blomkvist đã ra một quyển sách về nghiệp vụ báo chí tài chính trích la liệt từ một số bài báo ngu ngốc của Borg. Xuất hiện như một gã đàn độn, Borg đã đổi trắng thay đen nhiều việc hẩn làm và đã viết ca ngợi các công ty “.com” [3] đang trên bờ vực phá sản. Sau đó, khi tình cờ gặp nhau ở một quán bar tại Soder, họ đã dùng đến mọi chiêu trò quả đấm. Borg bỏ nghề báo và bây giờ hẩn làm việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) – với mức lương cao hơn đáng kể – ở một hãng mà, làm cho chuyện càng tệ hại hơn, chính lại là một bộ phận trong vòng ảnh hưởng của nhà công nghiệp Hans-Erik Wennerstrom.

Hai người nhìn nhau hồi lâu rồi Blomkvist quay ngoắt đi. Chỉ có người như Borg mới lái xe đến tòa án chỉ để ngồi đó cười nhạo anh.

Chiếc xe buýt số 40 phanh lại ở bến ngay trước xe của Borg. Và Blomkvist nhảy phóc lên để trốn tránh. Anh xuống xe ở Freidhemsplan, phân vân nên làm gì. Anh vẫn cầm tờ phán quyết ở trong tay. Cuối cùng anh đi bộ tới quán Kafe Anna, cạnh lối vào gara dẫn xuống bên dưới đồn cảnh sát.

Nửa phút sau, anh gọi một cốc cà phê latte và một miếng sandwich; radio đang phát tin tức buổi trưa. Câu chuyện tiếp theo là tin một kẻ đánh bom tự sát ở Jerusalem và tin Chính phủ đã chỉ định một tiểu ban điều tra cái được cho là sự hình thành của một cácten mới trong công nghiệp xây dựng.

*Nhà báo Mikael Blomkvist của tạp chí Millennium sáng nay đã bị tuyên án 90 ngày tù vì vu khống nhà công nghiệp Hans-Erik Wennerstrom. Trong một bài báo đầu năm nay từng làm cho cái gọi là vụ Minos được chú ý đến, Blomkvist nói với Wennerstrom đã buôn bán vũ khí bằng vốn mà Nhà nước dự định đầu tư vào công nghiệp ở Ba Lan. Blomkvist cũng bị tuyên án trả 150.000 curon tiền bồi thường. Bertil Cammermarker, luật sư của Wennerstrom trong một phát ngôn đã nói thân chủ của ông hài lòng về sự xét xử. Ông nói đây là một vụ vụ khống đặc biệt xúc phạm.*

Bản án dài hai mươi sáu trang. Nó trình bày các lý do cho thấy Blomkvist đã phạm tội ở mười lăm điểm vi phạm về vu khống chổng chất nhà doanh nghiệp Hans-Erik Wennerstrom. Nên anh phải trả cho mỗi điểm vi phạm mười nghìn curon và sáu ngày tù. Và rồi lại còn án phí và tiền trả cho luật sư của anh. Anh không thể bắt mình cứ nghĩ đến tất cả các chi phí này nhưng suy đi tính lại thấy rằng lẽ ra còn tệ hại hơn thế nữa kia; tòa đã cho anh trắng án ở bảy điểm vi phạm khác.

Trong khi đọc bản xét xử, anh cảm thấy dạ dày trướng dần lên và khó chịu. Anh ngạc nhiên. Khi phiên tòa bắt đầu, anh biết rằng nếu anh không bị kết án thì sẽ là điều kỳ lạ và rồi anh đã giải hòa được với kết quả của phiên tòa. Anh đã ngồi suốt hai ngày xét xử, bình tĩnh đến mức ngạc nhiên và trong hơn mười một ngày tiếp theo chờ tòa kết thúc nghị án anh vẫn không cảm thấy có gì đặc biệt trong người để rồi đi tới chỗ cầm tờ phán quyết này ở trong tay như hiện nay. Bây giờ chỉ còn một cảm giác không thoải mái về thân xác đang lan khắp người anh.

Khi anh cắn miếng sandwich, miếng bánh như phồng to ra ở trong miệng. Anh thấy khó nuốt và anh gạt đĩa thức ăn sang bên.

Đây là lần đầu tiên Blomkvist đối mặt với một cuộc luận tội. Thực ra vụ xét xử này chỉ là một chuyện nhỏ. Một tội vào hạng nhẹ cân. Dẫu sao cũng không phải cướp có vũ khí, giết người hay hiếp dâm. Nhưng xét từ quan điểm tài chính thì nó lại nghiêm trọng – *Millennium* không

phải là soái của truyền thông thế giới với nguồn tiền vô hạn, tờ tạp chí chỉ vừa xoắn hòa vốn – nhưng tòa xử đã không báo hiệu sẽ có thảm họa. Vấn đề nằm ở chỗ Blomkvist là một trong các chủ đồng sở hữu *Millenium* và đồng thời, khá là ngu ngốc, anh vừa viết lại vừa là chủ bút tờ tạp chí. Anh có thể tự trả 150.000 curon bồi thường tuy như thế sẽ gần như là xóa sổ món tiền tiết kiệm của anh. Tờ tạp chí có thể lo án phí. Nếu chỉ tiêu khôn ngoan thì chuyện này có thể ổn.

Anh loay hoay với ý định bán căn hộ của mình, tuy anh sẽ tan nát lòng. Vào cuối những năm 80 lên như điều, trong thời kỳ có công việc chắc chắn và một đồng lương khá hậu, anh đã tìm đây đó lấy một nơi thường xuyên để sống. Anh đã chạy khắp lượt các hãng giới thiệu nhà rồi cuối cùng loạng quạng gặp căn hộ áp mái hơn 200 mét vuông ở ngay cuối đường Bellmansgatan. Người chủ trước đang làm dở nó thì tình hình nhận việc trong một công ty “.com” ở nước ngoài nên Blomkvist đã có thể mua nó không đắt lắm.

Anh bỏ hết các thiết kế đầu tiên của người thiết kế nội thất, tự làm lấy công việc này. Anh bỏ tiền vào sửa khu vực buồng tắm và bếp nhưng thay vì làm sàn gỗ và các bức tường bên trong để làm cho nó thành một căn hộ hai phòng như dự định thì anh đã lấy cát đánh bóng gỗ sàn, sơn trắng các bức tường xù xì rồi dẫu các mảng xấu nhất vào sau hai bức tranh màu nước của Emanuel Bernstone. Kết quả là một không gian sinh hoạt mở với khu vực buồng ngủ ở sau một giá sách, khu vực ăn uống và buồng sinh hoạt cạnh ngay một cái bếp nhỏ sau một quầy bar. Ngôi nhà có hai cửa sổ trên mái và một cửa sổ ở đầu hồi có thể nhìn thấy các mái nhà đến Gamla Stan, khu vực cổ kính nhất ở Stockholm và con sông Riddarfjärden. Anh nhìn thấp thoáng thấy nước sông ở gần cửa cống Slussen và quang cảnh Tòa thị chính thành phố. Nay anh sẽ không thể cho mình một căn hộ như thế và anh thiết tha muốn giữ lấy nó.

Nhưng việc anh có thể mất căn hộ không là cái gì bên cạnh việc anh nhận lấy một cú đập thật sự vào giữa mặt về mặt nghề nghiệp. Để sửa chữa các tổn thất cũng phải mất thời gian - nếu quả như có thể sửa chữa được.

Đây là một vấn đề về uy tín. Trong tương lai có thể thấy trước, các vị biên tập viên sẽ ngại ngừng đăng các bài báo có tên anh. Vẫn có nhiều bạn bè trong nghề báo nhận thấy rằng anh là nạn nhân của vận đen và hoàn cảnh trở trêu chứ anh sẽ không thể nào phạm phải sai lầm sơ đẳng đến như vậy.

Cái làm đau nhất là bị bẽ mặt. Anh đã nắm mọi con bài chủ thế nhưng anh đã chịu thua một kẻ găngtơ hạng bét mặc một bộ hàng hiệu Armani. Một kẻ đầu cơ thị trường chứng khoán ti tiện. Một tên lưu manh cùng một gã luật sư tên tuổi đã nhả nhử cười nhạo nông nổi của anh trong suốt phiên tòa.

Sao nhân danh Chúa mà sự tình lại đi đến oan trái như thế này chứ?

Vụ Wennerston bắt đầu từ câu chuyện trong buồng lái của một chiếc Malar-30 hơn mười hai mét vào Đêm Giữa mùa hè[4] một năm rưỡi trước. Nó tình cờ xảy ra, tất cả do một cựu đồng nghiệp nhà báo nay là một chân PR xun xoe ở hội đồng hạt, muốn trổ cô bạn gái mới của gã. Gã đã quỳnh quáng thuê một chiếc Scampi làm chuyến dong buồm lãng mạn vài ngày trong quần đảo Stockholm. Vừa từ Hallstahammar đến Stockholm để học hành, cô gái sau khi cho ra vài dấu hiệu phản đối đã nhận lời đi nhưng với điều kiện chỉ cô ta và cậu bạn trai của cô chỉ cũng được đi cùng. Cả bộ ba ở Hallstahammar đều chả có chút kinh nghiệm lái du thuyền, còn đồng nghiệp cũ của Blomkvist thì không may lại có nhiều nhiệt tình hơn kinh nghiệm. Ba hôm trước khi dong buồm đi họ đã tuyệt vọng gọi và thuyết phục anh đến làm thành viên thứ năm trong đoàn, thành viên biết hàng hải.

Không màng lắm đến đề nghị này nhưng rồi khi được hứa hẹn vài ngày thư giãn trong quần đảo với thức ăn ngon và bạn cùng đi vui vẻ thì Blomkvist đã đồng ý. Các hứa hẹn này đã thành mây khói và chuyến viễn du đã quay ra là một thảm họa ngoài tưởng tượng. Họ đi con đường đẹp nhưng không gây ấn tượng lắm từ Bullando qua eo biển Furusund với chỉ 9 hải lý một giờ, nhưng cô bạn gái mới say sóng liên hồi kỳ trận. Chị cô bắt đầu cãi nhau với cậu bạn trai và cả ai trong bọn họ tỏ ra quan tâm mấy may đến việc học lái tàu. Mau chóng thấy rõ là người ta chờ đợi Blomkvist gánh vác lấy con tàu còn họ thì chờ anh những lời khuyên có thiện ý nhưng ngu xuẩn. Sau đêm đầu tiên ở một vịnh trên Angso, anh đã sẵn sàng neo tàu vào cảng ở Furusund rồi đi xe buýt về nhà. Chỉ có những lời kêu gọi tuyệt vọng của họ mới thuyết phục được anh ở lại.

Trưa hôm sau, khá sớm để vẫn còn có một ít khoảng trống, họ cột tàu vào cầu tàu ở trên đảo Arholma đẹp như tranh. Họ cùng làm chút bữa trưa thịnh soạn và lúc vừa ăn xong thì Blomkvist để ý thấy một con tàu M-30 màu vàng lướt vào trong vịnh, dùng chỉ một buồm cái. Con tàu nghiên sườn yếu kiêu chạy vát tới trong khi người cầm lái tìm một chỗ ở cầu tàu. Cũng lục soát không gian xung quanh, Blomkvist nhìn thấy một cái khe duy nhất còn lại ở khoảng cách giữa con tàu của bọn anh và một con tàu H ở mạn. Con tàu M-30 hẹp thân sẽ vào lọt khuỷu chỗ này. Anh đứng lên ở đuôi tàu, chỉ chỗ; người đàn ông trong chiếc M-30 giơ tay cảm ơn rồi cho tàu hướng đến cầu tàu. Một thủy thủ đơn độc không ngần ngại chuyển khởi động máy, Blomkvist nhận xét. Anh nghe thấy tiếng xích neo cọ và vài giây sau tấm buồm chính hạ xuống, trong khi như một con mèo phải nước sôi, thuyền trưởng di chuyển để ngắm bánh lái thẳng bằng với khe đậu, đồng thời ở đằng mũi tàu thì chuẩn bị đưa tàu vào bến.

Blomkvist leo lên trên lan can thành tàu chìa tay ra nắm dây neo. Con tàu mới đến chỉnh lần cuối cùng đường đi rồi lướt hoàn hảo đến đuôi con Scampi, lúc này đang dịch chuyển rất chậm. Chỉ lúc người đàn ông tung dây neo cho Blomkvist họ mới nhận ra nhau và toét miệng cười khoái trá.

- Chào, Robban. Sao không dùng động cơ của cậu để cho các con tàu ở bến này không bị bong sơn hả?

- Chào, Mike. Tớ nghĩ thấy có gì đó quen quen ở cậu. Tớ chỉ thích dùng máy tớ nếu như tớ khởi động được cái của khỉ ấy. Nó đã chết hai hôm trước ở ngoài Rodloga rồi.

Họ bắt tay nhau qua lan can tàu.

Cách đây đã lâu, từ hồi những năm 70, ở trường Kungsholmen, Blomkvist và Robert Lindberg là bạn, thậm chí bạn rất tốt của nhau. Như thường xảy ra với các chí cốt thời đi học, sau khi mỗi người một ngả riêng rẽ, tình bạn nhạt đi. Trong hai chục năm qua, có lẽ họ đã gặp nhau đến nửa tá lần, lần cuối vào bảy tám năm trước. Nay hai người thú vị xem xét nhau. Lindberg có bộ tóc rối tung, nước da rám nắng và chòm râu hai tuần chưa cạo.

Blomkvist vụt thấy phoi phoi trên chín tầng mây. Khi thẳng cha PR và cô bạn gái ngổ nghể của anh ta lên bờ đi nhảy loanh quanh ở Cực Giữa Mùa hè đằng trước cửa hàng tạp phẩm ở phía bên kia hòn đảo thì Blomkvist ở lại trong buồng lái của chiếc M-30, với cá trích và rượu aquavit[5], cùng gã bạn cũ thời học trò đấu hót.

Tối hôm đó, sau khi hai người đã ngừng cuộc chiến chống lại đám muỗi Arholma nổi tiếng và chuyển xuống cabin, sau một vài ngụm aquavit, câu chuyện quay sang nói giỡn thân mật đến đạo đức ở trong thế giới các tập đoàn. Lindberg đã từ nhà trường đến trường Kinh tế Stockholm rồi vào ngân hàng. Blomkvist đã tốt nghiệp trường Báo chí Stockholm rồi dành

hiều năm tháng sự nghiệp của mình vào việc vạch ra nạn tham nhũng trong thế giới ngân hàng và doanh nghiệp. Câu chuyện của họ bắt đầu khai thác sang những điều từng đã được cho là vừa ý về đạo đức ở trong một số hiệp định có lòng vàng[6] vào những năm 90. Cuối cùng, Lindberg thừa nhận đã có một hai tên xấu xa vô luân ở trong thế giới kinh doanh. Anh bỗng nhìn Blomkvist, về mặt chợt nghiêm túc.

- Tại sao cậu không viết về Hans-Erik Wennerstrom?

- Tớ chẳng biết gì về lão ta thì viết làm sao.

- Đào, đào đi, nhân danh Chúa. Cậu biết bao nhiêu về chương trình AIA?

- À, một thứ chương trình cứu trợ trong những năm 90 để giúp vực nền công nghiệp ở cái Khối Đông Âu cũ đứng dậy. Nó mới đóng lại hai ba năm trước. Tớ đã có nhìn vào và không thấy gì cả.

- Hỗ trợ Công nghiệp (AIA) là một dự án được nhà nước hậu thuẫn và được khoảng hơn một tá các công ty lớn của Thụy Điển quản lý. AIA được Chính phủ bảo lãnh cho một số dự án đề ra trong hiệp định với các chính phủ ở Ba Lan và các nước vùng Baltic. Liên hiệp công đoàn Thụy Điển, LO, cũng tham dự với tư cách người bảo lãnh để tăng cường phong trào công nhân ở Đông Âu và đưa nó làm theo mô hình Thụy Điển. Về lý thuyết, đây là một dự án hỗ trợ xây dựng trên nguyên tắc trợ giúp để rồi có thể tự lực cánh sinh; người ta cho rằng nó sẽ tạo cơ hội cho các chế độ ở Đông Âu tái cấu trúc lại nền kinh tế của họ. Nhưng trong thực tế, cái đó có nghĩa rằng các công ty Thụy Điển sẽ được nhà nước trợ cấp để thành ra các chủ nhân đồng sở hữu trong các công ty ở các nước Đông Âu. Lão Bộ trưởng mẹ kiếp trong đảng Thiên chúa là một tay bệnh vực hăng hái cho AIA và AIA đang sắp xây cất một nhà máy giấy ở Krakôngw và cung cấp trang bị mới cho công nghiệp kim loại ở Riga, cho một nhà máy xi măng ở Tallinn, v.v... Ngân sách sẽ được ban lãnh đạo AIA phân phối, ban này gồm một số những cha nặng ký trong giới ngân hàng và tập đoàn kinh doanh.

- Vậy thế là tiền trả cho trách nhiệm ư?

- Khoảng một nửa là đóng góp của Chính phủ, chỗ còn lại là của các ngân hàng và các tập đoàn. Nhưng để thành một chuyện làm ăn lý tưởng thì còn một. Các ngân hàng và công nghiệp đang tính kiếm một lợi nhuận êm ả. Không thì chúng nó tội gì động dậy chân tay cho mệt.

- Tiền này độ chừng bao nhiêu?

- Bình tĩnh nhé, nghe đây. Ban đầu AIA bàn với các công ty lớn ở Thụy Điển để đi vào thị trường Đông Âu. Các công nghiệp nặng như ASEA Brown Boveri và Xây dựng Skanska v.v... đại loại thế. Nói cách khác là không có các công ty kinh doanh đầu cơ.

- Cậu bảo Skanska mà không đầu cơ ư? Hội đồng quản trị của nó chẳng đã bị sa thải sau khi để cho vài thằng của nó đầu cơ đi mất nửa tỉ trong những lần lướt sóng cổ phiếu đấy sao? Rồi những vụ thương lượng như điên của chúng nó về sở hữu ở London và Oslo nữa?

- Đúng rồi, công ty nào ở trên thế giới cũng có những thằng ngu nhưng cậu hãy biết cho là tớ muốn nói cái gì ở đây. Ít ra thì các công ty cũng còn sản xuất một cái gì. Cột xương sống của nền công nghiệp Thụy Điển và tất cả các cái đó chứ chơi à!

- Thế thì Wennerstrom ở vị trí nào trong bức tranh này?

- Wennerstrom là quân J trong cổ bài. Có nghĩa rằng hắn là cái gã thành lĩnh xuất đầu lộ diện, không có bất cứ quá khứ nào trong công nghiệp nặng, thật sự không có làm ăn gì dính dáng đến các dự án này. Nhưng hắn đã vun vén được một cơ nghiệp khổng lồ ở thị trường chứng khoán và đã đầu tư vào các công ty vững chãi. Hắn đã lọt vào bảng công hậu, hãy cứ nói như thế đi.

Khi ngồi trên con tàu đó, Blomkvist rót rượu brandy Reimersholm vào đầy cốc rồi ngã người lại sau, cố nhớ lại một chút xíu những cái anh đã biết về Wennerstrom. Sinh ra ở Norrland, những năm 70 Wennerstrom dựng lên một công ty đầu tư ở đây. Kiếm được tiền hắn chuyển đến Stockholm và những năm 80 sự nghiệp của hắn cất cánh lên ở đây. Hắn lập nên *Wennerstrom-gruppen*, tập đoàn Wennerstrom. Hắn buôn bán cổ phần và các quyền mua bán có thời hạn, hắn thích giao dịch xử lý nhanh và trên báo chí chuyên nói về các tên tuổi thì hắn nổi lên như một trong nhiều nhà tỉ phú Thụy Điển, với một nhà ở thành phố tại Strandvagen, một biệt thự mùa hè huyền thoại trên đảo Varmdo, và một du thuyền động cơ dài hai mươi bảy mét mua lại của một ngôi sao quần vợt vỡ nợ. Hắn vốn là nhân viên giữ quầy thu tiền lẻ, dĩ nhiên, nhưng những năm 80 là thập niên của các dân giữ quầy thu tiền lẻ và đầu cơ nhà đất. Wennerstrom thì không chơi trò khoe của. Trái lại giữa các đồng sự, hắn vẫn cứ giữ là một cái gì đó của một người ở trong bóng tối. Hắn thiếu cái rõ rõ của Jan Steinbeck và hăng không như Percy Barnevik dàn mình chình ịch ra ở trên khắp các tờ báo lá cải. Hắn chào tạm biệt với bất động sản và hắn quả là đã đầu tư ồ ạt vào Khối Đông Âu cũ thật. Khi các bong bóng bị vỡ những năm 90 và các giám đốc quản lý bị buộc phải lần lượt từng người đến bám vào lòng vàng của hắn thì công ty của Wennerstrom bước ra khỏi cơn cố, khóa khoán đến mức trội vọt lên. Tờ *Financial Times* đã gọi đó là “Một câu chuyện thành công của Thụy Điển”.

- Đó là năm 1992, - Lindberg nói - Wennerstrom tiếp xúc với AIA và nói hắn muốn gây dựng vốn. Hắn giới thiệu một kế hoạch, hình như được hậu thuẫn bằng các lợi tức ở Ba Lan, kế hoạch này nhằm lập ra một công nghiệp chế tạo các thứ đóng gói thực phẩm.

- Ý cậu là nói công nghiệp hộp thiếc.

- Không hẳn, nhưng một cái gì đó cũng thuộc các dòng đó. Tớ không biết hắn quen ai ở AIA nhưng hắn đã từ đó đi ra với sáu chục triệu curon.

- Nghe bắt đầu thú vị đấy. Để tớ đoán: đó là một người nào đó cuối cùng nhìn thấy tiền.

- Sai. - Lindberg mỉm cười kín đáo rồi nhấp thêm một tí brandy cho thêm bốc.

- Điều xảy ra sau đó là một bài bản kế toán kinh điển. Wennerstrom có lập ra một nhà máy đóng gói ở Ba Lan, tại Lodz thật. Công ty là Minos. Năm 1993 AIA đã nhận được một ít báo cáo phần khởi rồi im lìm. Năm 1994, thành lĩnh Minos sập.

Lindberg đặt ly rượu không xuống, mặt thoáng nghiêm trang.

- Với AIA vắn đề là không có chế độ thật sự hợp thức để báo cáo được về dự án. Cậu nhớ những ngày ấy: ai cũng rất lạc quan khi bức tường Berlin sụp. Dân chủ sắp được đưa vào, mối đe dọa chiến tranh hạt nhân không còn và những người bôn-sê-ích thì chỉ một đêm là đã quay sang thành những nhà tư bản nho nhỏ chính quy. Chính phủ muốn đóng chốt nền dân chủ vào Đông Âu. Nhà tư bản nào cũng muốn nhảy lên cỗ xe vận động giúp xây dựng Châu Âu mới.

- Tớ lại lạ chuyện các nhà tư bản quá náo nức muốn dính líu vào công việc từ thiện.

- Tin tốt đi, đó là cơn mộng tỉnh của một nhà tư bản. Nga và Đông Âu có thể là những thị trường chưa khai thác lớn nhất thế giới, sau Trung Quốc. Chung tay với Chính phủ, công nghiệp đã đi trót lốt, đặc biệt khi các công ty chỉ được yêu cầu đề ra một việc đầu tư làm vì. AIA tổng cộng đã nuốt khoảng ba chục tỉ curon tiền thuế của dân. Nó đang nhắm trở lại trong các khoản lợi sắp tới đây. Chính thức mà nói, AIA là sáng kiến của Chính phủ nhưng ảnh hưởng của giới công nghiệp lại lớn đến nỗi trong thực tế ban lãnh đạo của AIA đã hoạt động độc lập.

- Nên đã xảy ra chuyện gì đó trong tất cả trò này?

- Đừng sốt ruột. Khi khởi động dự án, không có chuyện gì với tài trợ sắt. Cú sốc lãi suất đã không giáng vào Thụy Điển. Chính phủ sung sướng khen ngợi AIA như là một trong những cố gắng lớn nhất của Thụy Điển trong việc xúc tiến dân chủ ở Đông Âu.

- Và chuyện này do Chính phủ Bảo thủ làm?

- Đừng pha chính trị vào đi. Đây chỉ có toàn là tiền thôi, trong việc chỉ định Bộ trưởng thì Đảng Xã hội Dân chủ hay cánh ôn hòa cũng chả khác gì nhau hết. Vậy thì hãy hết tốc lực mà lao tới đi. Rồi các vấn đề ngoại hối diễn ra, sau đó vài cha điên rồ ở Đảng Dân chủ Mới - cậu nhớ các cha này chứ? - bắt đầu nhai nhải là đã thiếu giám sát công việc AIA đang làm. Một trong các tay sai của đám này lại còn lằm AIA với ban lãnh đạo Quốc tế của Thụy Điển, ngỡ rằng nó chỉ là một dự án lý tưởng nào đó giống như cái đang làm ở Tanzania. Mùa xuân năm 1994, đã lập ra một tiểu ban điều tra. Lúc ấy người ta thắc mắc về nhiều dự án nhưng cái đầu tiên phải điều tra là Minos.

- Và Wennerstrom không thể cho thấy tiền vốn đã được dùng vào việc gì.

- Còn khuya. Hẳn đưa ra một báo cáo rất hay cho thấy khoảng năm mươi tư triệu curon đã được đầu tư vào Minos. Nhưng trong khoản tiền dành cho Ba Lan để xây dựng một ngành công nghiệp đóng gói hiện đại có thể vận hành được thế nào quay ra lại có quá nhiều vấn đề. Trong thực tế, bị một dự án tương tự của Đức cạnh tranh, nhà máy của họ đã phải đóng cửa. Đức đã trở tài mua lấy toàn bộ Khối Đông Âu.

- Cậu bảo hẳn đã được cấp cho sáu chục triệu ruro.

- Chính xác. Tiền này được dùng để cho vay không lấy lãi. Dĩ nhiên là các công ty sẽ hoàn trả dần trong một số năm. Nhưng Minos đã chìm và không thể khiến trách Wennerstrom chuyện đó. Đến đây những sự bảo lãnh của Nhà nước đã góp phần vào và Wennerstrom thì được bảo đảm vô sự. Tất cả những gì hẳn cần làm là hoàn trả lại khoản tiền bị mất khi Minos chìm và hẳn cũng có thể cho thấy hẳn đã mất một khoản tiền riêng tương ứng.

- Để xem tốt nhìn nhận chuyện này có đúng không nào. Chính phủ cung cấp hàng tỉ bằng tiền thuế và các nhà ngoại giao thì mở cửa. Các ngành công nghiệp lấy tiền và dùng tiền đó đầu tư vào các liên doanh mà sau này họ vớ được những khoản lợi lớn. Nói cách khác, vẫn là kinh doanh như thường tình.

- Cậu là chúa đa nghi. Người ta tin rằng các món nợ này là phải trả lại cho nhà nước.

- Cậu đã bảo là chúng không chịu lãi mà. Như thế có nghĩa là người đóng thuế đưa tiền mặt ra mà chả được cái quái gì. Wennerstrom được sáu chục triệu và đầu tư năm mươi tư triệu. Đã xảy ra những gì với sáu triệu còn lại kia?

- Khi đã rõ là sắp điều tra dự án AIA, Wennerstrom đã gửi cho AIA một séc sáu triệu cho khoản chênh lệch ấy. Thế là vấn đề được giải quyết, ít nhất là có vẻ hợp pháp.

- Nghe như Wennerstrom đã vung một ít tiền cho AIA. Nhưng so với nửa tỉ biến mất khỏi Skanska hay so với cái ô dù vàng son hơn một tỉ curon từ CEO[7] của ABB – cái này người ta phải giật mình đây – thì hình như lại chẳng có gì nhiều để mà bỏ công viết cả, – Blomkvist nói. – Người đọc hôm nay đã khá là mệt với chuyện về những gã đầu cơ kém cỏi, cho dù đó là bằng tiền của công quỹ. Có gì thêm nữa cho câu chuyện này không?

- Nó đang tốt hơn lên.

- Sao cậu lại biết tất cả chuyện làm ăn của Wennerstrom ở Ba Lan?

- Tớ làm ở Handelsbanken trong những năm 90. Đoán xem ai viết các báo cáo cho người đại diện của ngân hàng ở AIA?

- A hay đấy! Bảo thêm cho tớ đi.

- Được, chính Wennerstrom nộp các báo cáo cho AIA. Các văn kiện đã được thảo ra. Sai ngạch tiền nong đã được hoàn trả. Cho sáu triệu kia quay trở lại là rất thông minh.

- Đạt mục đích.

- Nhưng, anh bạn Blomkvist thân mến, cái đó *hiện đang* là đích đấy. AIA hài lòng về bản báo cáo của Wennerstrom. Đây là đầu tư vào cửa tử nhưng chẳng có ai phê phán cách quản lý nó hết. Chúng tớ đã xem các hóa đơn, các chuyển khoản và các tài liệu. Mọi cái đều được giải thích tỉ mỉ. Tớ đã tin nó. Sếp tớ tin nó và Chính phủ thì chả có gì để mà nói cả.

- Mắc ở đâu?

- Ở chỗ câu chuyện thành ra tế nhị, - Lindberg nói, nom đúng mực đến phát ngạc nhiên. – Và do cậu là nhà báo nên cái này cấm ghi lại.

- Dẹp cái giọng ấy đi. Cậu không thể ngồi nói với tớ các trò đó rồi lại bảo tớ là không được dùng.

- Chắc chắn là tớ có thể chứ. Cho đến bây giờ, những cái tớ nói với cậu thì bàn dân thiên hạ đều biết cả. Nếu muốn, cậu có thể xem. Cậu có thể viết phần còn lại của câu chuyện. – chỗ tớ chưa nói với cậu – nhưng cậu phải coi tớ như một nguồn tin giấu tên.

- OK, nhưng trong thuật ngữ hiện thời “không cho ghi chép” lại có nghĩa là tôi nghe theo nguồn tin đáng tin cậy nhưng tôi không được viết về nó.

- Quảng ba cái thuật ngữ đó đi. Muốn viết cái chó gì cậu cứ việc viết, nhưng tớ là nguồn tin giấu tên của cậu. Đồng ý chứ?

- Dĩ nhiên, - Blomkvist nói.

Nghĩ lại thì đây là một sai lầm.

- Thế thì được. Câu chuyện Minos xảy ra hơn một thập niên trước kia, ngay sau khi Bức Tường Berlin sụp và những người cộng sản bắt đầu làm ăn như những nhà tư bản chính cống. Tớ đã là một trong những người phỏng vấn Wennerstrom và suốt thời gian ấy tớ cứ ngỡ rằng có một cái gì đó là lạ ở câu chuyện của hắn.

- Tại sao khi thôi nhắc đến bản báo cáo của hắn cậu lại không nói như thế?

- Tớ đã bàn với sếp của tớ. Nhưng vấn đề là ở chỗ không có gì để mà xác nhận được. Các tài liệu đều ổn, tớ chỉ có việc ký vào báo cáo. Mỗi lần thấy tên của Wennerstrom ở trên báo tớ lại nghĩ đến Minos, nhất là vì vài năm sau đó, khoảng giữa các năm 90, ngân hàng của tớ có chút công chuyện với Wennerstrom, việc làm ăn khá lớn, đúng thế nhưng rồi quay ra không hay lắm.

- Hắn lừa cậu?

- Không, không có gì rõ ràng là thế. Cả hai bên đã kiếm tiền ở chuyện làm ăn này. Còn hơn thế nữa... Tớ không biết giải thích sao được cái này và bây giờ thì tớ đang nói đến người chủ thuê mướn tớ và tớ không muốn làm như thế. Nhưng cái làm tớ ngạc nhiên – cái ấn tượng bền và bao trùm như họ nói – thì không chắc chắn. Trong truyền thông, Wennerstrom được giới thiệu như một bậc tiên tri ghê gớm về tài chính. Hắn ăn nên làm ra ở chỗ đó. Đó là “cái vốn tín nhiệm” của hắn.

- Tớ hiểu cậu muốn nói gì.

- Cảm tưởng của tớ là cha này chỉ toàn là bịp. Là một nhà tài chính, hắn thậm chí cũng chả có gì là đặc biệt xuất sắc. Thật ra tớ nghĩ hắn đốt nát hoàn toàn về một số vấn đề mặc dù hắn có vài ba tên lính chiến trẻ thật sự bén nhọn làm cố vấn. Trên hết, về mặt cá nhân tớ thật sự không quan tâm đến hắn.

- Thế ư?

- Vài năm trước, tớ tới Ba Lan về một vài chuyện khác. Nhóm chúng tớ ăn tối với vài nhà đầu tư ở Lodz và tình cờ thế nào tớ lại ngồi cùng bàn với ông Thị trưởng. Chúng tớ nói đến chuyện khó vực nền kinh tế Ba Lan lên và tất cả các thứ, rồi chả biết sao tớ lại nhắc đến dự án Minos. Ông Thị trưởng mất một lúc trông khá là sững sốt - tựa như ông chưa từng nghe nói đến Minos bao giờ vậy. Ông bảo tớ đó là một chuyện làm ăn nhỏ bé rẻ mạt nào đó và chả đem lại được cái gì. Ông ta cười phá lên và nói - tớ đang dẫn ra từng lời ông ta nói đây - rằng nếu đây là cái tốt nhất mà các nhà đầu tư của chúng tôi có thể quản lý được thì Thụy Điển cũng chẳng có gì là đáng kể cho cuộc đời này. Cậu vẫn nghe tớ đấy chứ?

- Ông Thị trưởng Lodz ấy rõ là một tay sắc sảo đấy, nhưng nói tiếp đi.

- Hôm sau tớ có một cuộc họp buổi sáng nhưng cả ngày thì rảnh. Con khỉ thế nào tớ lại lái xe ra xem cái nhà máy Minos đã đóng cửa. Cái nhà máy khổng lồ này giờ đã đổ nát nằm ở một thị trấn bên ngoài Lodz. Một khu nhà kho bằng tôn mui mà Hồng quân đã xây nên trong những năm 50. Tớ tìm ra một người làm bảo vệ ở đó có thể nói được đôi chút tiếng Đức và phát hiện ra ông ta có người anh em họ từng làm ở Minos, thế là chúng tớ đến nhà ông này gần đấy. Người bảo vệ thì phiên dịch. Cậu có thích nghe những cái ông ta nói không?

- Tớ có tính khó chờ.

- Minos mở vào mùa thu năm 1992. Có nhiều nhất mười lăm người làm thuê, phần lớn là phụ nữ có tuổi. Lương họ đại khái một trăm rưỡi curon một tháng. Lúc đầu không có máy cho nên phần lớn thì giờ là làm vệ sinh địa điểm. Đầu tháng Mười, ba máy làm hộp các tông từ Bồ Đào Nha đến. Cổ lỗ và hoàn toàn lỗi thời. Giá trị đồng sắt vụn này không thể cao hơn vài nghìn curon. Máy chạy nhưng luôn bị pan. Dĩ nhiên là không có linh kiện thay thế cho nên Minos khổ sở về chuyện máy liên miên ngừng chạy.

- Bắt đầu nghe như có chuyện rồi đấy, - Blomkvist nói. - Họ làm cái gì ở Minos?

- Suốt năm 1992 và nửa năm 1993 họ sản xuất hộp các tông đựng bột giặt và khay đựng trứng, đại loại vậy. Rồi họ bắt đầu làm túi giấy. Nhưng nhà máy không bao giờ có đủ nguyên liệu cho nên không thành được khối lượng sản phẩm.

- Nghe thì cái này không có vẻ là một vụ đầu tư lớn.

- Tớ nêu con số nhé. Tiền thuê đất đai trong hai năm tổng cộng chắc ở quãng 15.000 curon. Lương sá nhiều nhất có thể lên đến 150.000 curon – và ở chỗ này thì tớ hơi xông xênh đây. Chi phí máy và chi phí vận tải... một xe tải để giao nộp các khay đựng trứng... tớ đoán là 250.000... Cộng phí cho các giấy phép, một chút trao đổi qua lại – rõ là đã có một người từ Thụy Điển đến chỗ này vài ba lần. Xem về như là toàn bộ công trình tốn kém chừng dưới hai triệu. Vào mùa hè năm 1993, một hôm một quản đốc xuống nhà máy bảo nó đóng cửa và sau đó, một xe tải đường trường của Hung đến chở hết máy móc đi. Bái bai, Minos!

Trong suốt phiên tòa xét xử, Blomkvist thường nghĩ đến cái Đêm Giữa Mùa hè ấy. Gần hết buổi tối, cuộc chuyện trò đã khiến cho họ như quay lại thời học trò, họ đang có một cuộc cãi vã thân mật. Vào lứa tuổi thiếu niên, hai người đã cùng chia sẻ cái gánh nặng chung ở giai đoạn đó của cuộc đời. Khi trưởng thành họ thành ra người xa lạ thật sự, bây giờ là những loại người khá khác nhau; trong khi chuyện trò Blomkvist đã nghĩ anh thật tình không thể nhớ ra cái gì đã làm cho hai người thành bè bạn ở trường. Anh nhớ lại Lindberg là một cậu trai giữ gìn, cả thên đến khó lòng tin nổi trước mặt con gái. Dần dà, đủ lông đủ cánh, Lindberg leo ngày càng cao lên chiếc thang thành đạt trong thế giới ngân hàng.

Anh hiếm khi uống rượu, nhưng cuộc gặp may mắn ấy đã biến một chuyến dạo biển tai họa thành ra một buổi tối vui vầy. Và vì câu chuyện đã mang quá nhiều vang vọng của một lối nói học trò nên ban đầu anh không coi câu chuyện Lindberg nói về Wennerstrom là nghiêm túc. Dần dần bản năng nghiệp vụ của anh trỗi dậy. Cuối cùng thì anh nghe chăm chú và các phản biện lôgích nổi lên.

- Khoan, - anh nói. – Wennerstrom là một cái tên chớp bu trên thị trường dầu cơ. Hắn đã kiếm được một tỉ, đúng thế không?

- Tập đoàn Wennerstrom đang chễm chệ ở đâu đó gần với hai trăm tỉ. Cậu lại sắp hỏi tại sao một tỉ phú mà lại đi lừa để lấy năm chục triệu vật đây.

- Thôi được, hãy nói thế này đi: tại sao lại có thằng cha dám liều cả thanh danh cá nhân lẫn công ty của mình vào một cú lừa rõ mười mươi như thế?

- Không có rõ mười mười đầu bởi vì ban lãnh đạo AIA, Chính phủ, các kiểm toán viên của Nghị viện đều đã thông qua hạch toán của Wennerstrom mà không có một lá phiếu phản đối nào hết.

- Với một nguy cơ lớn như thế thì đó vẫn là một khoản tiền bé đến phát buồn cười.

- Hẳn là thế. Nhưng cậu hãy nghĩ xem: Tập đoàn Wennerstrom là một công ty đầu tư làm ăn về bất động sản, chứng khoán, mua bán có kỳ hạn, hối đoái ngoại tệ, cậu hãy kể nốt ra đi. Wennerstrom tiếp xúc với AIA đúng vào lúc thị trường đang sập năm 1992. Cậu có nhớ mùa thu năm 1992 không?

- Tớ mà lại không nhớ?! Khi lãi suất vọt lên năm trăm phần trăm hồi tháng Mười, tớ đã mua nhà trả góp với lãi suất không cố định, đã kẹt cứng với cái lãi mười chín phần trăm một năm.

- Đúng là những ngày ghê rợn, - Lindberg nói. - Bản thân tớ mất cả một tay nải năm ấy. Và giống như các tay chơi khác trên thị trường, Hans-Erik Wennerstrom cũng phải vật lộn với chuyện này. Công ty có hàng tỷ bị trói vào đủ các kiểu chứng từ có giá nhưng tiền mặt lại không có nhiều lắm. Đùng một cái, không thể vay bao nhiêu tùy ý được nữa. Trong tình thế ấy thì cái điều quen làm là tháo dỡ một ít bất động sản đi rồi tự liếm láp lấy các vết thương, nhưng năm 1992 chẳng ai muốn mua bất động sản sắt cả.

- Các vấn đề về quay vòng tiền mặt.

- Chính xác. Và Wennerstrom không phải là người duy nhất. Tất cả những người kinh doanh...

- Đừng nói người kinh doanh đi. Thích gọi họ là gì tùy cậu nhưng gọi họ là người kinh doanh là cậu chửi cha một cái nghề nghiêm chỉnh lên rồi đấy.

- Được, kẻ đầu cơ nào cũng đều có các vấn đề về quay vòng tiền mặt. Hãy nhìn chuyện ấy như thế này: Wennerstrom đã được sáu chục triệu curon. Hẳn hoàn lại sáu triệu nhưng chỉ là sau ba năm. Chi phí thực sự của Minos không lên quá hai triệu. Lợi tức chỉ trên sáu chục triệu trong ba năm, cái đó thực ra cũng ít thôi. Dựa vào cách hắt đầu tư, hẳn có thể tăng tiền của AIA lên gấp đôi hay hơn mười lần. Vậy là chúng ta không nói đến chuyện thối này nữa nha. Hoan hô!

## Chương 2

### Thứ Sáu, 20 tháng Mười hai

Dragan Armansky sinh ra ở Croatia năm mười sáu năm trước. Bố ông là một người Mỹ gốc Do Thái ở Bạch Nga. Mẹ ông là người Bosnia Hồi giáo mang dòng máu Hy Lạp. Bà trông nom dạy dỗ đứa con, điều đó có nghĩa là khi trưởng thành nó sẽ hòa nhập vào cái tập quán rộng lớn, hỗn tạp mà giới truyền thông định nghĩa là Hồi giáo. Các nhà quản lý nhập cư của Thụy Điển khá kỳ quặc, đã đăng ký ông là người Sebria. Hộ chiếu xác nhận ông là công dân Thụy Điển còn ảnh hộ chiếu thì cho ra một khuôn mặt vuông, một quai hàm bạnh, âm thầm, hai thái dương muối tiêu. Ông vẫn được nhắc đến là “Người Ả Rập” tuy ông không có qua một giọt máu Ả Rập nào.

Ông nom hơi giống một trùm cướp địa phương đã thành khuôn mẫu của điện ảnh Mỹ nhưng trong thực tế ông lại là một giám đốc tài chính tài ba từng bắt đầu sự nghiệp là một nhân viên kế toán ở công ty An ninh Milton đầu những năm 70. Ba thập niên sau, ông tiến lên thành CEO và COO, những vai lãnh đạo cao nhất của công ty.

Ông đã bị công việc an ninh mê hoặc. Nó giống như trò chơi đánh trận vậy – nhận ra các mối đe dọa, phát triển các chiến lược phản công và luôn đi trước các gián điệp công nghiệp, những tay tổng tiền và lũ trộm cướp một bước. Điều này bắt đầu có ở ông khi ông phát hiện ra rằng thông qua việc vào sổ sách có tính sáng tạo, người ta có thể lừa một khách hàng. Ông có thể chứng minh ai, ở trong một nhóm chục người, đang ở đằng sau vụ lừa đó. Ông đã được đề bạt và đóng vai trò then chốt trong sự phát triển của công ty và là một chuyên gia về gian lận tài chính. Mười lăm năm sau ông thành CEO, quan chức điều hành cao nhất. Ông đã biến công ty An ninh Milton thành một trong những hãng an ninh được tin cậy và lớn mạnh nhất của Thụy Điển.

Công ty có 380 nhân viên chính thức và 300 nhân viên khác làm tự do. So với Falck hay Dịch vụ Bảo vệ Thụy Điển thì là nhỏ. Khi Armansky mới đến, công ty có tên là Tổng Công ty An ninh của Johan Fredrik Milton và nó có một danh sách thân chủ gồm các trung tâm cửa hàng cần đến những nhân viên hướng dẫn khách và các vệ sĩ đầy cơ bắp. Dưới sự lãnh đạo của ông, nay hãng đã là An ninh Milton được quốc tế thừa nhận và đã đầu tư vào công nghệ tiên tiến. Các bảo vệ viên đêm đã qua thời sung sức, những người sùng bái đồng phục và những sinh viên đại học làm thêm ban đêm đã được những người có tay nghề thật sự thay thế. Armansky thuê các cựu cảnh sát viên trưởng thành để phụ trách tác nghiệp, các nhà khoa học chính trị đi chuyên sâu vào khủng bố quốc tế và các chuyên gia trong việc bảo vệ cá nhân và trong gián điệp công nghiệp. Quan trọng hơn cả, ông đã thuê mượn các kỹ thuật viên viễn thông và chuyên viên IT, viễn thông quốc tế. Công ty chuyển từ Solna đến các văn phòng tối tân ở gần Slussen, tại trung tâm Stockholm.

Vào hồi đầu những năm 90, An ninh Milton đã được trang bị để cung cấp một đẳng cấp mới về an ninh dành cho một nhóm thân chủ đặc biệt, trước hết là những tập đoàn cỡ trung và những doanh nhân giàu có – các sao nhạc rock giàu xổi, các dân đầu cơ chứng khoán cùng các cha lâm tham vọng “.com”. Một phần hoạt động của công ty là cung cấp vệ sĩ bảo vệ và các giải pháp an ninh cho các hãng Thụy Điển ở nước ngoài, đặc biệt là ở Trung Đông. Khu vực làm ăn này của họ hiện chiếm tới 70 phần trăm doanh số của công ty. Dưới quyền của Armansky, doanh số đã từ khoảng bốn chục triệu curon một năm lên tới gần hai tỉ. Cung cấp an ninh là một kinh doanh ra tiền.

Công việc bảo vệ an ninh chia ra ở ba khu vực chính: *tư vấn an ninh* gồm có nhận diện các mối đe dọa tiềm ẩn, các nguy cơ xảy ra; các *biện pháp chống trả* thường là dính đến việc lắp đặt camera, báo động có trộm và hỏa hoạn, các cơ chế khóa điện tử và hệ thống IT; rồi *bảo vệ cá nhân* cho các cá nhân hay các công ty. Trong mười năm thị trường này đã phát triển gấp bốn mươi lần. Cuối cùng nổi lên một nhóm thân chủ mới: các bà các cô giàu có tìm kiếm bảo vệ phòng chống lại các bạn trai hay chồng cũ, hay các kẻ theo lén. Thêm vào, An ninh Milton đã dàn xếp để cộng tác với các hãng tương tự có tên tuổi ở Châu Âu và ở Mỹ. Công ty cũng trông coi an ninh cho nhiều vị khách quốc tế đến Thụy Điển, như một nữ diễn viên điện ảnh Mỹ đến quay một bộ phim ở Trollhattan trong hai tháng. Nhân viên của bà nhận thấy với danh tiếng của bà, cần có các vệ sĩ kèm bên bất cứ khi nào bà nổi hứng dạo bộ ở gần khách sạn.

Khu vực thứ tư, nhỏ hơn nhiều, chỉ chiếm một ít nhân viên, được gọi là PI hay P-In, theo tiếng lóng nội bộ là *prinder*, viết tắt của chữ *personal investigations*, *điều tra cá nhân*.

Nói chung Armansky không mất phần kinh doanh này lắm, vất vả và ít tiền. Nó cần óc phán đoán và kinh nghiệm của nhân viên hơn là vào kiến thức của họ về công nghệ viễn thông hay vào việc lắp đặt các máy móc kiểm soát theo dõi. Có thể chấp nhận các cuộc điều tra cá nhân khi chúng thuộc vấn đề thông tin về tín nhiệm, kiểm tra lý lịch trước khi thuê mướn hoặc điều tra những nghi ngờ rằng một vài nhân viên đã rò rỉ thông tin của công ty hay dính líu vào hoạt động phạm tội. Trong các trường hợp ấy, những người theo dõi cá nhân, *pinders* là một bộ phận không thể thiếu của hoạt động tác nghiệp. Nhưng các thân chủ kinh doanh của ông thường lại hay lôi kéo ông vào các vấn đề riêng tư có xu hướng dẫn đến các rắc rối không mong muốn. *Tôi muốn biết con gái tôi đang ra ngoài với cái đồ bẩn thỉu nào... Tôi nghĩ vợ tôi không chung thủy... Cha này thì OK nhưng cha lại tụt bọ với đám xấu... Tôi bị tổng tiền...* Armansky thường thẳng thừng trả lời họ là không. Nếu đứa con gái đã trưởng thành thì nó có quyền ra ngoài với bất cứ thằng góm ghiếc nào mà nó muốn chứ, còn không chung thủy, ông nghĩ đó là một thứ mà các ông chồng và các bà vợ cần tự mình giải quyết lấy. Nấp sau những yêu cầu đó là những cam bẫy có thể dẫn tới tai tiếng và gây nên những vấn đề pháp lý cho An ninh Milton. Điều đó giải thích vì sao Dragan Armansky theo dõi ngặt nghèo các việc này, mặc dù tiền thu về chả được là bao.

Chủ đề sáng nay đúng là một vụ điều tra cá nhân như thế. Armansky vượt thẳng nếp nhăn trên quần trước khi ngã người lại vào chiếc ghế thoải mái của mình. Ông ngờ vực liếc vào người đồng sự Lisbeth Salander trẻ hơn ông ba mươi hai tuổi. Đã tới hàng nghìn lần ông nghĩ rằng ở trong cái công ty an ninh danh tiếng này chả có ai mà nom lại lạc chỗ như cô gái này. Sự ngờ vực của ông vừa có căn cứ lại vừa không hợp lý. Trong con mắt Armansky, Salander rõ ràng là điều tra viên có khả năng nhất mà ông từng gặp trong tất cả những năm tháng làm công việc này của ông. Trong bốn năm làm cho ông, cô chưa hề một lần nào lóng ngóng trong công việc hay chỉ giao nộp có một bản báo cáo loãng xoàng.

Trái lại, các báo cáo của cô tự chúng đã nói lên đẳng cấp. Armansky tin chắc cô có một khả năng đặc biệt. Với các biên bản của cảnh sát, ai cũng có thể tìm ra thông tin về tín nhiệm hay làm một cuộc kiểm tra. Nhưng Salander có óc tưởng tượng và cô luôn trở về với một cái gì đó khác với điều ông chờ đợi. Sao cô ta làm được thế, ông không bao giờ hiểu. Đôi khi ông nghĩ khả năng thu thập thông tin của cô như là một ma thuật. Cô biết từ trong đến ngoài các văn kiện quan liêu. Trên hết như thế cô có khả năng nhập vào trong con người mà cô đang điều tra. Nếu có chút bẩn thỉu nào cần đào bới, cô sẽ nhào vào đó như một quả tên lửa đã được định vị.

Cô luôn có cái khả năng ấy, chả hiểu sao.

Người nào lọt vào tầm radar của cô thì với hắn ta, các báo cáo của cô có thể là một tai họa. Armansky sẽ không bao giờ quên lần ông giao cho cô kiểm tra thường lệ một nghiên cứu viên trong ngành công nghiệp dược phẩm trước khi mua lại cổ phần trong công ty. Việc dự định làm

một tuần nhưng đã phải kéo dài một thời gian. Sau bốn tuần lằng nhằng và nhiều nhắc nhở, mà cô ta cứ phớt lờ đi, Salander trở về với một báo cáo cho thấy rằng “nhân vật chính” trong chuyện là một người có quan hệ tình dục với trẻ con. Hắn đã hai lần mua tình dục của một cô gái mười ba tuổi ở Tallinn, và có những biểu hiện cho thấy hắn đang quan tâm không lạnh mạnh đến con gái của người phụ nữ hắn đang sống cùng.

Salander có những thói quen đôi khi đưa Armansky đến mấp mé thất vọng. Trong trường hợp của gã quan hệ tình dục với trẻ con, cô không nhắc điện thoại gọi Armansky hay vào văn phòng của ông để nói chuyện với ông. Không, không cả lấy một lời cho biết bản báo cáo có thể chứa đựng vật liệu cháy nổ, cô để nó ở trên bàn giấy của ông vào một buổi tối, đúng lúc Armansky sắp nghỉ phép vào hôm sau. Ông chỉ đọc nó lúc tối khuya ấy, khi ông thư giãn với một chai vang ở trước chiếc tivi cùng với bà vợ tại biệt thự của họ ở Lidingsö.

Như thường lệ, bản báo cáo gần như có sự chính xác của khoa học, với những chú thích, trích dẫn và nguồn tài liệu tra cứu. Mấy trang đầu tiên đưa ra bối cảnh, giáo dục, nghề nghiệp và tình hình tài chính của đối tượng. Phải đến trang 24, với cái giọng khô như ngói cô vẫn quen dùng, Salander mới thả quả bom về các chuyến đi đến Tallinn, rằng hắn sống ở Sollentuna và đi một chiếc Volvo xanh dương thẫm. Các dẫn chứng bằng tư liệu đã được cô gộp vào một phụ lục toàn diện và đầy đủ, gồm có cả các bức ảnh của cô gái mười ba tuổi đi cùng với đối tượng. Các bức ảnh chụp ở một hành lang khách sạn tại Tallinn và bàn tay đối tượng thọc vào trong áo thun cô gái. Salander đã dò tìm ra cô gái và cô gái đã cung cấp cho Salander câu chuyện kể có thu bằng.

Bản báo cáo đúng là đã gây nên sự hỗn loạn mà Armansky muốn tránh. Trước hết ông phải nuốt mấy viên chống viêm loét mà bác sĩ kê đơn cho ông. Rồi ông gọi người khách để có một cuộc gặp khẩn chẳng vui vẻ gì. Cuối cùng, dù khách hàng phản đối dữ dội ông vẫn buộc phải chuyển tài liệu này sang cảnh sát. Như thế có nghĩa là An ninh Milton có cơ bị cuốn vào một mạng lưới rối tinh rối mù. Nếu bằng chứng của Salander không chính xác hay người kia được trắng án, công ty có cơ mắc vào một vụ kiện vu khống. Đó là một ác mộng.

Nhưng không phải việc Salander hồ hững đến ngạc nhiên về tình cảm ở công ty làm cho ông lẩn cẩn nhất. Hình ảnh của Milton là một hình ảnh về sự ổn định ở mức bảo thủ. Salander khớp vào bức tranh này thì cũng tựa như một con trâu rừng ở nơi trưng bày du thuyền. Nhà điều tra cỡ “sao” của Armansky là một cô gái chê cơm, xanh tái, tóc lởm chớm như bàn chông, mũi và mi mắt xỏ lỗ. Cô có một con ong vò vẽ dài cỡ hai centimét xăm ở cổ, một thông lọng xăm ở quanh bắp tay trái và một cái nữa ở quanh cổ chân trái. Những dịp cô mặc áo trên rộng kiểu phồng như thùng đựng nước, Armansky còn nhìn thấy một con rồng xăm ở bả vai bên trái cô. Tóc cô vốn đỏ trời cho nhưng cô đem nhuộm nó đen như cánh quạ. Cô nom y hệt như vừa mới nhoi ra khỏi một bữa tiệc đập phá cả tuần liền với một băng những tay nhạc rock cứng.

Thực ra cô không có chuyện rối loạn về ăn uống, Armansky chắc chắn như thế. Trái lại cô xơi mọi thứ thực phẩm ăn liền. Đơn giản chỉ là giờ sinh cô đã mảnh mai, xương nhỏ, tay chân thanh mảnh với hai bàn tay nhỏ, cổ tay bé và bộ ngực của con nít. Cô hai mươi tư nhưng đôi khi nom như mười bốn.

Cô có cái miệng rộng, mũi nhỏ và lưỡng quyền cao, nó cho cô cái vẻ gần như châu Á. Động tác cô nhanh và nguồn nguào, nhưng khi cô ngồi vào bàn máy tính làm việc, hai tay cô lướt bay trên đàn phím. Gầy quá đáng, cô không thể lập nghiệp bằng làm người mẫu nhưng nếu được

trang điểm chuẩn thì bộ mặt của cô lại có thể đưa cô lên bất cứ tấm bảng quảng cáo nào trên thế giới. Đôi khi cô bôi sáp môi đen và mặc dù các hình xăm, mặc dù mũi cùng mí mắt xỏ lỗ..., à đúng thế, cô vẫn hấp dẫn. Không thể giải thích nổi điều này.

Sự thực là những việc Salander làm cho Dragan Armansky là đáng ngạc nhiên. Cô không phải là kiểu phụ nữ ông muốn tiếp xúc theo lối thông thường.

Ông đã mượn cô hơi vu vơ. Holger Palmgren, một luật sư đã về hưu nhưng vẫn làm việc bán thời gian, trông nom công chuyện làm ăn cá nhân của ông già J.E.Milton, đã bảo với Armansky rằng Lisbeth Salander là một cô gái thông minh, ứng đối nhanh nhạy với “một thái độ khá rầy rà”. Palmgren kêu gọi ông cho cô ta một cơ may, điều mà Armansky đã hứa làm, trái với phán xét tốt hơn của ông. Palmgren là loại người nếu bị từ chối thì sẽ cố gắng gấp đôi, cho nên nói “ừ” phất ngay với ông ta lại dễ hơn. Armansky biết Palmgren dành tâm trí cho những đứa trẻ bị lỗi thôi rắc rối cùng các bất hạnh xã hội khác nhưng ông ta có óc phán đoán tốt.

Khi gặp cô gái, ông đã hối hận về quyết định mượn cô. Cô xem vẻ không chỉ có khó tính – trong mắt ông, cô gái chính là tinh túy của sự khó tính. Cô đã bị bung ra khỏi nhà trường và không được học cao hơn.

Mấy tháng đầu tiên cô làm chính thức, đúng, gần như tròn giờ. Cô thỉnh thoảng dạo qua văn phòng. Cô pha cà phê, đi ra bưu điện, trông nom việc sao chụp nhưng với cô thì giờ giấc văn phòng thông lệ hay các nề nếp lao động đều là đáng nguyên rủa. Mặt khác, cô có cái tài chọc giận các nhân viên khác. Người ta gọi cô là “cô gái có hai tế bào não” - một để thở và một để đứng. Cô không bao giờ nói về mình. Các đồng sự thử chuyện trò với cô ít khi nhận được lời đáp và đều sớm bỏ cuộc. Thái độ của cô không khuyến khích tình bạn lẫn lòng tin cậy, và cô nhanh chóng trở thành một người ngoài cuộc, lượn lờ trong các hành lang của Milton như một con mèo lạc. Nói chung cô được coi là một ca vô vọng.

Sau một tháng không có gì trừ rắc rối, Armansky cho mời cô, có ý định dứt khoát là để cô thôi. Cô nghe bản liệt kê của ông về các vi phạm của mình mà không hề phản đối, cả không hề nhếch cho lấy một téo lông mày. Cô đã không có “thái độ đúng đắn”, ông kết luận và sắp bảo rằng nếu cô tìm việc ở một hãng khác có thể sử dụng tốt hơn năng lực của cô thì chính lúc ấy cô cắt lời ông.

- Ông biết đấy, nếu ông chỉ muốn một nô lệ văn phòng thì ông có thể kiếm được ngay ở công ty cho mượn người làm tạm thời. Tôi có thể quản được bất cứ việc gì và bất cứ ai mà ông muốn, còn nếu ông không có cách nào sử dụng tôi tốt hơn là cho thôi việc thì ông là một người ngu.

Armasnky ngồi đực, sừng sốt và cáu, còn cô ta thì cứ tiếp tục nói như không.

- Ông có một người ở đây bỏ ba tuần ra viết một bản báo cáo hoàn toàn vô dụng về anh chàng nhiều tham vọng mà họ đang nghĩ tuyển cho cái công ty “.com” kia. Tối qua tôi sao chụp giúp anh ta cái của khỉ ấy và bây giờ tôi thấy nó nằm ở trên bàn giấy của ông.

Armansky đưa mắt vào bản báo cáo rồi ông cao giọng cho thay đổi không khí.

- Cô không được bảo đọc các báo cáo mật.

- Về hình thức thì không nhưng các nề nếp an ninh ở hãng của ông có một số thiếu sót. Theo chỉ thị của ông, anh ta cho là được tự tay sao chụp các thứ, nhưng hôm qua anh ta ném bản báo cáo cho tôi rồi bỏ ra quán bar. Bằng cách đó tôi cũng đã thấy bản báo cáo trước của anh ta ở

căng tin.

- Cô đã làm gì?

- Bình tĩnh nào. Tôi để nó vào trong hộp thư điện tử của anh ta.

- Anh ta có cho cô mã khóa kết tư liệu của anh ta không? – Armansky kinh hoàng.

- Không hẳn là cho; anh ta viết vào một mẫu giấy và lưu nó ở dưới bàn cùng với mật khẩu vào máy tính của anh ta. Nhưng vấn đề là khi giao cho một thám tử tư làm một cuộc điều tra có cá nhân vô tích sự thì chính là ông đã đùa. Anh ta bỏ mất sự thật là gã kia đã vay nợ để đánh bạc và hít cocain như một cái máy hút bụi. Hay bạn gái gã đã phải tìm cứu trợ ở trung tâm khủng hoảng của phụ nữ sau khi bị gã đánh cho tơi tả.

Armansky ngồi một hai phút giở các trang báo cáo. Nó được dựng lên bằng một tay có nghề, chữ nghĩa sáng sủa và chứa đầy nguồn gốc tham khảo cùng những xác nhận của bạn bè và chốn quen biết của đối tượng. Cuối cùng ông ngược mắt lên, nói gọn:

- Chứng minh xem nào!

- Tôi được bao nhiêu thời gian?

- Ba ngày. Nếu chiều thứ Sáu cô không chứng minh được lý lẽ của cô, cô bị sa thải.

Ba hôm sau cô nộp một bản báo cáo, cũng với các nguồn quy chiếu tương tự, đã biến mất anh chàng vui vẻ nhiều tham vọng hướng ngoại kia thành ra một tay tầm thường không thể tin cậy. Armansky đọc báo cáo của cô nhiều lần vào kỳ nghỉ cuối tuần và bỏ một phần ngày thứ Hai ra làm một cái việc không mặn mà lắm là kiểm tra hai chiều về một vài khẳng định của cô. Ngay cả khi chưa bắt đầu ông cũng đã biết thông tin của cô sẽ được chứng minh là chính xác.

Armansky lúng túng và cả giận dữ nữa với chính mình vì đã xét đoán sai cô gái. Ông đã cho cô là ngu ngốc, thậm chí trì độn. Ông không chờ đợi một cô gái từng bỏ nhiều lớp học đến nỗi không tốt nghiệp lại có thể viết một báo cáo đúng đến như thế về ngữ pháp. Nó cũng có những nhận xét và thông tin chi tiết và ông hoàn toàn không hiểu nổi làm sao cô gái lại có thể vớ được những sự việc như vậy.

Ông không thể tưởng tượng được một ai khác ở An ninh Milton lại có thể khoảng được các trích dẫn trong nhật ký mật của một bác sĩ ở trung tâm khủng hoảng của một phụ nữ. Khi ông hỏi cô làm thế nào xoay sở được chuyện đó, cô bảo ông rằng cô không có ý làm lộ các nguồn tin của cô. Hóa ra rõ ràng là Salander sẽ không đủ để cho ông cưỡng lại ý muốn thử sức cô.

Ông nghĩ về chuyện này mất vài ngày. Ông nhớ lại câu Holger Palmgren nói khi ông ta gửi cô gái đến cho ông: “Ai cũng đáng có cơ hội”. Ông nghĩ đến những tư tưởng Hồi giáo đã nuôi dưỡng mình, nó dạy ông rằng nghĩa vụ của ông với Chúa là giúp đỡ nuôi dưỡng người bị hắt hủi ruồng bỏ. Dĩ nhiên ông không tin có Chúa và chưa từng vào nhà thờ Hồi giáo từ lúc chưa tới tuổi hai mươi nhưng ông thừa nhận Lisbeth Salander là một người đang cần sự giúp đỡ dứt điểm. Vài chục năm qua ông đã không làm được nhiều theo các đường lối này.

Thay vì đá Salander đi, ông lại triệu cô đến một cuộc họp trong đó ông cố tìm ra cái gì đã làm cho cô gái khó tính này thành ra khó chơi. Cảm tưởng của ông đã được xác nhận rằng cô từng khổ sở vì một vài vấn đề tình cảm, nhưng ông cũng phát hiện ra một bộ óc thông minh

khác thường ở đằng sau bề ngoài sùng sĩa của cô. Ông thấy cô ta gai góc và khó xài nhưng ông cũng rất ngạc nhiên là ông bắt đầu thích cô.

Các tháng tiếp theo đó Armansky đặt Salander dưới sự che chở của mình. Thật ra ông nhận thuê cô làm một dự án xã hội nho nhỏ. Ông cho cô những nhiệm vụ tìm kiếm không khó khăn và cố cho cô những chỉ dẫn về cách thức tiến hành. Cô sẽ kiên nhẫn nghe ông rồi bắt tay làm cái việc ông giao phó đúng như cách cô thấy là thích hợp. Ông yêu cầu giám đốc kỹ thuật của Milton cho cô học lớp cơ bản về khoa học Viễn thông Quốc tế. Họ ngồi với nhau hết cả buổi chiều cho đến khi ông được báo cáo lại rằng xem chừng về máy tính cô ta hiểu biết tốt hơn so với phần lớn người ở trong văn phòng.

Nhưng bất chấp các cuộc thảo luận về phát triển, các lời mời huấn luyện tại nhà và các hình thức lôi kéo khác, Salander rõ ràng là không có ý áp dụng các nề nếp văn phòng của Milton. Điều này đặt Armansky vào một cảnh khó xử.

Ông sẽ không chịu được bất cứ nhân viên nào tùy tiện đến và đi, trong các hoàn cảnh bình thường chắc ông đã yêu cầu cô gái sửa đổi hay biến. Nhưng ông linh cảm thấy rằng nếu ông cho Salander một tối hậu thư hay dọa sa thải thì cô sẽ đơn giản nhún vai một cái và đi liền.

Vấn đề nghiêm trọng hơn là ông không biết chắc được cả tình cảm của bản thân ông đối với cô gái trẻ kia nữa. Cô như một ám ảnh lằng nhằng, đẩy ra mà đồng thời cảm dỗ. Đây không phải là một sức hút tính dục, ít ra thì ông không nghĩ như thế. Những phụ nữ ông bị hút đến đều là tóc vàng, đầy đường cong, môi mọng, khiến cho các tưởng tượng của ông được khơi dậy. Ngoài ra ông đã cưới làm vợ trong hai chục năm, một phụ nữ Thụy Điển có tên là Riva và bà vẫn thừa thỏa mãn các đòi hỏi này. Ông chưa bao giờ không trung thành, thực ra... một cái gì đó có thể đã chỉ một lần xảy ra và vợ ông mà biết thì có thể sẽ hiểu lầm. Nhưng cuộc hôn nhân hạnh phúc và ông có hai cô con gái bằng tuổi Salander. Với lại ông không thiết các cô gái ngực lép, nhìn ở xa, họ có thể bị lầm ra là những cậu con trai xương xẩu. Đây không phải là phong cách của ông.

Dù thế ông cũng đã bắt gặp mình có những phút lơ mơ ám ớ về Lisbeth Salnder và ông cũng thừa nhận rằng ông không phải là hoàn toàn không bị cô gái tác động đến. Nhưng ông nghĩ hấp dẫn này là do bởi Salander là một người lạ lẫm với ông. Ông cũng có thể đem lòng yêu một một bức tranh tiên nữ hay một chiếc vỏ hai quai Hy Lạp lắm chứ. Salander tiêu biểu cho một cuộc đời không thực tại với ông, nó mê hoặc ông tuy ông không thể chia sẻ nó – và bất luận thế nào thì cô gái cũng không cho phép ông chia sẻ.

Một lần Armansky đang ngồi ở một quán cà phê trên đường Stortorget ở Gamla Stan thì Salander lững khững đi đến, ngồi vào một cái bàn cách đấy một ít. Cô đi với ba cô gái và một con trai, tất cả cùng một kiểu ăn mặc rất giống nhau. Armansky đã thích thú ngắm nhìn cô. Cô xem ra vẫn ý tứ như lúc ở sở nhưng cô gần như đã thật sự cười với câu chuyện một cô gái trong bọn kể, một cô gái có bộ tóc màu tím.

Armansky thầm hỏi cô gái sẽ phản ứng thế nào nếu một hôm ông đến làm việc với một bộ tóc màu xanh lá cây, quần jean cũ nát, một chiếc jacket da phủ đầy đinh tán và những dòng chữ nhằng nhít. Chắc cô sẽ chỉ hạ cổ cười thông cảm với ông.

Cô ngồi quay lưng lại ông và không ngó quanh lần nào, rõ ràng không biết ông đang ở đó. Ông cảm thấy mình đã bối rối vô cùng trước việc cô gái có mặt ở đây. Cuối cùng khi ông đứng lên định lén ra tránh bị lộ thì tình hình cô quay lại và nhìn thẳng vào ông, tựa hồ suốt thời gian qua cô biết ông ngồi ở đó và đã cho ông lọt vào tầm rada của cô. Con mắt cô nhìn quá ư ngạc nhiên đến nỗi ông cảm thấy nó giống như một đòn đánh. Làm như không nhìn thấy cô, ông vội vã rời quán cà phê. Cô chẳng chào lấy một lời nhưng đôi mắt theo ông, ông tin là thế, và chỉ đến

khi ông rẽ ở góc nhà rồi thì chúng mới thiêu đốt gáy ông.

Cô ít cười thành tiếng. Nhưng dần dà Armansky nghĩ ông nhận thấy thái độ cô có mềm đi. Cô có tính hài hước tỉnh khô, nói cho nhẹ đi là cô có thể làm cho ta bật cười giễu cợt.

Cảm thấy quá bị khiêu khích bởi việc cô gái thiếu đáp ứng xúc cảm, đôi phen ông đã muốn nắm lấy cô mà lắc. Phá lấy một lối lọt qua vỏ bọc của cô và giành lấy tình bạn hay ít nhất sự tôn trọng của cô.

Chỉ một lần, sau khi cô gái làm việc cho ông đã được chín tháng ông mới thử bàn về các cảm giác này với cô. Đó là vào một tối tháng Mười hai trong bữa tiệc Noel của An ninh Milton, và chỉ ít ông đã một lần uống rượu. Không xảy ra chuyện gì không phải cả - chỉ là ông cố bảo cô rằng ông thật lòng mến cô. Ông muốn giải thích một chút rằng ông muốn che chở cho cô và nếu từ nay cô cần giúp đỡ về bất cứ chuyện gì cô nên đến với ông đừng ngại. Ông còn thử ôm cô. Dĩ nhiên hoàn toàn là tình bè bạn.

Cô đã vặn người tránh cái ôm lỏng lỏng của ông rồi rời bữa tiệc. Sau đó cô không đến sở, không trả lời điện thoại di động. Ông đã cảm nhận việc cô vắng mặt này như một tra tấn - gần như một kiểu trừng phạt cá nhân. Ông không có ai để bàn luận về cảm xúc của ông và lần đầu tiên trong đời ông kinh hoàng nhận thấy cô có sức nắm giữ ông dữ dội đến thế nào.

Ba tuần sau, một buổi tối khi Armansky đang làm việc muộn chuẩn bị cho việc vào sổ sách cuối năm thì Salander lại xuất hiện. Êm như một bóng ma, cô vào văn phòng ông và ông nhận ra cô đang đứng trong bóng tối bên trong khung cửa ra vào nhìn ông. Ông không biết cô ở đấy đã bao lâu.

- Ông muốn cà phê không? – cô gái hỏi.

Cô đưa cho ông một tách lấy từ máy cà phê espresso trong căng tin. Nín lặng ông nhận lấy, cảm thấy vừa nhẹ người lại vừa kinh sợ khi cô lấy chân hất cánh cửa đóng lại. Cô ngồi xuống trước mặt ông và nhìn thẳng vào mắt ông. Rồi cô hỏi với một với một cái cách mà ta không thể cười xòa cho qua hay lảng tránh.

- Dragan, ông đã bị tôi hấp dẫn rồi ư?

Armansky ngồi như tê liệt, trong khi tuyệt vọng nghĩ trả lời với cô thế nào đây. Phản ứng đầu tiên của ông là cho rằng mình đã bị lãng mạ. Rồi ông nhìn thấy vẻ mặt cô và ông bỗng thấy ra rằng đây là lần đầu tiên cô thốt ra một câu hỏi có tính riêng tư như thế. Nó có ý nghiêm túc và nếu ông thử cười xòa với nó thì cô sẽ coi như đó là một xúc phạm. Cô muốn nói chuyện với ông và ông nghĩ cô đã phải mất bao thời gian để lấy can đảm mà hỏi câu đó. Ông thông thả buông bút xuống, ngả người vào lưng ghế. Cuối cùng ông nhẹ nhõm.

- Điều gì làm cô nghĩ như thế? – ông nói.

- Cách ông nhìn tôi, cách ông không nhìn tôi. Và những lần ông sắp giơ tay ra chạm vào tôi nhưng ông lại dừng lại.

Ông mỉm cười với cô gái:

- Tôi thừa nhận rằng nếu tôi đặt một ngón tay lên người cô thì cô sẽ cắn đứt ngón tay tôi.

Cô không cười, cô đang chờ.

- Lisberth, tôi là ông chủ của cô và nếu như tôi có bị cô hấp dẫn thì tôi cũng không bao giờ hành động theo nó.

Cô vẫn chờ.

- Giữa chúng ta – đã có những lúc tôi cảm thấy bị cô hấp dẫn, đúng. Tôi không thể giải thích được chuyện đó nhưng có chuyện như thế đấy. Vì một vài lý do nào đó mà tôi thật sự không hiểu, tôi rất mến cô. Nhưng đó không phải là chuyện xác thật.

- Thế thì tốt. Bởi vì cái đó sẽ không bao giờ xảy ra.

Armansky cười to lên. Lần đầu tiên cô nói ra một điều gì đó riêng tư thì đó là cái tin làm tan nát tim gan nhất mà một người đàn ông có thể hình dung ra rằng mình sẽ nhận được. Ông loay hoay tìm từ ngữ cho chính xác.

- Lisbeth tôi biết cô không thích một người đàn ông tuổi đã năm mươi cộng.

- Tôi không thích một người đàn ông năm mươi tuổi cộng mà lại là *ông chủ của tôi* - Cô giơ một tay lên. – Khoan, để tôi nói. Đôi khi ông ngốc ngếch và quan liêu đến phát bực nhưng ông là một người đàn ông hấp dẫn thật, và... tôi cũng có thể cảm thấy... Nhưng ông là ông chủ của tôi, tôi đã gặp vợ ông và tôi muốn giữ lấy việc làm với ông. Cái điều ngu nhất mà tôi có thể làm là để cho dính phải với ông.

Armansky không nói năng, thở cũng không dám.

- Tôi biết những điều ông làm cho tôi và tôi không vô ơn. Để cho tôi có cơ hội ở đây, ông đúng là đã phải vượt lên tất cả các định kiến của ông và tôi đánh giá cao ông ở điểm đó. Nhưng tôi không muốn ông là người tình của tôi, và cũng không phải bố tôi.

Một lát sau. Armansky đành thở dài, hết lẽ:

- Chính xác ra cô muốn gì ở tôi?

- Tôi muốn tiếp tục làm việc cho ông. Nếu ông thấy điều đó là được với ông.

Ông gật đầu, và hết sức thân tình hỏi cô:

- Tôi thật lòng muốn cô làm việc với tôi. Nhưng tôi cũng muốn thấy một kiểu tình bạn nào đó và cô hãy tin ở tôi.

Cô gái gật đầu.

- Cô không phải là người duy nhất khuyến khích tình bạn, - ông nói. Cô có vẻ nhượng bộ nhưng ông nói tiếp. – Tôi biết cô không muốn bất cứ ai can thiệp vào đời cô và tôi sẽ cố không làm chuyện đó. Nhưng nếu tôi tiếp tục mến cô thì vẫn cứ ổn chứ?

Salander nghĩ một lúc. Rồi để trả lời cô đứng lên, đi vòng qua bàn làm việc, ôm ông. Ông hoàn toàn bị chấn động. Chỉ khi cô buông ông ra ông mới cầm lấy tay cô.

- Chúng ta là bạn được chứ?

Cô gái gật một cái.

Đó là lần duy nhất cô cho ông thấy một sự trù mến nào đó và lần duy nhất cô đụng đến người ông. Đó là giây phút Armansky sung sướng nhớ lại.

Sau bốn năm cô vẫn khó ha cổ lộ ra một chi tiết về đời tư hay quá khứ của cô với Armansky. Một lần ông áp dụng với cô kiến thức của chính ông về nghệ thuật *pinder*. Ông cũng đã trò chuyện lâu với Holger Palmgren – ông ta có vẻ không ngạc nhiên khi thấy ông đến – và cuối cùng các điều ông tìm ra cũng không làm tăng thêm lòng tin của ông với cô. Ông không hề nhắc một lời nào về chuyện này với cô hay để cho cô biết ông đã nhòm ngó vào đời cô. Thay vì thế, ông đem giấu nỗi canh cánh đi và thao thức nhiều thêm.

Trước khi kết thúc buổi tối kỳ lạ đó, Armansky và Salander đã đi đến một thỏa thuận. Trong tương lai cô sẽ làm các dự án nghiên cứu cho ông với điều kiện là một người tự do. Có nhiệm vụ hay không cô vẫn nhận được một thu nhập nho nhỏ hàng tháng. Khi được trả theo nhiệm vụ cô mới kiểm ra tiền thật sự. Cô có thể làm việc theo cung cách cô thích; đáp lại, cô cam đoan không làm bất cứ một chuyện gì có thể khiến ông bối rối hay có cơ đem lại tai tiếng cho An ninh Milton.

Với Armansky thì đây là một giải pháp có lợi cho ông, cho công ty và cho bản thân Salander. Ông cắt bộ phận PI nhiều sự xuống còn một nhân viên chính thức, một đồng sự nhiều tuổi hơn nắm hoàn hảo các công việc đã thành nếp sẽ trông nom các cuộc kiểm tra về tín nhiệm. Mọi nhiệm vụ phức tạp và đòi mánh mung ông chuyển lại hết cho Salander và một vài người làm tự do mà – như phương sách cuối cùng – là những người ký hợp đồng độc lập do đó An ninh Milton không thật sự phải gánh trách nhiệm. Do ông hay trao việc, cô kiếm được kha khá lương. Lương có thể cao hơn nữa nhưng Salander lại chỉ nhận việc gì mà cô thích.

Cô gái thế nào thì Armansky tiếp nhận cô thế nấy nhưng cô không được phép gặp các thân chủ. Việc giao cho cô hôm nay là một ngoại lệ.

Hôm làm việc ấy Salander mặc một cái áo thun có hình một người ngoài trái đất có nanh và dòng chữ TÔI CŨNG LÀ NGƯỜI NGOÀI TRÁI ĐẤT. Ngoài chiếc váy đen gấu bị mài cho bột xơ đi, cô mặc một cái jacket da đen dài lưng lửng đã cũ, thắt lưng đinh tán, đôi boots Doc Marten nặng trĩu có sọc ngang, tất xanh và đỏ cao đến đầu gối. Cô trang điểm bằng một phôi màu cho thấy là cô có thể bị bệnh mù màu. Nói cách khác là cô làm đẹp khác với đời.

Armansky thở dài, chuyển mắt sang người khách ăn mặc lối bảo thủ với cặp kính dày cộp. Dirch Frode, một luật sư, đã nài được gặp nhân viên chuẩn bị bản báo cáo để đặt câu hỏi. Armansky đã lịch sự làm mọi cái mà ông có thể để tránh cuộc gặp, rằng Salander bị cảm, đã đi xa hay là đang sa vào công chuyện khác. Ông luật sư bình tĩnh đáp lại rằng không sao - việc

không khẩn cấp và ông có thể chờ vài ba hôm. Cuối cùng thì không sao tránh được việc hai người gặp nhau. Bây giờ Frode, nom có vẻ đã đến cuối lục tuần, đang nhìn lại, vẻ mặt không cho ra thấy một chút cảm xúc ảm áp nào.

Armansky thờ dài, nhìn một lần nữa vào tập hồ sơ cô gái để ở trên bàn ông có đề CARL MIKAEL BLÖMKVIST. Sau tên người có con số bảo hiểm xã hội, in rõ ràng ở bìa. Ông đọc to cái tên lên. Ngài Frode vụt tỉnh khỏi cơn mê, quay lại Armansky.

- Vậy ông có thể nói gì về Mikael Blomkvist cho tôi?

- Đây là cô Salander, người chuẩn bị bản báo cáo. – Armansky ngáp ngừng một giây rồi mỉm cười tiếp theo, nụ cười dụng ý gây tin cậy nhưng lại có vẻ như là đã hết cách nên đành ân hận vậy. - Đừng bị tuổi trẻ của cô Salander đánh lừa. Cô ấy thực sự là điều tra viên tốt nhất của chúng tôi.

- Tôi định ninh như thế, - Frode nói, giọng khô khốc gợi đến điều ngược lại. – Xin cho biết cô đây đã tìm thấy những gì.

Rõ ràng Frode không biết nên cư xử với Salander như thế nào. Để gỡ ra. Ông hướng câu hỏi vào Armansky, làm như không có cô gái ở trong phòng. Salander thì thối keo cao su trong miệng thành một quả bong bóng to tướng. Armansky chưa kịp trả lời, cô đã nói:

- Ông có thể hỏi thân chủ xem ông ấy thích bản ngắn hay bản dài?

Một im lặng ngắn ngủn, bối rối rồi cuối cùng Frode quay sang Salander, cổ vót vát lại bằng một giọng thân mật, cha chú:

- Tôi sẽ cảm ơn nếu tiểu thư cho tôi một tóm tắt về các kết quả.

Trong một thoáng vẻ mặt cô gái chột thù nghịch đến ngạc nhiên khiến cho Frode thấy lạnh xương sống. Rồi vẻ mặt cô mềm đi rất nhanh và Frode nghĩ liệu cái nhìn vừa rồi ở cô có phải là ông tưởng tượng ra hay không. Khi bắt đầu lên tiếng, cô nói, nghe như một viên chức nhà nước:

- Trước hết cho phép tôi nói rằng đây không phải là nhiệm vụ rất phức tạp, trừ việc miêu tả công việc trao cho tôi thì vì lẽ nào đó đã không được rõ ràng. Ông muốn biết “mọi cái có thể đào bới lên” về anh ta nhưng không cho hay rằng liệu ông có đang đặc biệt tìm kiếm một cái gì đó không. Vì thế nó là một bản chấp vạ về đời của anh ta. Bản báo cáo dài 193 trang, nhưng 120 trang là sao lại các bài báo anh ta đã viết hay những cắt dán báo chí. Blomkvist là một người của công chúng và anh ta khó có thể giữ được những bí mật của mình.

- Nhưng anh ta cũng có một vài bí mật chứ?

- Ai cũng có bí mật, - cô đáp lại, thái độ trung lập. – Đây chỉ là chuyện tìm ra bí mật là những gì?

- Chúng ta nghe đi nhĩ?

- Mikael Blomkvist sinh ngày 18 tháng Giêng năm 1960, như vậy là bốn mươi hai tuổi. Anh ta sinh ra ở Borlange nhưng không sống ở đấy bao giờ. Bố mẹ anh ta, Kurt và Anita Blomkvist sinh anh ta vào quãng ba mươi năm tuổi. Cả hai đều đã chết. Bố là kỹ sư lắp đặt máy lưu động

làm ăn tốt. Mẹ anh ta như tôi có thể nhìn thấy thì chả làm gì ngoài nội trợ. Gia đình chuyển đến Stockholm khi Mikael bắt đầu đi học. Anh ta có cô em gái kém ba tuổi tên là Annika làm luật sư. Anh ta cũng có vài anh chị em họ. Ông có định mời cà phê không?

Câu sau cùng là nói với Armansky, ông vội bấm ba tách cà phê ở trong phích mà ông đã yêu cầu cho buổi gặp. Ông ra hiệu cho Salander tiếp tục.

- Vậy là năm 1966 gia đình sống ở Lilla Essingen. Blomkvist đầu tiên đi học ở Blomma rồi vào trường trung học cơ sở ở Kungsholmen. Anh ta có điểm học tốt – có các bản sao trong hồ sơ đây – trong lúc học trung học cơ sở, anh ta đã học nhạc và chơi guitar bass trong một ban nhạc rock tên là Bootstrap, ban nhạc duy nhất được chơi trên đài phát thanh mùa hè 1979. Sau trung học cơ sở anh ta làm người soát vé ở đường hầm, dành dụm được ít tiền ra nước ngoài. Anh ta đi một năm, phần lớn ngang dọc ở khu vực Châu Á - Ấn Độ, Thái Lan - rồi bùng xuống Úc. Anh ta bắt đầu học làm báo ở Stockholm lúc năm một tuổi nhưng được một năm thì đi nghĩa vụ quân sự, lính bộ binh ở Kiruna tại Lapland, rồi dời quân ngũ với điểm tốt. Sau nghĩa vụ quân sự, anh ta học nốt báo chí tới tốt nghiệp rồi làm việc ở ngành này từ đấy đến nay. Các ông muốn tôi chi tiết đến đâu?

- Cứ nói cái cô thấy là quan trọng.

- Anh ta đã xoay sở khá như Con lợn Tháo vát trong truyện cổ tích *Ba chú lợn con*. Cho đến nay anh ta là một nhà báo xuất sắc. Những năm 80 anh ta làm nhiều việc tạm, đầu tiên ở báo tỉnh rồi ở Stockholm. Có một danh sách đây. Anh ta đã đột phá với câu chuyện Băng Gấu – đám cướp ngân hàng bị anh ta nhận dạng.

- Kalle Blomkvist.

- Anh ta ghét cái biệt hiệu này, vì sao không rõ. Nếu ai đó gọi tôi là Pippi Tất dài[8] trên mặt báo thì tôi sẽ đánh cho vêu môi.

Mắt cô tối sầm nhìn Armansky và ông không dễ nuốt nó. Đúng là nhiều lần ông đã nghĩ Salander là Pippi Tất dài. Ông vẩy tay bảo cô nói tiếp.

- Một nguồn tin nói rằng cho đến nay anh ta muốn làm một phóng viên điều tra – và anh ta đã làm như thế ở một tờ báo chiều. Nhưng anh ta trở nên nổi tiếng vì công việc mà anh ta làm là phóng viên về chính trị và tài chính. Ban đầu anh ta là người viết tự do, trong biên chế chính thức ở một tờ báo chiều vào cuối những năm 80. Năm 1990 anh ta bỏ đấy khi giúp khai trương tờ tạp chí tháng *Millennium*. Tờ tạp chí ban đầu là kẻ chầu rìa thật sự, không có bất cứ một công ty phát hành nào đỡ đầu. Số lượng phát hành của nó tăng lên và nay là 21.000 bản mỗi tháng. Ban lãnh đạo ở Gotgatan cách đây vài khối nhà.

- Một tạp chí cánh tả.

- Cái này tùy theo ông định nghĩa như thế nào là khái niệm “cánh tả”. Nhìn chung *Millennium* được coi là phê phán xã hội nhưng tôi đoán một người vô chính phủ lại nghĩ nó là một tạp chí tư sản thối tha ba láp cùng một dòng với tờ *Arena* hay *Ordfront*, trong khi Hội liên hiệp Sinh viên Ôn hòa thì lại nghĩ các biên tập viên của nó đều là bôn-sê-vích. Không gì cho thấy Blomkvist từng hoạt động chính trị tích cực, ngay cả trong phong trào cánh tả khi anh ta đang học ở trung học cơ sở. Trong khi anh ta nhảy vào trường Báo chí, anh ta sống với một cô gái lúc đó là người hoạt động tích cực trong Công đoàn và nay là đại diện của đảng cánh tả ngồi ở Nghị viện. Anh ta hình như có ưu tiên cho cánh tả hơn vì làm phóng viên tài chính, anh ta chuyên vào các việc tường thuật điều tra về tham nhũng và những vụ làm ăn bí mật của thế giới các

tập đoàn. Anh ta đã có loạt bài vạch mặt những tay trùm công nghiệp và các nhà chính trị - mà phần lớn là xác đáng cả - dẫn đến một số vụ từ chức và chấn động pháp lý. Vụ được biết đến nhiều nhất là vụ Arboga, dẫn đến một nhà chính trị Bảo thủ buộc phải từ chức và một nguyên ủy viên hội đồng bị khép án một năm tù vì biển thủ. Việc kêu gọi chú ý đến các tội ác ít được coi là một chỉ dẫn cho thấy ai đó thuộc về cánh tả.

- Tôi hiểu ý cô. Còn gì khác?

- Anh ta đã viết hai quyển sách. Một về vụ Arboga và một về nghề viết báo tài chính có đầu đề là *Các Hiệp sĩ dòng đạo Templar* mới ra ba năm trước. Tôi chưa đọc nhưng qua các mục điểm sách thì hình như ý kiến trái ngược nhau. Nó làm nổ ra một cuộc tranh luận khá sôi nổi trên truyền thông.

- Tiền nong sao? – Frode hỏi.

- Anh ta không giàu nhưng không đói rạc. Có dính các bản khai thuế thu nhập ở bản báo cáo. Anh ta có khoảng 250.000 curon trong ngân hàng, ở cả quỹ hưu lẫn ở tài khoản tiết kiệm. Anh ta có một tài khoản khoảng 100.000 curon tiền mặt để cho các chi tiêu về công việc làm ăn, du lịch, vân vân. Anh ta sở hữu một căn hộ trong chung cư đã trả đủ - hơn 200 mét vuông ở Bellmansgatan – và anh ta không cho vay cũng không nợ nần. Anh ta có một tài sản nữa - một ít đất ở Sandhamn ngoài quần đảo. Đó là một ngôi nhà gỗ gần trăm mét vuông. Hệt như một cái lều mùa hè bên bờ nước, ở ngay chỗ hấp dẫn nhất của ngôi làng. Có vẻ như là một người chú bác của anh ta đã mua nó trong những năm 40 khi những kẻ trần tục còn có thể làm được chuyện đó, rồi cuối cùng căn nhà gỗ đến tay Blomkvist. Họ chia của cải và để cho cô em gái căn hộ của bố mẹ ở Lilla Essingern, Blomkvist được căn nhà gỗ. Tôi không biết bay đáng giá bao nhiêu - chắc chắn vài triệu – nhưng mặt khác anh ta hình như không muốn bán và anh ta thường hay đi ra Sandhamn.

- Thu nhập?

- Anh ta là đồng sở hữu ở *Millennium* nhưng anh ta chỉ lấy ra chừng 12.000 mỗi tháng coi như lương. Còn lại thì anh ta kiếm bằng viết tự do - tổng số thay đổi tùy. Ba năm trước anh ta vớ bẫm khi kiếm được khoảng 450.000. Năm ngoái anh ta chỉ làm được có 120.000 từ viết tự do.

- Anh ta phải trả 150.000 thuế cộng với phí luật sư v.v... - Frode nói. – Chúng ta hãy cho là số tiền đó khá cao. Anh ta cũng mất tiền trong khi thụ án tù.

- Như thế có nghĩa là anh ta sắp bị trắng tay, - Salander nói.

- Anh ta trung thực không?

- Có thể nói đó là cái vốn tín nhiệm của anh ta. Anh ta như là hình ảnh của người canh gác nền đạo đức chọi lại với thế giới kinh doanh. Anh ta thường được mời lên nói trên tivi.

- Sau tuyên án hôm nay chắc cái vốn tín nhiệm chả còn lại được mấy.

- Tôi không biết chính xác người làm báo phải chịu những đòi hỏi gì nhưng sau chuyện thất bại này chắc sẽ phải một thời gian dài thì Thám tử Bậc thầy Blomkvist mới giành được Giải lớn của báo chí. Lần này anh ta tự làm cho mình bị sa chân, - Salander nói. - Nếu tôi có thể bình luận với tư cách cá nhân...

Aramnsky mở to mắt. Trong những năm làm việc với ông khi điều tra về một cá nhân, Salander không đưa ra bình luận riêng tư bao giờ. Tất cả những gì quan trọng với cô là sự việc trần trụi.

- Nhiệm vụ giao cho tôi không có khoản nhìn vào vấn đề chân lý ở trong vụ Wennerstrom nhưng tôi có theo dõi phiên tòa và phải thừa nhận rằng tôi đã ngạc nhiên thật sự. Bài báo là sai quá rõ nhưng cho đăng lên xem ra ngô nghê quá, như thế thì hoàn toàn không phải là tính cách của Blomkvist.

Salander gãi gãi cổ. Frode nom kiên nhẫn. Aramnsky nghĩ có thể là ông sai hay là Salander thật sự không chắc chắn nên tiếp tục như thế nào. Salander mà ông biết, không bao giờ không chắc chắn hay do dự. Cuối cùng có vẻ cô đã quyết định.

- Chuyện không được để lộ, hãy nói là thế... Tôi không chính thức nghiên cứu vụ Wennerstrom nhưng tôi thật sự nghĩ rằng Mikael Blomkvist đã nêu lên được vấn đề. Tôi nghĩ trong chuyện này có một cái gì đó hoàn toàn khác với điều mà bản nghị án của tòa chỉ ra.

Còn mắt dò xét của ông luật sư chăm chú quan sát Salander, còn Aramnsky để ý thấy từ khi cô bắt đầu bản báo cáo, lần đầu tiên thân chủ của ông tỏ ra là ông ta không chỉ thích thú theo phép lịch sự. Ông ghi nhận thầm rằng Frode có quan tâm nhất định đến vụ Wennerstrom. Sửa ngay đi thôi, lập tức Aramnsky nghĩ, Frode không quan tâm đến vụ Wennerstrom đâu - chỉ khi Salander gọi ra rằng Blomkvist đã nêu được vấn đề thì Frode mới phản ứng.

- Chính xác cô muốn nói gì? – Frode nói.

- Đây là tôi suy luận nhưng tôi tin rằng ai đó đã lừa anh ta.

- Cái gì làm cho cô nghĩ thế?

- Trong quá khứ của Blomkvist mọi cái đều cho thấy anh ta là một phóng viên thận trọng. Mọi phát hiện có tranh cãi mà trước đây anh ta cho đăng đều luôn luôn đầy đủ về mặt tư liệu. Tôi đã đến tòa nghe xử. Anh ta hình như bỏ cuộc không hề đấu lại. Cái đó không hợp lý với tính cách của anh ta chút nào. Nếu chúng ta tin tòa án thì đây là anh ta đã dựng lên một câu chuyện về Wennerstrom mà không có lấy qua một tí bằng chứng rồi đem đăng lên chẳng khác nào làm báo theo kiểu đánh bom tự sát vậy. Đây không phải là phong cách của Blomkvist.

- Vậy thì theo cô đã xảy ra cái gì?

- Tôi chỉ có thể suy đoán. Blomkvist tin câu chuyện của mình nhưng trong khi làm thì một cái gì đó đã xảy ra và thông tin quay ra thành sai. Điều này chứng tỏ nguồn tin từ một ai đó mà anh ta tin cậy, hoặc người đó đã cố tình cung cấp tin sai cho Blomkvist - việc này nghe phức tạp đến mức khó lòng mà có được. Một khả năng khác là anh ta đã bị đe dọa nghiêm trọng khiến anh ta chịu thua và thà bị coi là một thằng ngu bất tài chứ không đánh trả lại. Nhưng như tôi đã nói, tôi chỉ là suy luận.

Khi Salander có ý tưởng trình tiếp, Frode giơ tay lên. Ông ngồi, ngón tay gõ lên tay ghế một lúc rồi ngáp ngừng nhìn cô gái:

- Nếu chúng tôi mượn cô tháo gỡ sự thật trong vụ Wennerstrom... thì có bao nhiêu cơ may là cô sẽ tìm ra một cái gì?

- Tôi không trả lời được điều đó. Có thể là không có cái gì để mà tìm ra cả.

- Nhưng cô muốn làm thử không?

Cô nhún vai:

- Quyết định không phải là phận tôi. Tôi làm việc cho ông Armansky và ông ấy quyết định việc gì ông ấy muốn giao cho tôi. Rồi còn tùy vào loại thông tin gì mà ông tìm kiếm nữa.

- Tôi nói thế này... và cứ coi như là chúng ta đang nói chuyện riêng tư kín đáo với nhau được chứ? - Armansky gật đầu. - Tôi không biết gì hết về vấn đề đặc biệt này nhưng chắc chắn là tôi biết rõ rằng Wennerstrom đã xử sự không trung thực trong các tình huống khác. Vụ án Wennerstrom ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời Blomkvist và tôi thích thú được thấy liệu có một cái gì đó ở trong các suy luận của cô không.

Câu chuyện đã quay sang một ngả bất ngờ, Armansky lập tức cảnh giác. Điều Frode yêu cầu với An ninh Milton là thăm thú vào một vụ án đã được kết luận. Một vụ án trong đó có thể đã có một vài đe dọa nào đấy với Blomkvist và nếu họ nhận lời thì Milton sẽ có cơ vấp phải cả một binh đoàn luật sư của Wennerstrom. Ít nhất thì Armansky cũng không yên tâm với ý nghĩ Salander sẽ được cho thả lỏng ở trong một tình hình như thế này, cô sẽ giống như một tên lửa mất kiểm soát.

Đây không chỉ là một vấn đề dính dáng đến công ty. Salander đã thẳng thắn cho thấy cô không muốn Armansky cư xử như kiểu một vài ông bố dượng cả lo và từ khi hai người thỏa thuận, ông đã thận trọng để không bao giờ cư xử như thế nhưng trong thực tế ông có bao giờ hết lo lắng cho cô đâu. Đôi khi ông bất chợt so sánh Salander với các con gái của mình. Ông coi mình như một ông bố tốt không can thiệp vô cớ vào đời sống con cái. Nhưng ông biết ông không tha thứ cho chuyện đó nếu các con gái ông xử sự như Salander hay sống như Salander.

Trong sâu thẳm con tim người Croat - hay có thể là Bosnia hay Armenia - của ông, ông không bao giờ hết đinh ninh rằng cuộc đời của Salander đang bị cô hướng đến tai họa. Hình như cô là nạn nhân ngon lành cho bất cứ ai mong muốn hại cô, và ông nơm nớp về một buổi sáng ông đã bị đánh thức dậy bởi cái tin rằng một người nào đó đã gây khốn đốn cho cô.

- Điều tra như thế sẽ tốn kém, - Armansky nói, cảnh báo trước như vậy để thăm dò xem yêu cầu của Frode nghiêm túc đến đâu.

- Vậy chúng ta sẽ đặt ra một mức giá trần, - Frode nói. Tôi không yêu cầu cái không thể, nhưng rõ ràng là đồng sự của ông có thừa bản lĩnh, như ông đã đảm bảo với tôi.

- Salander sao? - Armansky nói, nhướn lông mày lên quay sang cô gái.

- Hiện tôi đang không làm một việc nào khác cả.

- OK. Nhưng tôi muốn chúng ta cần thỏa thuận với nhau về các bó buộc của công việc. Ta hãy nghe nốt báo cáo của cô.

- Đời tư anh ta thì không có gì nhiều. Năm 1986 anh ta lấy Monica Abrahamsson và cũng năm ấy họ có một đứa con gái, Pernilla. Cuộc hôn nhân không bền; họ li hôn năm 1991. Abrahamsson đã tái hôn nhưng xem ra họ vẫn là bạn bè. Đứa con gái sống với mẹ và không hay

gặp Blomkvist.

Frode xin thêm cà phê rồi quay sang Salander.

- Cô nói ai cũng có bí mật. Cô đã tìm ra cái nào chưa?

- Ý tôi là mọi người đều có những điều họ coi là riêng tư và họ không đi rao chúng lên ở nơi công cộng, Blomkvist rõ ràng là một người rất đào hoa. Anh ta có vài cuộc tình và rất nhiều vụ chơi bời tình cờ. Nhưng trong nhiều năm, một người vẫn cứ luôn xuất hiện trong đời anh ta và đây là một quan hệ khác thường.

- Như thế nào?

- Erika Berger, Tổng biên tập tạp chí *Millennium*, xuất thân tầng lớp thượng lưu, mẹ người Thụy Điển, bố người Bỉ sống ở Thụy Sĩ. Berger và Blomkvist gặp nhau ở trường báo và từ đấy có một mối quan hệ lúc tắt lúc bật.

- Chuyện đó có thể là không khác thường lắm, - Frode nói.

- Không, có thể là không. Nhưng có chuyện là Berger đã lấy nghệ sĩ Greger Beckman, một tên tuổi nhỏ nhỏ từng đã làm nhiều chuyện ghê gớm ở những chốn gặp gỡ công cộng.

- Vậy là cô ta không chung thủy.

- Beckman biết quan hệ của hai người. Đây là một tình huống mà xem bề ngoài thì các bên liên quan đều chấp nhận. Đôi khi cô ấy ngủ ở chỗ Blomkvist, đôi khi ở nhà. Tôi không biết chính xác chuyện này ra sao nhưng chắc nó đã là yếu tố góp phần vào việc phá vỡ hôn nhân của Blomkvist với Abrahamsson.

## Chương 3

Thứ Sáu, 20 tháng Mười hai

Thứ Bảy, 21 tháng Mười hai

Khi Blomkvist trông có vẻ lạnh cóng bước vào văn phòng lãnh đạo, Erika Berger ngừng lên nhìn giễu cợt. Các văn phòng của *Millennium* ở tại trung tâm khu phố thời thượng Gotgatan, bên trên các văn phòng của tổ chức Hòa Bình Xanh. Tiền thuê thật sự hơi quá cao với tờ tạp chí nhưng tất cả họ đều tán thành giữ lấy chỗ này.

Cô liếc nhìn đồng hồ. 5 giờ 10 phút, bóng tối đã đổ xuống Stockholm từ lâu rồi trước đó. Cô chờ anh từ quanh quần bữa trưa.

- Anh xin lỗi, - cô chưa kịp nói gì anh đã nói. – Nhưng anh đang cảm thấy bản tuyên án đè nặng trĩu lên anh và anh thấy không thích nói đến. Anh đã đi bộ hồi lâu để nghĩ lại các chuyện.

- Em nghe bản tuyên án trên tivi. *She* của TV4 gọi đến muốn một lời bình luận.

- Em nói sao?

- Một cái gì đó đại ý rằng chúng ta cần đọc kỹ bản xét xử đã rồi có tuyên bố gì mới tuyên bố. Cho nên em không nói gì cả. Và em vẫn cứ giữ ý kiến của em: đây là một chiến lược sai lầm. Chúng ta ra khỏi cuộc mà nom đúng là hết hơi với giới truyền thông. Tối nay họ sẽ cho lên tivi một cái gì đó.

Blomkvist nom rầu rĩ.

- Anh đang làm gì đấy?

Blomkvist nhún vai rồi buông thông người vào cái ghế mà anh thích ngồi gần bên cửa sổ trong phòng làm việc của Erika. Trang hoàng đậm bạc với một bàn làm việc và những tủ sách cốt lấy cái tiện dụng và đồ đạc văn phòng rẻ tiền. Tất cả đều là mua ở IKEA, trừ hai cái ghế có tay thoải mái, kiểu kỳ quái và một cái bàn nhỏ - một nhượng bộ với sự học vấn của em, cô thích nói như thế. Khi muốn dời bàn làm việc, cô có thể ngồi đọc trên một trong hai chiếc ghế có tay, hai chân gập lại. Blomkvist nhìn xuống Gotgatan, ở dưới đó người ta đang hối hả trong bóng đêm. Đang là mùa mua sắm cho Noel.

- Anh cho là rồi sẽ qua đi thôi, - anh nói. – Nhưng ngay lúc này anh thấy y như là anh đã bị đối xử rất không công bằng.

- Đúng, em có thể hình dung ra. Tất cả chúng ta đều thế. Janne Dahlman về nhà sớm hôm nay.

- Anh cho là anh ta không mừng rơn về bản tuyên án.

- Dầu sao anh ta cũng không phải là người tích cực nhất.

Blomkvist lắc đầu. Dahlman là trưởng ban biên tập trong chín tháng qua. Anh ta bắt đầu làm ở đây đúng vào lúc diễn ra vụ Wennerstrom và anh ta thấy mình ở đầu một bộ phận biên tập đang khủng hoảng. Blomkvist cố nhớ lại lập luận của anh và Berger khi hai người quyết định mượn anh ta. Anh ta có năng lực, dĩ nhiên, từng làm việc ở hãng tin TT, các báo chiều, và Ekhon trên đài phát thanh. Nhưng rõ ràng là anh ta không thích cho thuyền đi ngược gió. Cả năm ngoái, Blomkvist thường ân hận là đã mượn Dahlman, người có thói quen làm nản chí, nhìn mọi sự với một ánh sáng là càng chối bỏ được càng hay.

- Em có được tin Christer không? – Blomkvist hỏi, mắt vẫn không rời đường phố.

Christer Malm là trưởng ban mỹ thuật và là người thiết kế của *Millennium*. Anh cũng là người đồng sở hữu của tờ tạp chí cùng với Berger và Blomkvist nhưng anh đang ra nước ngoài với cậu bạn trai.

- Cậu ta có phon đến chào.

- Cậu ta sẽ phải là người tiếp nhận chức chủ bút.

- Đẹp đi, Micke. Anh phải tính đến chuyện làm chủ bút là thường xuyên bị đâm vào mũi. Đây là một phần trong nội dung công việc này.

- Chỗ này em đúng. Nhưng anh là người viết bài được đăng ở trong một tạp chí mà thế nào chủ bút lại là anh. Điều này đột ngột làm cho mọi chuyện có vẻ khác đi. Lúc này nó thành ra là một chuyện phán đoán tồi.

Berger cảm thấy nổi bất an cô mang trong người suốt ngày hôm nay sắp nổ bung ra. Trong những tuần trước khi phiên tòa bắt đầu, Blomkvist đã buồn rầu ngơ ngẩn. Nhưng cô chưa hề thấy anh ủ rũ và suy sụp như có vẻ đang là thế trong giờ phút thất bại này. Cô đi đến anh ở bên kia bàn làm việc, ngồi xuống lòng anh, quàng tay ôm cổ anh.

- Mikael, nghe em này. Cả hai chúng ta đều biết chính xác chuyện này xảy ra như thế nào. Em cũng đáng bị mắng mỏ như anh. Chúng ta chỉ cần cùng đi ra khỏi cơn bão.

- Có bão nào để mà đi ra. Chừng nào giới truyền thông còn dính dáng vào bản tuyên án này ngu ý là anh đã bị bắn sau lưng. Anh không thể ở lại làm chủ bút của *Millennium*. Điều sống còn là duy trì được độ tin cậy của tờ tạp chí. Cái đó em cũng rõ như anh thôi.

- Nếu anh nghĩa em định để cho mình anh phải chịu trận thì có nghĩa là trong những năm chúng ta làm việc với nhau anh chẳng hiểu gì về em cả.

- Anh biết em làm việc thế nào, Ricky. Em trung thực trăm phần trăm với đồng sự. Nếu phải chọn thì em sẽ đánh lại dài dài đám luật sư của Wennerstrom cho đến khi tín nhiệm của em cũng tiêu nốt luôn. Chúng ta phải thông minh hơn thế.

- Thế anh nghĩ đổi tàu và làm ra vẻ em đuổi việc anh thì là thông minh sao?

- *Millennium* sống sót được là trông vào em lúc này. Christer giỏi nhưng cậu ấy chỉ là một người tốt, am hiểu về hình ảnh cũng như trình bày báo, còn thì không biết tí gì về đánh nhau với bọn tỉ phú. Đây không phải là lĩnh vực của cậu ấy. Anh sẽ phải biến đi một thời gian ở tư

cách là chủ bút, phóng viên và thành viên lãnh đạo. Wennerstrom biết là anh biết việc hấn làm, anh tin tuyệt đối rằng chừng nào anh còn lảng vảng gần *Millennium* thì hấn sẽ còn cố làm cho chúng ta lụn bại.

- Vậy sao không đăng lên mọi thứ mà chúng ta biết? Được ăn cả ngã về không chứ?

- Vì chúng ta không chứng minh được cái quái gì hết; và ngày bây giờ, anh chẳng còn chút tín nhiệm nào. Hãy chấp nhận Wennerstrom thắng keo này.

- OK. Vậy thì em đuổi việc anh. Anh sẽ làm gì đây?

- Anh cần một đột phá, nói cho trung thực. Anh đã bị thiêu sạch rồi. Anh sẽ cần một ít thời gian cho bản thân anh, một ít thời gian ấy là ở trong tù. Rồi chúng ta sẽ xem.

Berger quàng hai tay quanh người anh, kéo đầu anh xuống ngực mình. Cô ôm anh thật chặt.

- Cần bạn đồng hành tối nay không? – cô nói.

Blomkvist gật.

- Tốt. Em đã bảo Greger là tối nay em ở chỗ anh.

Ánh đèn đường hắt vào không tới các góc của cửa sổ. Khoảng hơn 2 giờ sáng, khi Berger ngủ rồi, Blomkvist nằm thức ngắm nét nghiêng mặt cô trong bóng tối lơ mờ. Chấn tụt xuống quang eo cô và anh nhìn ngực cô từ từ lên xuống. Anh thấy thư thái, nỗi lo lắng trong lồng cũng đã dịu đi. Cô có cái hiệu lực này với anh. Cô luôn luôn có nó. Và anh biết anh cũng có cái hiệu lực tương tự với cô.

Hai mươi năm, anh nghĩ. Đã lâu biết bao. Theo anh hiểu thì hai người có thể còn tiếp tục ngủ với nhau hai thập niên nữa. Là ít nhất. Họ không bao giờ nghiêm chỉnh cố che giấu mối quan hệ của họ ngay cả khi nó dẫn đến chỗ khó xử trong các cuộc làm ăn giữa họ với người khác.

Họ gặp nhau trong một bữa tiệc khi cả hai cùng ở năm thứ hai của trường báo. Trước khi chào chia tay họ đã trao đổi số điện thoại. Cả hai biết sẽ tới bước họ cùng nhau lên giường và chưa tới một tuần thì niềm tin vững chắc ấy đã được họ biến ra thành hiện thực mà chẳng có thông báo với các đối tác tương ứng của họ.

Blomkvist định ninh rằng loại tình yêu kiểu cổ không dẫn tới một mái nhà chung, một sự thể chấp chung, những cây Noel và con cái. Trong những năm 80, khi họ không bị ràng buộc bởi các quan hệ khác, họ đã bàn chuyện dọn đến ở chung. Anh đã muốn thế nhưng Erika luôn đánh tháo vào phút cuối. Chuyện đó không ổn, cô nói, nếu họ yêu nhau họ sẽ có nguy cơ nhận lấy cái điều mà họ đã nhận. Blomkvist thường hay nghĩ liệu có thể vì ham muốn một người đàn bà nào khác mà bị chiếm hữu mất nhiều hơn không. Sự thật là họ cùng nhau tiến hành chuyện đó tốt và họ có một mối gắn bó giống như gây nghiện của hêrôin vậy.

Đôi khi họ ở bên nhau quá nhiều đến nỗi cảm thấy họ chả khác gì một cặp thật sự; đôi khi

lại tới cả tuần cả tháng trôi đi họ mới lại gặp nhau. Nhưng cũng như các dân nghiện, sau khi bị cấm uống ở trên tàu thì lập tức bị cửa hàng rượu ở sân ga hút nghiện ngay lấy, họ luôn quay trở về với nhau.

Về lâu dài không thể tránh khỏi chuyện lẩn cấn. Loại quan hệ ấy gần như buộc phải gây nên đau khổ. Cả hai đều đã phải vất bỏ đằng sau những lời hứa tan vỡ cùng người tình bất hạnh – hôn nhân của anh sụp đổ vì anh không thể xa cách Erika Berger. Anh không bao giờ lừa dối Monica, vợ anh, về tình cảm của anh với Erika nhưng cô nghĩ chuyện ấy sẽ kết thúc khi hai người cưới nhau và đưa con gái ra đời. Và gần như cùng lúc ấy Berger lấy Greger Beckman. Blomkvist cũng nghĩ chuyện ấy sẽ hết và trong những năm đầu của hôn nhân, anh và Berger chỉ gặp nhau trong công việc báo chí. Rồi họ mở tạp chí *Millennium* và trong vài tuần các ý đồ tốt đẹp của họ tiêu tan, rồi một tối đã muộn, họ làm tình dữ dội với nhau trên bàn làm việc của Erika. Việc đó dẫn đến một thời kỳ khó khăn trong đó Blomkvist rất muốn sống với gia đình và trông con gái lớn khôn, nhưng đồng thời anh cũng hết phương chống đỡ cứ bị cuốn hút tới Berger. Đúng như Salander suy đoán, việc đó đã dẫn đến việc vợ anh bỏ anh.

Khá lạ, Beckman hình như lại chấp nhận quan hệ của họ. Berger luôn để ngỏ cho thấy anh biết tình cảm của vợ anh với Mikael. Và ngay khi hai người lại vừa bắt đầu có chuyện ăn nằm cô liền bảo Beckman. Có lẽ phải là một tâm hồn nghệ sĩ thì mới có thể chịu được một tình thế như vậy, một ai đó quá khép kín trong thế giới sáng tạo của bản thân hay có thể chỉ là khép kín trong bản thân để mà khi vợ mình ngủ với một kẻ khác lại không nổi loạn. Erika thậm chí chia ngày nghỉ ra để có thể cùng với người tình qua hai tuần ở ngôi nhà gỗ nhỏ mùa hè của anh ta tại Sandhamn. Blomkvist không nghĩ sâu lắm về Beckman và anh không bao giờ hiểu tình yêu của Berger với anh. Nhưng anh vui là cô có thể yêu hai người đàn ông cùng một lúc.

Blomkvist không ngủ được, anh dậy lúc 4 giờ. Anh vào bếp đọc biên bản xét xử của tòa án một lần nữa từ đầu đến cuối. Cầm tài liệu này trong tay, anh có một cảm nhận rằng trong lần gặp gỡ ở Arholma đã có một cái gì đó gần như định mệnh. Anh không chắc chắn liệu việc Lindberg bảo anh chi tiết về các trò lừa bịp của Wennerstrom có phải chỉ đơn giản là để mua vui giữa những lần nâng cốc trong gian buồng kín đáo trên con tàu hay anh ta thật sự muốn câu chuyện được đưa ra với công luận.

Anh ngả vào tin thứ nhất. Nhưng có thể Lindberg đã muốn làm hại Wennerstrom vì những lý do cá nhân hay làm ăn của mình và anh ta đã nắm lấy cơ hội vớ được một nhà báo ở trên du thuyền. Lindberg khá là tỉnh để nài Blomkvist coi mình là một nguồn tin giấu tên. Từ lúc ấy Lindberg có thể thích gì nói nấy vì người bạn của anh ta sẽ không bao giờ có thể để lộ ra nguồn tin.

Nếu cuộc gặp mặt ở Arholma là một bố trí thì Lindberg sẽ không bao giờ còn có thể đóng vai trò của mình tốt được hơn thế nữa. Nhưng họ gặp nhau là tình cờ.

Có thể Lindberg không biết mức độ khinh ghét của Blomkvist đối với những người như Wennerstrom. Dầu sao, sau nhiều năm nghiên cứu, anh cảm chắc trong thâm tâm rằng không có một chủ ngân hàng hay một lãnh đạo tập đoàn tên tuổi mà lại không phải là một đứa ngu.

Blomkvist chưa nghe đến Lisbeth Salander bao giờ và may mà đã không biết về bản báo cáo cô giao nộp đầu ngày hôm ấy nhưng nếu anh có nghe nó thì anh cũng sẽ gật đầu tán thành khi cô nói đến việc anh ghê tởm bọn cạo giấy, nói rằng đấy không phải là biểu hiện về đầu óc

cấp tiến chính trị tả khuynh của anh. Không phải Mikael không thích chính trị nhưng anh hoài nghi các thứ “chủ nghĩa” trong chính trị. Anh chỉ đi bầu nghị viện một lần - năm 1982 - rồi anh ngậm ngừng bỏ phiếu cho đảng Xã hội Dân chủ, trong tượng tượng của anh, không có gì tồi tệ hơn ba năm với Gosta Bohman làm Bộ trưởng Tài chính và Thorbjorn (hay có thể là Ola Ullsten) làm Thủ tướng. Cho nên anh đã bỏ phiếu cho Olof Palme thay vì lại nhận được vụ ám sát vị Thủ tướng của anh cộng với vụ tai tiếng Bofors và Ebbe Carlsson.

Việc anh ghê tởm cánh nhà báo tài chính là dựa trên một điều mà theo cách kiến giải của anh thì nó cũng đã rõ ràng rành rành như đạo lý vậy. Phương trình này đơn giản. Không nên cho một giám đốc ngân hàng thổi hàng triệu vào các đầu cơ liều lĩnh để giữ công việc. Nên cho vào tù một giám đốc quản trị trò chơi công ty của cá. Nên treo cổ cho chết khô đi một chủ đất của những nhà ổ chuột đã bắt đám thanh niên thuê một căn hộ một buồng và toa lét chung phải trả chui lủi với giá cắt cổ.

Việc của nhà báo tài chính là xem xét bọn cá mập tạo ra các cơn khủng hoảng lợi tức để hót đi tiền tiết kiệm của các nhà đầu tư nhỏ, là quan sát nghiêm ngặt các ban lãnh đạo công ty giống như các phóng viên chính trị dõi theo từng bước các Bộ trưởng và nghị sĩ đi chệch đường lối. Với cuộc sống của anh, anh không thể hiểu tại sao quá nhiều phóng viên viết về tài chính đã coi các gã ba vạ kém cỏi trong tài chính như những ngôi sao nhạc rock.

Những cách nhìn bướng bỉnh này dần dần đã đưa anh đến xung đột với các đồng nghiệp. Borg chẳng hạn, đang sắp trở thành một kẻ thù suốt đời. Vai trò phê bình, xã hội mà anh nhận lấy đã thật sự biến anh thành một vị khách gai góc trên các ghế bàn của truyền hình – anh luôn là người được mời bình luận bất cứ khi nào một CEO nào đó bị dính vào một cái lọng vàng đáng giá tiền tỉ.

Mikael dễ tưởng tượng thấy những chai champagne được mở nút trong những gian buồng sâu kín của một vài tờ báo tối hôm ấy.

Erika cũng có thái độ giống anh về vai trò của người làm báo. Ngay khi ở trường, chơi với nhau họ đã hình dung ra một tạp chí có tuyên ngôn hết như thế về sứ mệnh.

Erika là người chủ giỏi nhất mà Mikael có thể tưởng tượng ra. Cô là một nhà tổ chức có thể nắm nhân viên bằng tình cảm ấm cúng và tin cậy nhưng đồng thời cũng là người không sợ đương đầu và lúc cần thiết cũng có thể rất rắn. Trên hết, cô lạnh như băng những khi cần ra quyết định về số báo sắp tới. Cô và Mikael thường có cái nhìn khác nhau và có thể có những tranh luận gay gắt nhưng với nhau, họ cũng có niềm tin không hề dao động, họ cùng nhau làm nên một kíp không thể đánh bại. Anh đi dã chiến sẵn tìm chuyện trong khi cô sắp xếp lại và cho nó ra mắt.

*Millennium* là sáng tạo chung của hai người nhưng nó sẽ không thành hiện thực nếu như Erika không có tài đào bới lấy tài trợ. Đây là sự kết hợp đẹp để giữa một chàng trai của tầng lớp lao động và một cô gái của tầng lớp thượng lưu. Erika đến từ đồng tiền lâu đời. Cô đã dựng lên đồng vốn hạt giống ban đầu rồi bảo bố và các chồn quen biết đầu tư những khoản đáng kể vào dự án.

Mikael thường nghĩ tại sao Erika lại để mắt đến *Millennium*. Đúng, cô là một đồng sở hữu – trong thực tế là đối tác chính – cũng là Tổng biên tập của tờ tạp chí của chính bản thân cô, tờ báo cho cô uy tín và kiểm soát quảng cáo khiến cho cô khó làm nổi một công việc nào khác. Không như Mikael, sau khi ra trường báo chí cô đã dồn sức vào truyền hình. Cô rắn, nom khác người ở trong camera và có thể kiên định lập trường trong cạnh tranh. Cô cũng có liên hệ tốt với giới quan chức. Nếu bập vào đó, chắc chắn cô đã có một vị trí lãnh đạo ở một trong các

kênh truyền hình với đồng lương cao hơn nhiều so với đồng lương cô đang trả cho cô hiện nay.

Berger cũng đã thuyết phục Christer Malm mua cổ phần của tạp chí. Một tay đồng tính nam nổi tiếng là phổ biến, đôi khi anh xuất hiện với bạn trai trong các bài báo “đến thăm người nổi tiếng”. Anh bắt đầu thích thú khi đến tạp chí cùng với Arnold Magnusson, một diễn viên có một quá khứ ở Nhà hát Kịch Hoàng gia và đã làm một đột phá ra trò khi đóng trong một phim tài liệu nhiều tập. Christer và Arnold từ đấy trở thành một tiết mục của truyền thông đại chúng.

Ở tuổi ba mươi sáu, Malm là một nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp và nhà thiết kế được săn lùng, anh ta đã cho *Millennium* một bộ dạng mới. Anh điều hành công việc của anh từ một văn phòng ở cùng một tầng lầu với *Millennium* và mỗi tháng anh làm một tuần thiết kế đồ họa.

Tòa soạn có ba nhân viên chính thức, một thực tập sinh chính thức và hai người làm ngoài. Đây không phải là một món làm ăn ra tiền nhưng tờ tạp chí hòa vốn, lượng phát hành cùng thu nhập về quảng cáo đã tăng dần lên và ổn định. Cho đến hôm nay tờ tạp chí được biết đến nhờ văn phòng ngay thẳng và đáng tin cậy của nó.

Bây giờ chắc chắn tình hình đang thay đổi. Blomkvist đọc qua bản tuyên bố báo chí mà anh và Berger cùng thảo, nó nhanh chóng sẽ được dịch vụ hữu tuyến của TT chuyển đổi thành một bài báo, nó hiện đã lên website của *Aftonbladet*.

## PHÓNG VIÊN BỊ KẾT ÁN - RỜI MILLENNIUM

Stockholm (T.T). Nhà báo Mikael Blomkvist đang dờ dặc vụ của ông là Giám đốc phát hành của tạp chí *Millennium*, Tổng biên tập và cổ đông chủ yếu Erika Berger cho hay.

Blomkvist tự chọn lấy việc dờ dặc này. “Sau bi kịch của mấy tháng vừa qua, ông kiệt quệ và cần một thời gian nghỉ việc”, Berger nói, bà sẽ nhận vai trò Giám đốc phát hành.

Blomkvist là một trong những người lập ra tạp chí *Millennium*, bắt đầu năm 1990. Berger nghĩ là tờ tạp chí sẽ không bị ảnh hưởng sau cái gọi là “Wennerstrom”.

Tháng tới tờ tạp chí vẫn ra như thường lệ, bà Berger nói: “Blomkvist đã đóng một vai trò chủ chốt trong việc phát triển tạp chí *Millennium* nhưng nay chúng tôi đang lật một trang mới”.

Berger nói bà coi vụ Wennerstrom là kết quả của một loạt những hoàn cảnh không may. Bà ân hận việc Hans-Erik Wennerstrom đã phải chịu phiền toái. Không thể liên hệ với Blomkvist để có bình luận.

- Chuyện này làm em điên, - Berger nói khi tờ tạp chí được gửi đi bằng thư điện tử. - Người ta phần lớn sẽ nghĩ rằng anh là một thằng ngu và em thì là một con khốn nạn nhân cơ hội này sa thải anh.

- Ít ra các bạn của chúng ta sẽ có một cái gì mới mẻ để mà cười. – Blomkvist cố làm cho câu chuyện nhẹ đi, Berger là người không vui nhất.

- Em không có phương án B nhưng em nghĩ là chúng ta đang phạm sai lầm, - cô nói.

- Đó là lối thoát duy nhất. Nếu tờ báo sập, tất cả công lao của chúng ta những năm qua sẽ hóa thành công cốc hết. Chúng ta đã bị thua thiệt về thu nhập quảng cáo. Nhân đây, công ty máy tính thì thế nào nhỉ?

Cô thở dài.

- Họ bảo em sáng nay là họ không muốn lấy chỗ trong số sau nữa.

- Wennerstrom có một cục cổ phiếu trong công ty ấy cho nên sẽ không có sự cố gì đâu.

- Chúng ta có thể làm cho một số thân chủ mới sợ. Có thể Wennerstrom là một cha tai to mặt lớn, nhưng hẳn không sở hữu gì cả ở Thụy Điển mà chúng ta thì có các tiếp xúc của chúng ta.

Blomkvist quàng tay qua người cô, kéo cô lại gần.

- Có ngày chúng ta sẽ vạch trần Ngài Wennerstrom dữ đến độ Wall Street sẽ nhảy tụt hết cả bút tất ra. Nhưng hôm nay *Millennium* phải lánh ra khỏi ánh đèn sân khấu.

- Em biết thế nhưng nếu chúng ta nói có chia rẽ giữa anh và em thì em không thích xen vào như một con điểm động đực còn anh thì buộc phải sa vào một tình thế đáng ngán.

- Erika, chúng ta còn tin nhau thì chúng ta còn có cơ may. Chúng ta phải xem trò này bằng tai và ngay bây giờ là lúc rút lui đây.

Cô ngập ngừng thừa nhận rằng ở trong cái điều anh nói có một lô gíc làm cho ngao ngán.

## Chương 4

Thứ Hai, 23 tháng Mười hai

Thứ Năm, 26 tháng Mười hai

Berger ở lại hết cả cuối tuần. Họ chỉ đứng lên để ra toa lét hay lấy cái gì đó ăn, nhưng họ không chỉ có làm tình. Họ nằm dài hàng giờ bàn về tương lai, cân nhắc các khả năng và các thử thách. Sáng thứ Hai, khi bình minh đến, đó cũng là ngày trước Noel, cô hôn từ biệt anh - cho tới lần sau - rồi lái xe về nhà.

Ngày thứ Hai, Blomkvist dành cho việc rửa bát đĩa, vệ sinh căn hộ rồi đi xuống văn phòng dọn sạch bàn làm việc. Anh không có ý đoán tuyệt vời tờ tạp chí nhưng cuối cùng anh đã thuyết phục được Berger rằng anh cần phải tách khỏi nó một thời gian. Anh sẽ làm việc từ nhà.

Tòa báo đóng cửa nghỉ Noel, các đồng sự của anh đã nghỉ hết cả. Anh đang loại bỏ các ngăn giấy và cho sách vào trong các hộp các tông để mang đi thì điện thoại reo.

- Tôi muốn kiếm Mikael Blomkvist, - một tiếng nói khắp khởi hy vọng và lạ lẫm ở đường đây.

- Tôi đây.

- Thứ lỗi cho tôi đã quấy rầy anh đường đột, xin cứ nói như thế. Tôi là Dirch Frode. - Blomkvist lưu ý cái tên và thời gian. - Tôi là luật sư và đại diện cho một thân chủ rất mong được nói chuyện cùng anh.

- Được xin bảo thân chủ của ông gọi cho tôi.

- Ý tôi là ông ta muốn được gặp mặt anh.

- OK, định thời gian và bảo ông ta đến tòa báo. Nhưng tốt hơn là ông hãy gấp lên, bây giờ tôi bận dọn dẹp bàn giấy.

- Thân chủ của tôi mong anh đến thăm ông ta ở Hedestad - đi tàu chỉ mất có ba giờ đồng hồ.

Blomkvist gạt một cái khay hồ sơ sang bên. Giới truyền thông có cái tài là thu hút các dân điên rồ nhất gọi tới mình bằng những mảnh ngu ngốc đến mức hoàn hảo. Các tòa soạn trên thế giới đều nhận được những thông tin nóng hổi nhất từ các nhà nghiên cứu vật bay chưa xác định, các nhà xem tướng chữ, các nhà khoa học học, các dân tâm thần phân lập và mọi kiểu lý thuyết gia về âm mưu.

Blomkvist đã một lần nghe nhà văn Karl Alvar Nilson nói chuyện ở đại sảnh của ABF nhân lễ tưởng niệm ngày Thủ tướng Olof Bodstrom bị ám sát. Bài nói nghiêm túc và trong cử tọa có Lennart Bodstrom và các bạn bè khác của Palme. Nhưng một số lượng đáng kinh ngạc những nhà điều tra nghiệp dư đã kéo đến. Một trong số họ là một phụ nữ chừng tuổi bốn mươi mà

trong phần Hỏi Đáp đã cầm chiếc micro để ra xa rồi hạ giọng xuống cho còn chỉ là một tiếng thì thầm khó mà nghe nổi. Riêng điều này đã báo trước sẽ có một chuyện thú vị nên chả có ai ngạc nhiên khi bà ta tuyên bố: “Tôi biết ai giết Olof Palme”. Từ trên sân khấu đã có lời giễu cợt đại khái nếu bà có thông tin như thế mà đem chia sẻ nó ngay với bộ phận điều tra vụ Palme thì sẽ giúp ích đấy. Bà ta bèn vội đáp lại: “Tôi không thể”, bà ta nói quá khê gần như không thể nghe được. “Việc ấy quá nguy hiểm”.

Blomkvist nghĩ tay Frode này phải chẳng lại là một cha nói sự thật khác nữa, người có thể vạch ra cái bệnh tâm thần bí mật mà Sapo, Cảnh sát An ninh, đang làm những thí nghiệm về khả năng kiểm soát ý nghĩ.

- Tôi không nhận đến nhà, - anh nói.

- Tôi hy vọng có thể thuyết phục anh cho tôi một ngoại lệ. Thân chủ tôi đã ngoài tám mươi, xuống đến Stockholm thì ông ta hết hơi mất. Nếu anh bằng lòng thì chắc chắn chúng ta sẽ thu xếp như thế nào đó với nhau được, nhưng xin nói thật với anh, nếu như anh rộng lòng thì sẽ tốt hơn...

- Thân chủ của ông là ai?

- Một người mà tôi ngờ là trong công việc anh đã từng nghe thấy tên. Henrik Vanger.

Blomkvist ngạc nhiên ật người ra đằng sau. Henrik Vanger – dĩ nhiên anh đã nghe thấy. Một nhà công nghiệp và nguyên là người đứng đầu các công ty Vanger, từng được biết đến trong các lĩnh vực nhà máy cưa, hầm mỏ, thép, kim loại, hàng dệt. Vanger đã từng là con cá kình thật sự lớn ở thời của ông ta, nổi tiếng là một trưởng lão kiểu cổ, danh giá, không chịu uốn mình trước cơn gió mạnh. Một hòn đá tảng của công nghiệp Thụy Điển, một trong các con sói đầu đàn của trường phái nghiên cứu cũ, cùng với Matts Carlgren của MoDo và Hans Werthen ở Electrolux xưa. Một xương sống của nhà nước phúc lợi v.v... Nhưng các công ty Vanger, vẫn là sở hữu gia đình, đã bị biến mất trong hai mươi năm qua bởi những cuộc tổ chức lại; các khủng hoảng thị trường chứng khoán, các khủng hoảng lãi, cạnh tranh ở Châu Á, xuất khẩu giảm rồi các tai họa khác hợp lại đã đẩy cái tên Vanger vào chỗ bế tắc. Hiện nay công ty do Martin Vanger trông nom, Blomkvist luôn gắn cái tên này vào một người thấp, đầy đà, tóc rậm đôi hờn vẫn thoáng xuất hiện trên tivi. Anh không biết nhiều về ông ta. Henrik Vanger đã lui ra ngoài bức tranh ít ra đã hai chục năm.

- Tại sao Henrik Vanger lại muốn gặp tôi?

- Tôi là luật sư đã nhiều năm của ông Vanger nhưng việc này thì ông muốn đích thân nói với anh. Mặt khác, tôi có thể nói ông Vanger muốn thảo luận một công việc có thể làm với anh.

- Công việc? Tôi không hề có ý làm việc cho công ty Vanger. Có phải là ông cần một thư ký báo chí không?

- Không đúng. Tôi không biết nói thế nào hơn là thừa rằng ông Vanger đang quá ư nóng lòng muốn gặp anh để xin tư vấn về một vấn đề riêng tư.

- Ông không thể mập mờ hơn thế này được nữa, đúng không?

- Tôi xin lỗi anh về việc này. Nhưng có khả năng nào thuyết phục anh quá bộ đến thăm Hedestad không đây? Dĩ nhiên chúng tôi sẽ thanh toán đúng mực mọi phí tổn của anh như một

khoản tiền công.

- Ông gọi tôi vào một lúc khá là không thích hợp. Tôi đang bận nhiều việc và... tôi cho là ông đã xem các đầu đề bàn luận về tôi trong mấy ngày qua.

- Vụ Wennerstrom? – Frode cười kín đáo. – Vâng có, cái đó đã có một giá trị mua vui nhất định. Nhưng nói thật với anh, chính báo chí quanh vụ xử này đã khiến cho ông Vanger chú ý đến anh. Ông ấy muốn mời anh làm một công việc tự do. Tôi chỉ là người đưa tin. Vấn đề này liên quan đến cái gì thì chỉ có ông ấy giải thích được.

- Đây là một trong những cú gọi lạ nhất mà đã lâu tôi mới nhận được. Hãy để cho tôi suy nghĩ. Tôi liên hệ với ông như thế nào đây?

Blomkvist ngồi nhìn cái bàn làm việc bừa bãi. Anh không thể nghĩ ra Vanger định đưa cho anh việc gì nhưng ông luật sư đã thành công ở chỗ khơi dậy trí tò mò của anh.

Anh bật Google tìm công ty Vanger. Nó có thể không được phát đạt cho lắm, nhưng xem về nó lên truyền thông gần như hàng ngày. Anh lưu khoảng một chục bản phân tích về nó rồi tra tìm Frode Hanrik và Martin Vanger.

Martin tỏ ra chăm chỉ ở tư cách là CEO của Tập đoàn Vanger. Frode mờ hơn, ông ở trong ban lãnh đạo của Câu lạc bộ Xứ sở Hedestad và hoạt động tích cực ở trong Câu lạc bộ Phục vụ nghề nghiệp. Với một ngoại lệ, Henrik Vanger chỉ xuất hiện trong các bài báo nói về lai lịch của công ty. Hai năm trước, nhân ông tám mươi tuổi, tờ *Hedestad Courier* đã đăng một bài ca ngợi ông trùm một thời này, tờ báo cũng đăng lý lịch sơ yếu của ông. Anh cho tất cả vào chung một hồ sơ chừng năm chục trang gì đó. Rồi cuối cùng anh dọn sạch bàn làm việc, niêm phong các thùng các tông và về nhà, không biết liệu rồi có quay trở lại nữa hay không.

Salander qua Noel ở Nhà Nuôi dưỡng Appelviken tại Upplands-Vasby. Cô mang quà đến: một chai nước hoa Dior và một cái bánh gatô hoa quả mua ở cửa hàng Ahlens. Cô vừa uống cà phê vừa nhìn người phụ nữ bốn mươi sáu tuổi lóng ngóng gỡ cái nút ở trên dải ruy băng. Mắt Salander trườn mèn mèn nhưng người phụ nữ kỳ lạ là mẹ của cô đây không bao giờ hết làm cho cô thấy ngồ ngộ. Cô không thể nhận ra một chút giống nhau nào ở dáng vẻ cũng như ở bản tính giữa hai người.

Thôi không vật lộn với cái nút nữa, mẹ cô bắt lực nhìn gói quà. Hôm nay không phải là ngày tốt đẹp nhất của bà. Salander đẩy chiếc kéo qua bàn, và mẹ cô chột như bưng tỉnh.

- Con chắc nghĩ là mẹ ngu đấy nhỉ.

- Không mà mẹ. Nhưng đời là bất công.

- Con có gặp chị con không?

- Lâu rồi con không gặp.
- Nó không đến bao giờ.
- Mẹ, con biết. Chị ấy cũng chả gặp con.
- Con đang làm việc chứ?
- Vâng, con làm tốt.
- Con sống ở đâu? Mẹ chả biết cả chỗ con ở.

- Con sống trong căn hộ của mẹ ngày xưa trên phố Lundagatan. Con ở đó mấy năm rồi. Con phải tiếp tục trả tiền.

- Mùa hè có thể mẹ sẽ đến gặp con.
- Dĩ nhiên rồi. Vào mùa hè.

Cuối cùng mẹ cô đã mở được gói quà, bà ngửi ngửi nước hoa, thích thú.

- Cảm ơn con, Camilla, - bà nói.
- Lisbeth, con là Lisbeth.

Bà mẹ nom bối rối. Salander nói hai mẹ con nên sang buồng tivi.

Tối Noel, Blomkvist ngồi xem chương trình Disney đặc biệt dành cho đêm Noel với con gái ở nhà người vợ cũ, tại Sollentuna. Sau khi bàn với Monica, hai người bằng lòng cho Pernilla một máy iPod, một MP3 chỉ lớn hơn cái báo diêm một xíu nhưng có thể chứa hết bộ sưu tập CD đồ sộ của nó.

Bố mẹ Pernilla bỏ nhau khi em lên năm và đến khi em bảy tuổi, em có một ông bố mới. Pernilla đến thăm Blomkvist mỗi tháng chừng một lần và những ngày nghỉ lễ dài có khi ở với bố cả tuần tại Sandhamn. Khi ở với nhau, hai bố con thường vui vẻ nhưng đến thăm bố bao nhiêu lần và đặc biệt sau khi mẹ đi bước nữa thì Blomkvist để cho con gái tùy ý quyết định. Có hai ba năm ngừng gặp nhau khi em vào tuổi mười ba mười bốn, hình như chỉ từ hai năm qua em mới muốn gặp bố thường xuyên hơn.

Pernilla đã theo dõi phiên tòa với niềm tin vững vàng rằng câu chuyện là đúng như bố em nói: bố vô tội nhưng bố không chứng minh được.

Em nói với bố như kiểu nói chuyện với bạn trai ở một lớp khác và khi nghe em nói em đã tới nhà thờ, Blomkvist ngạc nhiên nhưng anh kìm lại lời bình luận.

Anh được mời ở lại ăn tối nhưng em gái và gia đình anh đang chờ anh ở ngoài ngoài ô Staket sôi động.

Sáng hôm ấy anh cũng được vợ chồng Beckman mời ăn Noel ở Saltsjobaden. Anh cảm ơn nhưng từ chối, cảm chắc rằng lòng độ lượng của Beckman cũng có giới hạn và khá quyết tâm rằng mình không có tham vọng dò tìm xem giới hạn đó có thể là đến đâu.

Thay vì anh đã gõ cửa nơi mà Annika Blomkvist, nay là Annika Giannini sống với người chồng gốc Ý cùng hai đứa con của họ. Họ đang sắp cùng với một trung đội họ hàng bên chồng, vác vào một đùi lợn Noel. Trong bữa ăn anh trả lời về phiên tòa, nhận được nhiều lời khuyên cố ý tốt nhưng lại gần như vô dụng.

Người duy nhất không nói gì về bản phán quyết là em gái anh, tuy cô là luật sư duy nhất trong phòng lúc này. Cô làm thư ký ở một tòa án quận và là trợ lý công tố viên trong nhiều năm trước khi cô và ba đồng sự mở một hãng luật với các văn phòng tại Kungsholmen. Cô chuyên về pháp luật gia đình và Blomkvist không hề có nhận xét về các chuyện xảy ra ở lĩnh vực này, cô em bé bỏng của anh đã bắt đầu xuất hiện trên các tờ báo như là đại diện của các phụ nữ bị đánh đập hay đe dọa cũng như ở mục hội thảo trên tivi với tư cách là một người đấu tranh cho phụ nữ và bệnh vực quyền lợi của phụ nữ.

Khi anh giúp cô chuẩn bị cà phê, cô đặt một tay lên vai anh, hỏi anh sẽ làm gì. Anh nói trong đời anh chưa bao giờ suy sụp như lần này.

- Lần sau anh hãy kiếm một luật sư thật sự cho anh.

- Trong vụ lần này chắc cũng chả giúp được gì, nhưng chúng ta sẽ nói lại tất cả từ đầu đến cuối, em ạ, một lúc nào đó khi bụi đã lắng xuống.

Cô ôm anh và hôn lên má anh rồi hai anh em mang bánh Noel và cà phê ra. Blomkvist xin lỗi, đề nghị được vào bếp dùng điện thoại. Anh gọi ông luật sư ở Hedestad và cũng có thể nghe thấy ở đó tiếng nói lao xao làm nền.

- Chúc Noel vui vẻ, - Frode nói. - Tôi có dám hy vọng là anh đã quyết định rồi không đây?

- Trước mắt tôi thật sự không có kế hoạch nào mà tôi thì lại tò mò muốn biết nhiều hơn. Nếu thích hợp với ông thì sau Noel tôi sẽ lên chỗ ông.

- Hay quá, hay quá. Tôi vui đến độ không thể tin được. Anh sẽ thứ lỗi cho tôi, con và cháu tôi đến chơi, tôi không tâm trí đâu mà nghĩ đến việc khác nữa. Mai tôi có thể gọi anh để hẹn về thời gian không? Tôi liên hệ với anh ở đâu?

Ngay trước khi dời chỗ cô em đi, Blomkvist đã ân hận về quyết định của mình, nhưng bây giờ gọi hủy cuộc hẹn thì bất tiện quá. Cho nên sáng ngày 26 tháng Mười hai, anh đã ở trên tàu đi lên phía bắc. Anh có bằng lái nhưng không bao giờ cảm thấy nhu cầu có xe hơi.

Frode đã nói đúng, chuyến đi không dài. Sau Uppsala đến một vệt các thị trấn công nghiệp nho nhỏ ở bờ biển Norrland. Hedestad là một trong những thị trấn nhỏ hơn, hơn một giờ đồng

hồ ở phía bắc Gavle.

Vào đêm Noel, đã có một cơn bão tuyết lớn nhưng khi Blomkvist đặt chân xuống Hådestad thì trời đã quang và không khí lạnh như băng. Ngay lập tức anh nhận thấy mình đã không mang đủ quần áo cho mùa đông ở Norrland. Frode biết mặt Blomkvist nên ông đã chu đáo đón anh ở ke nhà ga và đưa anh vào chiếc xe Mercedes ấm áp. Ở trung tâm Hådestad, người ta đang hối hả dọn tuyết và Frode len lách thận trọng qua các đường phố hẹp. Những bờ tuyết cao bày ra một cảnh trái nghịch rõ rệt với Stockholm. Thị trấn nom gần như một hành tinh khác nhưng nó chỉ cách Sergels Torg ở khu sầm uất của Stockholm có hơn ba giờ một ít. Anh vội liếc ông luật sư: một bộ mặt góc cạnh với mái tóc trắng, cứng, thưa thớt và cặp kính dày trên một chiếc mũi to quá cỡ.

- Lần đầu tiên đến Hådestad? – Frode nói.

Blomkvist gật.

- Nó là một thị trấn công nghiệp lâu đời có một bến cảng. Dân số chỉ 24.000 người nhưng người ta thích sống ở đây. Ông Vanger sống ở Hedeby - ở đầu phía nam của thị trấn.

- Ông cũng sống ở đây?

- Hiện nay tôi đang sống ở đây. Tôi sinh ra ở Skane dưới phía nam nhưng năm 1962 tốt nghiệp xong là tôi làm việc ngay cho Vanger. Tôi là luật sư công ty, sau nhiều năm ông Vanger là thân chủ duy nhất của tôi. Dĩ nhiên ông ấy cũng đã về hưu và không cần lắm đến tôi nữa.

- Chỉ còn vết đến các nhà báo mà tên tuổi đã vỡ tan tành.

- Đừng hạ thấp mình. Anh không phải người đầu tiên bị thua một keo chống Hans-Erik Wennerstrom.

Blomkvist quay sang Frode, không tin rằng mình hiểu được câu này định nói gì.

- Việc mới này có dính đến Wennerstrom không? – Anh hỏi.

- Không, - Frode nói. – Nhưng ông Vanger không lạ gì nhóm bạn của Wennerstrom, và ông ấy đã thú vị theo dõi phiên tòa. Ông ấy muốn gặp anh để thảo luận một vấn đề hoàn toàn khác.

- Mà ông không muốn nói với tôi về nó.

- Địa vị của tôi không phải để nói về nó với anh. Chúng tôi đã thu xếp để anh có thể qua đêm ở nhà ông Vanger. Nếu anh không thích như thế chúng tôi có thể thuê cho anh một phòng ở Grand Hotel trong thị trấn.

- Tôi có thể đáp tàu đêm về Stockholm.

Con đường vào Hedeby vẫn chưa cào tuyết, Frode lái chiếc xe vào những vệt rãnh bánh xe đông cứng. Trung tâm thị trấn cổ gồm những tòa nhà ở dọc vịnh Bothnia, quanh chúng là những nhà lớn hơn, hiện đại hơn. Bắt đầu từ đất liền, thị trấn tràn qua một cây cầu sang một hòn đảo đồi. Ở đầu cầu phía đất liền là một nhà thờ nhỏ bằng đá trắng, qua con phố có một biển hiệu nê ông khiêu cổ đề *Cà phê & bánh dầu cầu Susanne*. Frode lái đi khỏi đó chừng gần trăm mét thì rẽ trái đến một khu vườn mới cuốc xới đang trổ một tòa nhà đá. Ngôi nhà trại

quá bé để có thể gọi là trang viên. Nhưng nó to hơn đáng kể so với chỗ còn lại của các ngôi nhà tại chốn định cư này. Đây là cơ ngơi của ông chủ.

- Đây là trang trại của Vanger, - Frode nói. - Nó từng đầy sức sống và náo nhiệt nhưng bây giờ chỉ có Henrik và một người trông coi nhà ở đây. Ở đây nhiều phòng dành cho khách lắm.

Họ ra xe. Frode chỉ lên phía bắc.

- Theo truyền thống, người nào lãnh đạo công chuyện của Vanger thì sống ở đây nhưng Martin Vanger muốn một cái gì đó hiện đại hơn cho nên anh xây nhà của mình ở chỗ đằng kia.

Blomkvist nhìn quanh, thầm nghĩ cái cơn dở hơi nào đã làm cho anh bằng lòng nhận lời mời của Frode. Anh quyết định nếu có thể được anh sẽ quay về Stockholm ngay tối nay. Một tam cấp đá dẫn đến lối vào nhưng họ chưa kịp đến thì cửa đã mở. Anh nhận ra ngay lập tức Henrik Vanger qua bức ảnh từ Internet.

Trong ảnh, ông trẻ hơn nhưng ở cái tuổi tám mươi hai thì ông nom khóa đến phải ngạc nhiên, một thân hình gân cốt, một bộ mặt sương gió và một mái tóc đầy bạc xám chải đẹp thẳng lại đằng sau. Ông mặc quần đen là mướt, sơ mi trắng và áo vét nâu bình thường đã cũ. Ông để một hàng ria hẹp và đeo kính gọng thép thanh mảnh.

- Tôi là Henrik Vanger – ông nói. - Cảm ơn anh đã bằng lòng đến thăm tôi.

- Xin chào. Đây là một lời mời khiến tôi ngạc nhiên.

- Hãy vào trong cho ấm. Tôi đã dọn một phòng cho anh. Anh có muốn tắm rửa thay quần áo không? Một chút nữa chúng ta sẽ ăn tối. Còn đây là Anna Nygren, quản gia đỡ dằn tôi.

Blimkvist bắt tay một phụ nữ chừng sáu chục tuổi, thấp, đậm. Bà cầm áo ngoài của anh treo vào tủ để quần áo ở trong gian sảnh. Bà đưa anh một đôi dép lê cho thoáng chân.

Mikael cảm ơn bà rồi quay sang Henrik Vanger:

- Tôi không chắc có ở lại ăn tối được. Còn tùy vào trò chơi này.

Vanger liếc nhìn Frode. Giữa hai người có một thông hiểu ngầm mà Blomkvist không diễn giải được.

- Tôi nghĩ tôi sẽ mượn cơ hội này để cho hai vị ở lại riêng với nhau, - Frode nói. - Tôi phải về nhà để đưa bọn cháu nội vào khuôn phép kẻo không thì chúng kéo sập nhà xuống mất.

Ông ta quay lại Mikael.

- Tôi sống ở bờ phải ngay bên kia cầu. Anh có thể đi bộ năm phút đến đó, cái nhà thứ ba từ hiệu bánh đi xuống bờ nước. Nếu cần tôi, anh cứ gọi điện thoại.

Blomkvist thò tay vào túi áo vét lấy máy ghi âm. Anh không biết Vanger muốn gì nhưng sau mười hai tháng lao đao với Wennerstrom, anh cần ghi chép chính xác về mọi sự việc là lung xảy ra ở bất cứ chỗ nào gần anh, việc mời đến Hedeatad bất ngờ là ở trong phạm trù đó.

Vanger vỗ vỗ vai Frode chào từ biệt, đóng cửa trước lại rồi quay chú ý sang Blomkvist.

- Trong trường hợp này tôi hiểu đúng hoàn toàn. Đây không là trò chơi. Tôi đề nghị anh hãy nghe những gì tôi cần nói rồi anh sẽ quyết định. Anh là một nhà báo và tôi muốn trao cho anh một việc làm tự do. Anna đã chuẩn bị cả phê tại phòng làm việc của tôi ở trên gác.

Buồng làm việc hình vuông hơn bốn chục mét vuông. Chế ngự cả một bức tường là một tủ sách cao tới trần, dài mười mét chứa một tập hợp đáng nể các loại văn chương, tiểu sử, lịch sử, kinh doanh và công nghiệp, những tài liệu rời cỡ giấy A4. Các sách được xếp có lẽ không theo trật tự rõ rệt, nom có vẻ như một tủ sách luôn được dùng đến. Bức tường đối diện bị một bàn làm việc bằng gỗ sồi tối màu chế ngự. Trên bức tường đằng sau bàn làm việc là một sưu tập lớn những bông hoa ép xếp đặt thành hàng lối ngay ngắn tỉ mỉ. Qua cửa sổ ở đầu hồi, từ bàn làm việc có thể thấy được cây cầu và nhà thờ. Có một ghế sofa và bàn cà phê, người quản gia đã bày lên đó phích, mấy ổ bánh và bánh ngọt. Vanger giơ tay về cái khay nhưng Blomkvist làm như không trông thấy; thay vì anh đi một vòng quanh gian phòng, xem trước tiên tủ sách rồi bức tường có các bông hoa ép. Bàn làm việc ngăn nắp, chỉ có một ít giấy để thành một xấp. Ở rìa bàn có một khung ảnh bằng bạc lồng ảnh một cô gái tóc đen, đẹp nhưng nom vẻ tình quái. Cô gái này khi lớn lên chắc sẽ rất “nguy hiểm”, Blomkvist thầm nghĩ. Nó có vẻ là một bức ảnh thừa nhận rằng qua nhiều năm tháng nó đã phai nhạt đi và vì thế mà nó ở đây.

- Anh có nhớ người đó không, Mikael? – Vanger hỏi.

- Nhớ?

- Phải, anh đã gặp con bé. Và trước đây anh thật sự đã ở gian phòng này.

Blomkvist quay đi lắc đầu.

- Đúng, anh nhớ thế nào được chứ? Tôi biết bố anh. Trong những năm 50 và 60 tôi đã nhiều lần mượn Kurt làm nhân viên lắp đặt và kiểm tra máy. Ông ấy là một người có tài. Tôi đã cố thuyết phục ông ấy cứ tiếp tục học để trở thành kỹ sư. Cả mùa hè năm 1963, anh đã ở đây khi chúng tôi lắp máy mới vào nhà máy giấy ở Hedestad. Lúc ấy khó tìm ra một chỗ cho gia đình anh sống cho nên chúng tôi để gia đình anh sống trong ngôi nhà gỗ bên kia đường. Qua cửa sổ, anh có thể nhìn thấy nó.

Vanger cầm bức ảnh lên.

- Đây là Harriet Vanger, cháu nội của Richard ông anh tôi. Mùa hè ấy nó trông nom anh trong nhiều ngày. Anh lên hai, sắp sang ba tuổi. Có lẽ lúc đó anh đã lên ba rồi – tôi không nhớ, còn nó thì mười ba.

- Tôi xin lỗi nhưng tôi không nhớ tí nào hết những điều ông bảo với tôi. – Blomkvist thậm chí không chắc rằng Vanger nói thật.

- Tôi hiểu. Anh thích chạy quanh khu trại với Harriet chạy theo sau. Tôi có thể nghe tiếng anh la hét khi ngã. Tôi nhớ một lần cho anh đồ chơi, một máy kéo bằng thép lá màu vàng mà khi bé tôi cũng có chơi. Anh mê nó. Tôi nghĩ tại vì cái màu.

Blomkvist thấy rờn rợn ở trong người. Anh nhớ cái máy kéo màu vàng. Khi anh lớn, nó được đặt trên một cái giá trong buồng ngủ của anh.

- Anh nhớ cái đồ chơi đó không?

- Tôi nhớ. Và ông sẽ vui khi biết rằng cái máy kéo ấy vẫn sống và mạnh khỏe, ở Bảo tàng Đồ chơi ở Stockholm. Mười năm trước họ kêu gọi tặng các đồ chơi độc đáo.

- Thật à? – Vanger vui thích cười khe khẽ. - Để tôi cho anh xem...

Ông già đi đến tủ sách rút ra một album ảnh ở ngăn dưới cùng. Blomkvist để ý thấy ông cúi xuống khó nhọc và phải bám vào tủ sách khi đứng thẳng lên. Ông để album lên bàn cà phê. Ông biết cái ông đang tìm: một tấm chụp lấy ngay trắng đen trong đó bóng của người chụp hiện lên ở góc trong cùng bên trái. Ở trên đầu cùng là một cậu con trai tóc vàng mặc soóc, hơi rụt rè nhìn ống kính.

- Đây là anh. Bố mẹ anh ngồi đằng sau, ở trên ghế dài trong vườn. Harriet bị mẹ anh che đi mất một ít còn cậu con trai ở bên trái bố anh là Martin, anh của Harriet, Martin hiện đang trông nom công ty Vanger.

Mẹ của Blomkvist nom rõ là đang có bầu – em gái anh “đang trên đường tới”. Anh nhìn bức ảnh với những cảm xúc lẫn lộn trong khi Vanger rót cà phê và đẩy đĩa bánh đến.

- Tôi biết bố anh đã mất. Mẹ anh còn sống không?

- Bà mất đã ba năm rồi, - Blomkvist nói.

- Mẹ anh là một phụ nữ đẹp. Tôi nhớ bà ấy rất rõ.

- Nhưng tôi chắc ông không gọi tôi đến đây để nói về chuyện thời xưa của ông và bố mẹ tôi.

- Anh nói đúng. Tôi đang làm cái việc mà tôi muốn nói với anh trong vài ngày nhưng bây giờ anh ở đây tôi lại không biết nên bắt đầu từ đâu. Tôi cho là anh có làm một ít điều tra cho nên anh biết tôi từng dành được đôi chút ảnh hưởng trong công nghiệp Thụy Điển và thị trường lao động. Giờ tôi đã là một ông già chẳng còn sống được bao lâu nữa và cái chết có lẽ là điểm mở đầu rất hay cho cuộc chuyện trò của chúng ta.

Blomkvist làm một ngum cà phê đen nóng bỏng đun trong xoong đúng kiểu Norrland – và nghĩ chuyện này sẽ đưa đến đâu đây.

- Tôi bị đau hông và đi bộ nhiều là chuyện của quá khứ. Có ngày anh sẽ thấy sức khỏe nó thấm lọt đi mất như thế nào nhưng tôi không bao giờ bệnh hoạn lẫn già lão. Tôi không bị ám ảnh về cái chết nhưng tôi đã ở cái tuổi cần phải chấp nhận rằng thời gian của mình đã kiệt rồi. Đã đến lúc cần khép các bản tường trình tổng thuật lại mà quan tâm đến cái việc chưa xong. Anh có hiểu tôi định nói gì không?

Blomkvist gật. Vanger nói đều đều và Blomkvist đã dứt khoát rằng ông già này không lão suy mà cũng chẳng lú lẫn.

- Chính là tôi tò mò rằng tại sao tôi lại ở đây, - anh lại nhắc lại.

- Vì tôi muốn nhờ anh giúp cho việc khép lại các bản tường trình tổng thuật này.

- Sao lại là tôi? Sao ông nghĩ tôi có thể giúp ông được?

- Vì khi tôi đang nghĩ nên thuê ai thì tên của anh rộ lên trên báo đài. Dĩ nhiên tôi đã biết anh là ai. Và có lẽ vì anh đã từng ngồi ở trên đùi tôi, khi anh còn là một cha bé tẹo. Chớ hiểu lầm tôi. – Ông gạt cái ý nghĩ này đi. – Tôi không nhòm đến anh để giúp tôi vì những lý do tình cảm. Chính là tôi đã buột nảy ra ý muốn tiếp xúc đặc biệt với anh.

Blomkvist cười to lên thân mật.

- Vâng, tôi không nhớ là đã vắt vẻo ở trên đùi ông. Nhưng sao ông liên hệ lại được thế này? Đó là những năm 60 cơ mà.

- Anh hiểu lầm tôi. Gia đình anh chuyển đến Stockholm khi bố anh nhận làm giám đốc công ở nhà máy Cơ khí của công ty Zarinder. Tôi là người đã kiểm việc cho ông ấy. Tôi biết ông ấy là một lao động giỏi. Tôi đã quen nhìn ông ấy trong thời gian có công chuyện làm ăn với công ty Zarinder. Chúng tôi không là bạn thân nhưng chúng tôi có thể chuyện trò đôi hồi. Lần cuối cùng tôi gặp ông ấy là năm trước khi ông ấy chết và lúc đó ông ấy bảo tôi anh đã vào học ở trường báo chí. Bố anh hết sức tự hào về anh. Rồi anh trở thành nổi tiếng với câu chuyện về đám cướp ngân hàng. Tôi đã theo dõi nghề nghiệp của anh và đọc nhiều bài báo của anh qua các năm. Như là bằng chứng, tôi đọc *Millennium* khá thường xuyên.

- OK, tôi tin ông, nhưng chính xác ra ông muốn tôi làm gì?

Vanger nhìn xuống hai bàn tay mình, nhấp một ít cà phê tựa như ông cần nghỉ một chút để rồi cuối cùng ông có thể khai mào ra cái điều ông muốn.

- Mikael, trước khi tôi bắt đầu, tôi muốn có một thỏa thuận với anh. Tôi muốn anh làm cho tôi hai việc. Một việc là cái cơ, một việc là mục tiêu thật của tôi.

- Kiểu thỏa thuận gì?

- Tôi sẽ kể cho anh một câu chuyện có hai phần. Phần đầu là về dòng họ Vanger. Cái ấy là cái cơ. Nó là một câu chuyện tăm tối, dài và tôi cố bám chắc lấy các sự thật chưa phai mờ. Phần hai của câu chuyện xử lý với mục tiêu thật sự của tôi. Anh chắc có thể nghĩ vài chỗ trong câu chuyện là... điên rồ. Điều tôi muốn nói với anh là hãy nghe tôi cho thấu - về cái mà tôi muốn anh làm và cái mà tôi đang đưa ra - rồi hãy quyết định có nhận lấy công việc của tôi hay không.

Blomkvist thở dài. Rõ ràng Vanger sẽ không muốn cho anh đi đúng lúc để bắt kịp chuyến tàu chiều. Anh chắc rằng nếu anh gọi Frode nhờ cho xe đưa anh ra ga thì chiếc xe như thế nào đó sẽ ì ra không nổ máy trong giá lạnh.

Ông già này chắc đã phải nghĩ lâu và kỹ càng việc làm sao bắt mối được với anh. Blomkvist có cảm giác mọi cái xảy ra từ khi anh đến đây rút cục đều là được sắp đặt cả: sự ra mắt khiến cho ngạc nhiên rằng anh đã gặp chủ nhân lúc anh còn bé tí, bức ảnh bố mẹ anh trong quyển album và lời nhắn đến việc bố anh và Vanger đã từng là bạn cùng với lời tán dương của ông già rằng Mikael Blomkvist là ai cũng như đã nhiều năm theo dõi nghề báo của anh... Chắc chắn là có một cái lỗi sự thật nhưng đó cũng là tâm lý học khá sơ đẳng. Vanger là một người thao túng có thực tiễn – không thể thì sao ông lại trở thành một trong những nhà công nghiệp ở hàng

lãnh đạo của Thụy Điển được?

Blomkvist đã cả quyết rằng Vanger muốn anh làm một cái gì đó mà anh sẽ không có chút ham muốn nào làm nó. Anh chỉ cần moi ra ở ông ta xem đó là cái gì rồi anh sẽ nói cảm ơn, không ạ. Và có khả năng đúng lúc để đi kịp chuyến tàu chiều.

- Xin tha lỗi cho tôi, ông Vanger, - anh nói. - Tôi ở đây đã hai mươi phút. Tôi sẽ cho ông đúng ba mươi phút nữa để nói với tôi điều ông muốn nói. Rồi tôi gọi taxi về nhà.

Trong một khoảnh khắc tấm mặt nạ của bậc trưởng lão có bản chất tốt tụt xuống và Blomkvist có thể nhận ra vị thuyền trưởng tàn nhẫn của công nghiệp lúc đang quyền thế mà phải đương đầu với một thất bại. Một nụ cười đáng sợ uốn môi ông méo đi.

- Tôi hiểu.

- Ông không cần rào đón với tôi. Hãy bảo tôi ông muốn tôi làm gì để tôi quyết định xem có làm được hay không.

- Vậy nếu tôi không thuyết phục được anh trong nửa giờ thì tôi cũng không thể thuyết phục được anh trong một tháng - anh nghĩ như vậy phải không?

- Đại khái như vậy.

- Nhưng chuyện của tôi dài và phức tạp.

- Làm cho nó ngắn lại và đơn giản đi. Trong nghề báo chúng tôi đều làm như thế. Hai mươi chín phút.

Vanger giơ một tay lên.

- Được, tôi đồng ý với anh. Nhưng cường điệu không phải là tâm lý hay đâu. Tôi cần một người vừa có thể tìm tòi vừa có đầu óc phê phán nhưng cũng lại ngay thẳng. Tôi nghĩ anh có cái đó và tôi không nịnh anh. Một nhà báo tốt phải có các đức tính đó, tôi đã đọc rất thú vị quyển *Các Hiệp sĩ dòng Templar* của anh. Đúng là tôi nhót lấy anh vì tôi quen bố anh và vì tôi biết anh là người thế nào. Nếu tôi hiểu đúng vấn đề thì anh bỏ tạp chí của anh vì kết quả của vụ Wennerstrom. Cái đó có nghĩa lúc này anh đang không có việc, và chắc anh đang ở cảnh eo hẹp về tài chính.

- Cho nên ông có thể khai thác tình thế khó khăn của tôi.

- Có thể. Nhưng Mikael - nếu tôi có thể gọi anh như thế - tôi sẽ không nói dối anh. Tôi đã quá già để còn nói dối. Nếu anh không thích những cái tôi nói, anh có thể bảo tôi nhảy xuống hồ. Lúc ấy tôi sẽ có thể tìm ra được một ai đó làm việc với tôi.

- OK. Ông bảo tôi xem việc này dính líu đến những gì.

- Anh biết nhiều bao nhiêu về dòng họ Vanger?

- Vâng, chỉ những cái tôi tìm đọc được ở trên Net từ hôm thứ Hai Frode gọi tôi. Thờì ông, Tập đoàn Vanger là một trong những tập đoàn công nghiệp quan trọng nhất ở Thụy Điển; bây

giờ nó có phần nào kém đi. Martin Vanger cai quản nó. Tôi biết gần như hơn thế một chút nhưng ông đang nắm được cái gì trong chuyện này?

- Martin là... anh ta là một người tốt nhưng anh ta cơ bản là một thủy thủ hợp với thời tiết đẹp. Anh ta là giám đốc điều hành một công ty đang khủng hoảng là không hợp. Anh ta muốn hiện đại hóa và chuyên môn hóa – ý nghĩ này hay – nhưng anh ta không đẩy tới cùng được ý muốn của mình và quản lý tài chính của anh ta cũng yếu nốt. Hai mươi lăm năm trước doanh nghiệp Vanger là một đối thủ cạnh tranh đáng gờm với Tập đoàn Wallenberg. Chúng tôi đã có bốn chục nghìn nhân viên ở Thụy Điển. Nay có nhiều việc như thế ở Hàn Quốc hay Brazil. Chúng tôi hiện xuống còn mười nghìn nhân viên, trong một hay hai năm, - nếu Martin không được thuận buồm xuôi gió – chúng tôi sẽ chỉ còn năm nghìn, trước hết ở trong các ngành công nghiệp chế tạo nhỏ, còn các công ty Vanger thì sẽ bị đẩy vào đồng rác của lịch sử.

Blomkvist gật đầu. Trên cơ sở những mẫu tin tức mà anh tải trên Net xuống, anh đã đi đến kết luận như thế này.

- Các công ty của Vanger vẫn nằm ở trong số một ít hãng do gia đình nắm ở đất nước này. Ba chục thành viên gia đình là những cổ đông thiểu số. Nó luôn là sức mạnh của tập đoàn nhưng cũng là chỗ yếu nhất của chúng tôi. – Vanger ngừng lại rồi nói, vẻ khẩn cấp tăng lên trong giọng nói. – Mikael, anh có thể đặt câu hỏi sau đây nhưng tôi muốn anh tin lời tôi khi tôi nói là tôi ghét phần lớn các thành viên trong gia đình tôi. Phần lớn họ có chút nào đó là những kẻ ăn cắp, những kẻ keo kiệt, những kẻ ức hiếp và không tài cán. Tôi trông coi công ty trong ba mươi lăm năm - gần như toàn bộ thời gian đều bỏ vào các cuộc cãi nhau vặt vột. Họ là những kẻ thù tồi tệ nhất của tôi, tồi tệ hơn xa các công ty cạnh tranh hay Chính phủ. Tôi đã nói tôi muốn giao cho anh làm hai việc. Thứ nhất, tôi muốn anh viết lịch sử hay tiểu sử của dòng họ Vanger. Để cho đơn giản, chúng ta gọi nó là tự truyện của tôi. Tôi sẽ để cho anh sử dụng các nhật ký và tư liệu của tôi. Anh được đi vào các ý nghĩ sâu xa nhất của tôi và anh có thể cho in ra tất cả những bụi bặm gì anh đào bới lên được. Tôi nghĩ câu chuyện này sẽ làm cho các bi kịch của Shakespeare đọc giống như trò giải trí nhẹ nhàng trong gia đình.

- Tại sao?

- Tại sao tôi lại muốn in lịch sử tai tiếng của gia đình Vanger ra? Hay tại sao tôi lại nhờ anh viết nó?

- Tôi cho là cả hai.

- Nói thật với anh, quyển sách có in ra hay không tôi không bận tâm. Nhưng tôi nghĩ câu chuyện này thì nên viết, và giá như nó ở trong một bản sao duy nhất mà anh giao nộp thẳng cho Thư viện Hoàng gia. Tôi muốn khi tôi chết thì truyện này được giữ ở đó cho đời sau. Động cơ đơn giản nhất của tôi: trả thù.

- Ông muốn trả thù cái gì?

- Tôi tự hào rằng cái tên của tôi là một điển hình cho một người giữ lời hứa. Tôi không bao giờ chơi các trò chơi chính trị. Tôi không bao giờ có vấn đề trong việc thương lượng với các công đoàn. Ngay thời Thủ tướng Erlander, Thủ tướng cũng đã kính trọng tôi. Với tôi đây là một vấn đề đạo đức; tôi chịu trách nhiệm với sinh kế của hàng nghìn con người và tôi quan tâm đến những người tôi thuê mướn. Khá kỳ lạ, Martin cũng có thái độ tương tự, cho dù anh ta là một người rất khác. Anh ta cũng cố làm điều phải. Buồn là Martin và tôi là những ngoại lệ hiếm hoi trong gia đình chúng tôi. Có nhiều lý do về tại sao Tập đoàn Vabger bây giờ lại cụm lại với nhau, nhưng một trong những lý do then chốt là đầu óc thiên cận và lòng tham của họ hàng tôi.

Nếu anh nhận lời, tôi sẽ giải thích gia đình đã làm như thế nào để đánh đắm mất xí nghiệp.

- Tôi sẽ không nói dối cả với ông, - Blomkvist nói. - Điều tra nghiên cứu và viết một quyển sách như thế phải mất đến hàng tháng. Tôi không có động cơ hay nghị lực để làm việc đó.

- Tôi tin là có thể nói để cho anh nhận lời được.

- Tôi ngờ đấy. Nhưng ông nói có hai việc. Quyển sách là cái cớ. Động cơ thật là gì?

Vanger đứng dậy, chăm chú và cảm bức ảnh của Harriet ở trên bàn làm việc lên. Ông đặt nó xuống trước mặt Blomkvist.

- Trong khi anh viết tiểu sử về tôi, tôi muốn anh xem xét kỹ gia đình với con mắt của một nhà báo. Nó cũng cho anh một bằng chứng ngoại phạm để dò soát lịch sử gia đình tôi. Cái tôi muốn ở anh là giải đáp một bí mật. Đó là nhiệm vụ thật sự của anh.

- Bí mật gì?

- Harriet là cháu nội của Richard, ông anh tôi. Tôi có năm anh em. Richard là cả, sinh năm 1907. Tôi là út, sinh năm 1920. Tôi không hiểu sao Chúa lại có thể tạo ra một bầy trẻ mà... - Trong vài giây Vanger để đứt luồng suy nghĩ, chìm vào trong ý tưởng của mình. Rồi ông tiếp tục, với một cả quyết mới. - Xin để tôi nói về ông anh Richard của tôi. Hãy nghĩ về ông ấy như một mẫu sinh vật trong bản biên niên của gia đình mà tôi muốn anh viết.

Ông rút thêm cà phê cho mình.

- Năm 1924, Richard mười bảy tuổi và là một phần tử quốc gia cuồng tín Do Thái. Anh ấy tham gia Liên đoàn Tự do Quốc gia Xã hội chủ nghĩa Thụy Điển, một trong những nhóm Quốc xã đầu tiên của Thụy Điển. Việc Quốc xã luôn cố nhận lấy chữ *Tự do* phải chăng đã làm cho nó có sức mê hoặc?

Vanger rút ra một quyển album khác, lật giở nó cho đến khi ông tìm thấy cái trang ông cần kiểm.

- Đây là Richard với bác sĩ thú y Birger Furugard, người sớm trở thành lãnh tụ của cái gọi là phong trào Gurugard, phong trào Quốc xã lớn đầu những năm 30. Nhưng Richard không ở lại với ông ta. Một ít năm sau, anh gia nhập Tổ chức Chiến đấu Phát xít Thụy Điển, gọi tắt là SFBÖ, ở đây anh được biết Per Engdahl và những người khác mà rồi về sau sẽ là nỗi ô nhục của đất nước.

Ông lật trang album: Richard Vanger mặc đồng phục.

- Trái lại mong muốn của bố chúng tôi và trong những năm 30, anh ấy đăng ký vào gần hết các nhóm Quốc xã trong nước. Bất cứ hội đoàn âm mưu chường mắt nào tồn tại cũng đều có thể thấy tên của anh ấy ở trong bảng phân công phân nhiệm của chúng. Năm 1933 phong trào Lindholm, tức là Đảng Lao động Quốc gia Xã hội chủ nghĩa, thành lập. Anh biết rõ đến đâu lịch sử của Quốc xã Thụy Điển?

- Tôi không là nhà sử học nhưng tôi có đọc vài quyển sách.

- Năm 1939 Chiến tranh Thế giới Thứ hai bắt đầu, năm 1940 Chiến tranh Mùa Đông ở Phần

Lan. Một số lượng lớn người của Phong trào Lindholm đi theo Phần Lan với tư cách quân tình nguyện. Richard ở trong số này và lúc đó đang là đại úy của quân đội Thụy Điển. Anh ấy bị giết năm 1940 – ngay trước hiệp ước hòa bình với Liên Xô – do đó thành một người hy sinh trong phong trào Quốc xã và một đơn vị chiến đấu đã mang tên anh ấy. Thậm chí hiện giờ một dùm những đứa ngu xuẩn vẫn tụ tập ở nghĩa trang Stockholm để tưởng niệm cái chết anh ấy và tôn vinh anh ấy.

- Tôi hiểu.

- Năm 1926, tôi lúc ấy mười chín, anh ấy ra đi với một phụ nữ tên là Margareta, con gái của một thầy giáo ở Falun. Họ gặp nhau trong một bối cảnh chính trị nào đó và mối quan hệ của họ đã cho ra một đứa con trai, Gottfried, vào năm 1927. Đứa trẻ ra đời thì hai người lấy nhau. Trong nửa đầu những năm 30, anh tôi cho vợ con đến ở Hedestad đây trong khi anh ấy đóng quân với trung đoàn ở Gavkle. Lúc rảnh rỗi anh ấy đi quanh quần vận động người ta theo Quốc xã. Năm 1936, anh ấy xung đột lớn với bố chúng tôi, kết quả là bố tôi từ anh ấy. Sau đó Richard tự làm mà kiếm sống. Anh ấy cùng với gia đình chuyển đến Stockholm và sống trong cảnh khá nghèo nàn.

- Ông ta không có tiền riêng?

- Phần thừa kế của anh ấy ở trong công ty đã bị cấm sử dụng. Ở bên ngoài gia đình anh ấy không thể bán được gì cả. Tệ hơn hoàn cảnh túng thiếu của họ, anh ấy lại còn là một người thô bạo trong gia đình. Anh ấy đánh vợ và hành hạ con trai. Gottfried lớn lên trong cảnh sợ sệt và bị đàn áp. Cháu mười ba tuổi thì bố chết. Tôi ngờ rằng cho đến lúc đó, hôm ấy chính là ngày hạnh phúc nhất của cháu. Bố tôi thương người vợ góa và đứa trẻ mồ côi của anh ấy nên đã đưa họ về đây, ở Hedestad, bố tôi đã tìm được một căn hộ cho Margareta và muốn qua đó chị ấy có được một cuộc sống tử tế. Nếu Richard tượng trưng cho bóng tối của gia đình, cái mặt cuồng tín thì Gottfried lại tiêu biểu cho cái mặt lừng lờ. Khi cháu mười tám tuổi, tôi quyết định bảo trợ che chở cho cháu - muốn gì cháu cũng là con của anh trai đã chết của tôi – và anh cần nhớ rằng tuổi tôi và Gottfried không chênh nhau lắm. Tôi chỉ hơn cháu bảy tuổi nhưng lúc đó tôi đã ở trong ban lãnh đạo xí nghiệp và rõ ràng tôi là người sẽ tiếp quản tất cả từ bố tôi trong khi Gottfried ít nhiều lại bị coi như là một người ngoài rìa.

Vanger nghĩ một lát.

- Bố tôi không biết nên xử như thế nào với đứa cháu cho nên tôi đã cho cháu một công việc ở trong công ty. Đó là sau chiến tranh. Cháu đã cố làm một công việc phải chăng nhưng nó lại lười. Gottfried là một anh chàng háu gái và thích hưởng lạc; nó dụ dỗ phụ nữ, rồi có những thời kỳ nó uống quá nhiều rượu. Khó nói được tình cảm của tôi với nó... nó không phải là một anh chàng vô tích sự nhưng nó không đáng để tin cậy một chút nào và nó thường làm tôi quá thất vọng. Dần dà nó đã thành một đứa nghiện rượu và năm 1965 thì chết - chết đuối. Chuyện xảy ra ở đầu đàng kia đảo Hedestad, nó có một căn lều xây cất ở đó và nó thường nấu kín ở đó để uống rượu.

- Vậy ông ấy là bố của Martin và Harriet? – Blomkvist nói, chỉ vào bức chân dung ở trên bàn cà phê. Anh đã phải ngập ngừng mà thừa nhận rằng chuyện của ông già khá hấp dẫn.

- Đúng. Cuối những năm 40, Gottfried gặp một phụ nữ Đức mang tên Isabella Khônggenig, cô này sau chiến tranh đến Thụy Điển. Khá đẹp – tôi muốn nói là cô ấy có một vẻ tỏa sáng rõ rõ giống như Garbo hay Ingrid Bergman[9]. Chắc Harriet mang gien của mẹ nhiều hơn của Gottfried. Như anh có thể thấy ở trên ảnh, chỉ mới mười bốn tuổi nó đã rất xinh đẹp.

Blomkvist và Vanger ngắm bức ảnh.

- Nhưng để tôi nói nốt. Isabella sinh năm 1928 và nay vẫn còn. Cô ấy mười một tuổi thì chiến tranh bắt đầu, và anh có thể tưởng tượng một thiếu nữ sống ở Berlin trong những vụ ném bom thì ra sao. Khi đặt chân lên đất Thụy Điển chắc cô ấy phải cảm thấy y như là được đến thiên đường. Đáng tiếc là cô ấy lại cùng chung các thói xấu của Gottfried, lười và không ngừng tiệc tùng tụ tập. Đi du lịch rất nhiều ở Thụy Điển và ở nước ngoài, chẳng có chút ý thức trách nhiệm nào. Điều này rõ ràng đã ảnh hưởng đến lũ trẻ. Martin sinh năm 1948 và Harriet năm 1950. Tuổi thơ của chúng hỗn loạn, bà mẹ thì luôn rời xa và ông bố thì cuối cùng là một gã nghiện. Năm 1958 khá ngán nằng, tôi quyết định phá vỡ cái vòng luẩn quẩn. Lúc ấy Gottfried và Isabella đang sống ở Hedestad – tôi nặng nề đòi họ chuyển đi khỏi đây. Martin và Harriet ít nhiều được để cho tự lo liệu chống đỡ lấy.

Vanger liếc đồng hồ.

- Ba mươi phút của tôi đã gần hết nhưng tôi cũng đã sắp tới phần kết của câu chuyện. Anh có thể gia hạn cho tôi không?

- Cứ tiếp tục đi. – Blomkvist nói.

- Vậy thì tôi nói ngắn. Tôi không có con – trái nghịch phũ phàng với các anh tôi và các thành viên khác của dòng họ, họ hình như bị ám ảnh bởi cái nhu cầu sinh sản sao cho ngôi nhà Vanger được đầy đàn đầy đông. Gottfried và Isabella đã dọn đến đây nhưng hôn nhân của họ không có lấy một đồng xu dính túi. Chỉ sau một năm Gottfried đã chuyển đến căn nhà gỗ của mình. Nó sống ở đó một mình nhiều thời kỳ dài và chỉ quay về với Isabella khi trời quá rét. Tôi trông nom Martin và Harriet, ở nhiều mặt chúng là những đứa con mà tôi không bao giờ có. Martin thì... nói thật ra, đã có một dạo, khi cháu trẻ người tôi đã sợ cháu sẽ lại sa vào bước chân của bố cháu. Nó yếu đuối, hướng nội, u hoài nhưng cháu cũng có thể vui đùa và phấn chấn. Thời thiếu niên cháu đã có những ngày tháng rắc rối nhưng Martin đã tự mình vượt qua khi cháu bắt đầu vào đại học. Martin thì..., được, mặc dù mọi chuyện nhưng cháu vẫn *đang là* CEO của cái chỗ còn lại của Tập đoàn Vanger, điều mà tôi cho là dành cho sự tín nhiệm vào cháu.

- Còn Harriet?

- Harriet là một báu vật trong mắt tôi. Tôi cố cho nó một cảm nhận về an toàn và phát triển lòng tự tin ở nó và chúng tôi yêu mến nhau. Tôi coi Harriet như con gái mình và nó thì cuối cùng thân với tôi hơn với bố mẹ. Anh xem đây, Harriet rất là đặc biệt. Nó hướng nội – như anh nó – và khi là thiếu nữ, nó đã quay ra tin tưởng tôn giáo, không giống ai trong dòng họ. Nhưng nó có tài rõ ràng và thông minh ghê gớm. Nó có cả đức hạnh lẫn nghị lực. Khi nó mười bốn, mười lăm, tôi đã định ninh nó là người được sinh ra để cai quản trông nom cơ nghiệp Vanger hay ít nhất đóng một vai trò trung tâm ở đó - chứ không phải anh nó hay bất kỳ đứa anh chị em họ xoàng xĩnh nào của nó.

- Vậy đã xảy ra cái gì?

- Bây giờ đến cái lý do thật khiến tôi muốn mượn anh. Tôi muốn anh tìm ra ai ở trong dòng họ đã ám sát Harriet, ai từ đó đã bỏ ra gần bốn chục năm trời cố dẫn đưa tôi đến bước điên khùng.

## Chương 5

### Thứ Năm, 26 tháng Mười hai

Lần đầu tiên từ khi bắt đầu cuộc độc thoại, ông già đã khiến cho Blomkvist ngạc nhiên. Anh đã phải bảo ông già nhắc lại để anh yên chí rằng anh đã không nghe lầm. Trong các báo cáo cắt dán không hề có gì nói đến một vụ án mạng.

- Đó là ngày 24 tháng 9 năm 1966, Harriet mười sáu và bắt đầu năm thứ hai trung học phổ thông. Hôm ấy là thứ Bảy và hóa ra là ngày tệ hại nhất trong đời tôi. Tôi đã sống lại các sự kiện này nhiều lần quá đến nỗi tôi nghĩ tôi có thể kể lại những gì đã xảy ra từng phút từng giây của ngày hôm ấy - trừ cái điều quan trọng nhất.

Ông giơ tay lên khua khua.

- Đó là một bữa ăn tối hàng năm chả hay ho gì. Ở đây, trong ngôi nhà này, rất đông người trong gia đình tụ họp lại. Bố tôi đã đưa truyền thống này vào gia đình và nói chung lại thường quay sang thành ra những vụ việc khá là đáng ghét. Vào những năm 80, truyền thống này chấm dứt khi Martin đơn giản tuyên bố là mọi bàn bạc về công việc đều phải làm ở các cuộc họp thường kỳ của ban lãnh đạo và bằng biểu quyết. Đó là cái quyết định hay nhất mà cậu ta từng có được.

- Ông nói rằng Harriet đã bị ám sát...

- Khoan. Để tôi nói với anh việc đã xảy ra. Đó là một thứ Bảy như tôi đã nói. Cũng là một ngày tiệc tùng liên hoan với cuộc điều hành của Ngày Trẻ con được câu lạc bộ thể thao ở Hedestad tổ chức. Hôm ấy, Harriet vào thị trấn xem diễn hành cùng vài cô bạn học. Harriet về lại đảo Heddeby đúng vào 2 giờ chiều. Bữa tối được cho là bắt đầu vào lúc 5 giờ chiều và nó chờ cùng dự với đám trẻ khác ở trong dòng họ.

Vanger đứng lên, đi đến cửa sổ. Ông ra hiệu Blomkvist đến đó rồi chỉ tay.

- Lúc 2 giờ 15, sau khi Harriet về nhà được dăm ba phút, một tai nạn bi thảm đã xảy ra ở trên cầu ngoài kia. Một người đàn ông tên là Gustav Aronsson, anh của một nông dân ở Ostergarden - một tiểu chủ trên đảo Hadeby - quẹo lên cầu và đâm thẳng vào một chiếc xe chở dầu. Đúng là cả hai đều chạy quá nhanh nên lẽ ra chỉ là va chạm nhỏ thì đã thành ra thảm họa. Chắc là do bản năng, người lái xe tải đánh tay lái để tránh xe hơi nên đã húc vào lan can cầu và chiếc xe tải lộn nhào xuống; nó rơi qua cầu còn chiếc móc vẫn treo ở bên trên cầu. Một trong những thanh lan can đập vào bồn chở dầu và dầu dễ cháy đang bị hun nóng đã trào ra. Trong khi đó, Aronsson ngồi kẹt cứng bên trong xe hơi, đầu đón la hét. Người lái xe tặc cũng bị thương, nhưng đã cố chui ra được khỏi cabin.

Ông già quay lại ghế:

- Tai nạn chẳng có gì liên quan đến Harriet. Nhưng nó có ý nghĩa ở một khía cạnh quan trọng. Hỗn loạn tiếp theo đó: người ở hai đầu cầu chạy vội đến cố cứu; nguy cơ hỏa hoạn là lớn, còi báo động vang lên. Các sĩ quan cảnh sát, xe cứu thương, các phóng viên và dân chúng hiếu

kỳ vội vã nổi nhau đến. tất nhiên là tất cả họ đều tùm tùm lại ở bên phía đất liền; đằng này bên phía đảo, chúng tôi cố làm hết sức mình để đưa Aronsson ra khỏi chiếc xe bẹp nát, điều lại tỏ ra là khó đến đáng nguyên rủa. Ông ta bị ghim chặt ở bên trong và bị thương nặng. Chúng tôi cố bẩy ông ta ra bằng tay trần nhưng không ăn thua. Phải cưa hay cắt ông ta ra nhưng chúng tôi không dám làm cái gì có nguy cơ để tóa ra một tia lửa; chúng tôi đứng ở giữa một biển dầu bên một chiếc xe téc đang đổ nghiêng. Nếu nó nổ chúng tôi sẽ chết hết. Phải lâu mới có cứu trợ ở bên đất liền; chiếc xe tải nằm chắn ngang cầu, leo qua nó cũng chẳng khác nào trèo lên một quả bom.

Blomkvist không thể cưỡng lại nổi cái cảm giác rằng ông già đang kể một câu chuyện đã được ôn kỹ lưỡng, cốt để bắt anh phải quan tâm. Ông già là một người kể chuyện hay, đúng như thế. Mặt khác, câu chuyện dẫn đến đâu đây?

- Cái đáng kể ở vụ tai nạn là cây cầu đã bị ách tắc trong hai mươi tư giờ. Phải đến tối Chủ nhật mới bơm hết được dầu ra và rồi chiếc xe tải mới được cần cẩu trục đi, cây cầu mới mở cho giao thông qua lại. Trong vòng hai mươi tư giờ ấy, đảo Hedeby thực tế đã bị cắt rời hoàn toàn khỏi phần còn lại của thế giới. Lối đi duy nhất để qua tới đất liền là trên một tàu chữa cháy được đưa đến để chở dân từ bến cảng của tàu nhỏ ở đằng này đến bến cảng cũ ở bên dưới nhà thờ. Trong nhiều giờ chỉ có đội cấp cứu sử dụng con tàu – mãi tới khá khuya đêm thứ Bảy người dân bị kẹt trên đảo mới được phà chở qua. Anh có hiểu ý nghĩa của chuyện này không?

- Tôi cho là một cái gì đó đã xảy ra cho Harriet ở đây trên đảo, - Blomkvist nói, - và danh sách những người khả nghi là bao gồm những người bị mắc kẹt lại ở đây và con số này là có hạn.

Vanger cười châm biếm.

- Mikael, anh không biết anh đúng đến đâu đâu. Ngay cả như tôi đã đọc Dorothy Sayers[10]. Đây là những sự việc: Harriet đến đảo lúc 2 giờ 10. Nếu chúng ta gộp cả trẻ con và những khách khứa chưa kết hôn lại thì tổng cộng trong ngày đã có khoảng bốn chục thành viên dòng họ đến. Cùng với những người hầu và khách qua đêm, đã có sáu mươi tư người ở đây hoặc ở gần nông trại. Một số trong đám họ - những người sẽ ở qua đêm – đang bận bịu với việc sắp xếp chỗ ăn ở trong các nông trại lân cận hay trong các phòng dành cho khách.

- Harriet trước đó sống trong một ngôi nhà ở bên kia đường, nhưng do vì cả Gottfried lẫn Isabella đều không thường xuyên ở định nên người ta có thể thấy rõ cô bé đã buồn như thế nào, chuyện học hành của cô bé đã bị đảo lộn ra sao v.v..., vào năm 1964 khi Harriet mới mười bốn, tôi đã thu xếp cho nó dọn đến nhà tôi. Isabella chắc nghĩ rằng không phải gánh trách nhiệm với con gái thì càng hay. Harriet đã sống ở đây trong hai năm. Vậy đây là nơi cô bé đến hôm ấy. Chúng tôi biết Harriet có gặp và nói chuyện vài ba câu với Harald ở trong vườn – ông ấy là một trong những ông anh của tôi. Rồi nó lên gác, tới buồng này chào tôi. Chợt nó muốn nói với tôi về một chuyện gì đó. Lúc ấy tôi đang tiếp vài thành viên khác trong dòng họ, tôi không dành được thì giờ cho nó. Nhưng Harriet nom lo lắng và tôi hứa sẽ tới buồng nó gặp. Harriet đi ra qua cửa này và đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy nó. Một phút hay muồn hơn thế thì xảy ra chuyện đâm xe trên cầu kia và sự hỗn loạn đã làm lật nhào hết cả các kế hoạch của chúng tôi cho ngày hôm ấy.

- Chị ấy chết như thế nào?

- Phức tạp hơn thế, và tôi cần nói câu chuyện theo thứ tự thời gian. Khi tai nạn xảy ra, mọi người bỏ hết mọi cái đang làm, chạy tới hiện trường. Tôi đang... tôi cho là tôi phải gánh vác và đã bận tối mắt tối mũi trong vài giờ sau đó. Harriet xuống thẳng ngay cây cầu - nhiều người

trông thấy nó – nhưng sợ bị nổ tôi đã bảo bất cứ ai không dính dáng đến việc kéo Aronsson ra khỏi chiếc xe hãy lui lại xa ở đằng sau. Năm người chúng tôi ở lại. Có tôi và Harald, anh tôi. Một người tên là Magnus Nilsson, một công nhân của tôi. Một công nhân ở nhà máy cửa tên là Sixten Norlander có một ngôi nhà ở bên dưới cảng cá. Và có một cậu tên là Jerker Aronsson. Cậu này mới mười sáu và thật ra tôi nên bảo cậu ta tránh ra khỏi đó nhưng cậu ta là cháu của Gistav ở trong chiếc xe. Vào khoảng 2 giờ 40, Harriet ở trong bếp trong nhà này. Nó uống một cốc sữa và nói chuyện qua qua với Astrid, người nấu bếp của chúng tôi. Hai người nhìn qua cửa sổ ra chỗ đâm xe ở bên dưới chỗ cây cầu. Vào lúc 2 giờ 55, Harriet đi qua sân. Isabella trông thấy cháu. Chừng một phút sau cháu chạy vào nhà Otto Falk, mục sư của Hedeby. Lúc ấy nhà của mục sư là ở chỗ Martin Vanger hiện đang có ngôi biệt thự ở đó, ông mục sư sống ở phía đầu cầu bên này. Ông ta đang bị cảm nằm ôm giường khi xảy ra vụ tai nạn; ông lỡ mất tấn thảm kịch nhưng một ai đó đã gọi điện thoại cho ông và ông đang ở trên đường đi đến cây cầu. Harriet giữ ông lại và có vẻ muốn nói gì đó với ông nhưng ông xua nó đi và vội rảo bước qua, Falk là người cuối cùng trông thấy Harriet còn sống.

- Chị ấy chết như thế nào? – Blomkvist lại nói.

- Tôi không biết, - Vanger nói với một vẻ lúng túng. – Chúng tôi không đưa được Aronsson ra khỏi xe cho tới quãng 5 giờ - nhân đây phải nói thêm ông ta sống tuy không được ổn, - và vào khoảng 6 giờ mới đề dọa hỏa hoạn được coi là đã qua khỏi. Hòn đảo vẫn bị cách biệt nhưng mọi việc đã bắt đầu yên dần. Mãi đến gần 8 giờ chúng tôi mới ngồi vào bàn để ăn bữa tối, khi ấy chúng tôi mới phát hiện thấy thiếu Harriet. Tôi bảo một người trong họ đến buồng Harriet nhưng chị ta quay lại nói không thể tìm thấy Harriet. Tôi đã không nghĩ nhiều về chuyện này; tôi cho là nó ra ngoài đi dạo hay nó không được ai báo cho rằng sắp ăn bữa tối. Trong bữa ăn tôi đã phải giải quyết nhiều cuộc thảo luận và tranh cãi với gia đình. Cho nên đến tận sáng sau, khi Isabella tìm con thì chúng tôi mới nhận ra rằng không ai biết Harriet ở đâu và từ hôm trước đã không ai trông thấy nó rồi. – Vanger dang rộng hay tay ra. – Và từ hôm ấy Harriet mất tăm, không một dấu vết.

- Mất tăm? – Blomkvist nói hoạ theo.

- Trong suốt những năm qua chúng tôi đã không thể tìm ra được một chút xúu vết tích dù nhỏ nào của nó.

- Nhưng nếu chị ấy tan biến đi như ông nói thì ông cũng không thể đoán chắc rằng chị ấy bị ám sát.

- Tôi hiểu cái ý phản bác này. Tôi đã nghĩ mãi theo ngả đó. Một người tan biến đi không dấu vết thì có thể là đã xảy ra một trong bốn điều sau đây. Harriet có thể bỏ đi theo ý nó và đang ẩn náu ở một nơi nào đó. Harriet có thể bị một tai nạn rồi chết. Harriet có thể đã tự sát. Và cuối cùng, Harriet có thể là nạn nhân của một án mạng. Tôi đã cân nhắc tất cả các khả năng ấy.

- Nhưng ông tin là có người đã lấy đi mạng của Harriet. Tại sao?

- Vì đó là cái kết luận duy nhất hợp lý. – Vanger giơ một ngón tay lên. – Ban đầu tôi hy vọng Harriet đã bỏ chạy. Nhưng ngày tháng qua đi, tất cả chúng tôi nhận thấy rằng trường hợp này không phải là như thế. Tôi muốn nói là cô bé mười sáu tuổi xuất thân từ một thế giới được che chở như thế này, ngay cả cho một cô bé có khả năng đi nữa, thì làm sao mà có thể tự mình lo toan xoay sở lấy được việc đó cơ chứ? Làm sao có thể cứ ẩn náu mà không bị phát hiện ra? Nó sẽ lấy tiền ở đâu? Và cho dù có kiếm được một việc làm ở đâu đó thì cô bé vẫn cứ sẽ cần một thẻ bảo hiểm xã hội và một địa chỉ.

Ông giờ hai ngón tay lên.

- Ý nghĩ tiếp theo của tôi là Harriet đã bị một kiểu tai nạn gì đó. Anh có thể cho tôi một ưu ái không? Xin ra bàn làm việc mở ngăn kéo trên cùng. Có một tấm bản đồ trong đó.

Làm theo lời yêu cầu, Blomkvist trải tấm bản đồ lên trên bàn cà phê. Đảo Hedeby là một khối đất đai hình thù gầy khúc dài khoảng hai dặm, rộng khoảng một dặm. Phần lớn đảo là rừng che phủ. Có một khu xây dựng ở gần cầu và quanh bến cảng có những nhà nghỉ hè nhỏ. Ở phía kia của đảo là trại tiểu nông, Ostergarden, nơi mà Aronsson xui xẻo đã khởi động cho chiếc xe hơi đi ra.

- Hãy nhớ rằng Harriet không thể rời đảo, - Vanger nói. - Trên đảo Hedestad này anh có thể chết vì tai nạn y như ở bất kỳ một nơi nào khác. Anh có thể bị sét đánh – nhưng hôm ấy không có giông bão. Anh có thể bị ngựa xéo chết, ngã xuống giếng, hay lăn xuống một khe đá. Chắc chắn là ở đây có đến trăm cách để trở thành nạn nhân của một tai nạn. Tôi đã nghĩ đến phần lớn các cách đó.

Ông giờ lên ba ngón tay.

- Chỉ có thể chop lấy một cái và cái này cũng áp dụng cho khả năng thứ ba – trái với mọi chỉ dẫn là Harriet đã tự kết liễu đời mình. *Xác của cháu chắc là phải ở đâu đó trong khu vực hẹp.*

Vanger đấm mạnh tay xuống tấm bản đồ.

- Những ngày sau khi Harriet biến mất, chúng tôi đã tìm kiếm khắp nơi, dọc ngang trên đảo. Đàn ông lội qua từng nương rãnh, sục vào từng thửa ruộng, vách đá và cây cối tróc rễ. Chúng tôi đã đi xuyên vào từng tòa nhà, ống khói, giếng nước, nhà kho và gác xép ẩn kín.

Ông già rời mắt khỏi Blomkvist, nhìn đăm đăm vào bóng tối ở bên ngoài cửa sổ. Ông nói, giọng trầm xuống và thân mật hơn.

- Cả mùa thu tôi tìm kiếm cháu, ngay cả khi các cuộc tổ chức tìm kiếm đã ngừng và người ta đã thôi. Khi tôi không bận công việc tôi bắt đầu những chuyến đi bộ tới lui ngang dọc ở khắp trên đảo. Rồi mùa đông đến, chúng tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì của cháu. Mùa xuân tôi vẫn tìm cho tới khi tôi nhận thấy việc tìm kiếm này mới vớ vẩn làm sao. Mùa hè tới, tôi thuê ba người thợ rừng dày dặn kinh nghiệm lại tìm khắp lượt một phen nữa cùng với cả chó. Họ lục lọi từng phân vuông trên đảo. Vào lúc ấy, tôi bắt đầu nghĩ chắc là có ai đó đã giết cháu. Cho nên họ lại đi tìm một ngôi mộ. Họ làm chuyện này trong ba tháng. Chúng tôi không tìm ra một dấu vết dù nhỏ nhất nào của Harriet. Cứ tựa như cháu đã biến mất vào trong không khí.

- Tôi có thể nghĩ đến một số khả năng, - Blomkvist đánh bạo.

- Hãy nghe xem.

- Có thể chị ấy đã bị chết đuối, vì tai nạn gay vì dụng ý. Đây là một hòn đảo, và nước thì có thể che dấu phần lớn mọi thứ.

- Đúng, nhưng khả năng này không lớn. Nếu Harriet gặp phải một tai nạn rồi chết đuối thì việc đó xét về lô gíc, phải xảy ra ở đâu đó tại ngay cạnh làng. Xin nhớ là sự cố ở trên cầu bữa ấy là chuyện giật gân nhất mà trong vài thập niên nay mới xảy ra trên đảo Hedeby này. Nó không phải là lúc để cho một cô bé mười sáu tuổi, đầu óc tò mò bình thường, lại quyết định đi bộ sang

phía bên kia của hòn đảo. Nhưng quan trọng hơn, ở đây không có nhiều hải lưu còn gió thì vào những dịp này trong năm không còn gió bắc hay gió đông bắc. Nếu một cái gì rơi xuống nước, nó sẽ nổi lên ở đâu đó dọc bờ biển mà trên bờ biển phía ấy thì khắp mọi nơi gần như đã được xây dựng lên hết cả rồi. Chớ nghĩ là chúng tôi chưa tính tới ngả đó. Chúng tôi đã nạo vét gần hết các chỗ có nước mà chúng tôi ngờ cháu có thể ngã xuống. Tôi cũng đã thuê đám trẻ ở câu lạc bộ lặn tại Hedeby. Họ bỏ cả mùa lặn ra cào bới đáy eo biển và dọc bờ biển. Tôi đã cầm chắc là cháu không có ở dưới nước; nếu có thì chúng tôi đã tìm thấy cháu.

- Nhưng có thể chị ấy đã gặp tai nạn ở một chỗ khác chứ? Cầu bị tắc, dĩ nhiên, nhưng đến đất liền chỉ có một đoạn ngắn. Chị ấy có thể bơi hay chèo thuyền qua.

- Đang là cuối tháng Chín, nước rất lạnh, Harriet khó mà lại dời nhà đi bơi trong lúc tất cả còn nao động như thế. Nhưng nếu thành linh nó có ý bơi sang đất liền thì nó cũng sẽ bị nhiều người chú ý đến và trông thấy. Có hàng chục con mắt ở trên cầu, còn ở dọc bờ nước bên đất liền thì đến hai ba trăm người xem vụ đâm xe.

- Một chiếc thuyền có bơi chèo thì sao?

- Không. Hôm ấy chính xác có mười ba con tàu ở đảo Hedeby. Phần lớn du thuyền đã được đem cất giữ ở trên bờ rồi. Dưới bến cảng dành cho tàu nhỏ ở gần những căn lều mùa hè thì có hai con tàu Pettersson ở dưới nước. Có bảy con thuyền bơi chèo *eka*, trong đó năm cái đã được kéo lên bờ biển. Ở phía dưới nhà mục sư thì một chiếc thuyền bơi chèo và một tàu động cơ. Đã kiểm tra tất cả các tàu thuyền này, chúng đang ở đâu thì vẫn ở đúng đó. Nếu Harriet có chèo thuyền qua và chạy đi thì nó đã phải để lại chiếc thuyền ở bờ bên kia rồi.

Vanger giờ bốn ngón.

- Vậy nên chỉ có một khả năng hợp lý, tức là Harriet đã không tự ý biến đi. Một ai đó đã giết nó và thủ tiêu cái xác.

Lisbeth Salander bỏ sáng Noel ra đọc quyển sách gây tranh cãi của Mikael Blomkvist về nghề viết báo tài chính *Các Hiệp sĩ dòng Templar: Câu chuyện cảnh báo cho các phóng viên tài chính*. Christer Malm đã có một thiết kế bìa hợp một với một bức ảnh Thị trường Chứng khoán Stockholm. Malm đã làm với Photoshop, và phải mất một lúc mới nhận ra là tòa cao ốc này đang bồng bênh trong không. Đó là một bìa sách gây ấn tượng, cho thấy được giọng văn bên trong.

Salander có thể thấy Blomkvist là một cây bút giỏi. Quyển sách đã được trình bày với một cách viết thẳng thắn, nhập cuộc, ngay những người không hiểu biết chút nào về cái mê cung của nghề báo tài chính đọc nó cũng có thể học được một điều gì đó. Giọng văn sắc nhọn, châm biếm nhưng trên hết là thuyết phục.

Chương đầu là một thứ tuyên chiến trong đó Blomkvist không dè xén lời. Trong hai chục năm qua, các nhà báo tài chính Thụy Điển đã phát triển thành một nhóm hay sai bất tài phồng mang lên vì tự coi mình là quan trọng nhưng không hề có thành tích về tư duy phê phán nào. Anh rút ra kết luận này vì ngày lại ngày, không có lấy một chút phản bác, quá nhiều phóng viên tài chính hình như đã bằng lòng nhai lại những tuyên bố mà các CEO hay đám đầu cơ thị trường chứng khoán đưa ra – ngay cả khi thông tin này sai lệch và rõ là làm cho lạc hướng. Như

thể các phóng viên này hoặc là đã quá ngây thơ và khờ đến nỗi bị buộc phải nhảy vào nhiệm vụ khác hoặc họ là những người có ý thức phản bội lại chức năng nhà báo. Blomkvist nói anh thường xấu hổ vì được gọi là một phóng viên tài chính do đó anh có cơ hội bị nhét chung vào một rọ với những người mà anh không đánh giá là phóng viên chút nào cả.

Anh so sánh những cố gắng của các nhà báo tài chính với cách mà các phóng viên vụ án hay phóng viên đối ngoại làm việc. Anh vẽ nên một bức tranh về sự lả ó sẽ xảy ra nếu như trong một phiên tòa xét xử một vụ án mạng, một phóng viên pháp lý bắt đầu bằng quan giới thiệu việc xử của công tố viên là nguyên tắc chỉ đạo, không tham vấn luận cứ của bên bị hay không phỏng vấn gia đình nạn nhân mà đã vội cho ra một ý kiến về điều có khả năng xảy ra hay không có khả năng xảy ra. Theo Blomkvist, các phóng viên tài chính cũng cần phải áp dụng các quy tắc tương tự.

Phần còn lại của quyển sách là một chuỗi bằng chứng ủng hộ trường hợp của anh. Một chương dài đã xem xét việc tường thuật một vụ “.com” nổi tiếng ở trên sáu tờ báo hàng ngày cũng như các tờ *Financila Journal*, *Dagens Industri* và “A-ekhôngnomi”, thông tin về kinh doanh trên truyền hình Thụy Điển. Trước hết anh trích dẫn và tóm tắt những cái mà các phóng viên đã nói và viết. Rồi anh so sánh chúng với tình hình thực tại. Trong khi miêu tả sự phát triển của công ty anh lần lượt nêu lên các câu hỏi đơn giản mà một phóng viên nghiêm túc sẽ phải hỏi nhưng đã bị toàn bộ tập đoàn phóng viên tài chính bỏ qua. Đó là một nước đi hay.

Một chương khác nói về việc phát hành cổ phiếu lần đầu của Telia – đây là đoạn vui nhộn và chế diễu nhất trong quyển sách, trong đó một vài cây bút tài chính đã bị chỉ trích tận tên, gồm William Borg, người mà xem về anh đặc biệt thù nghịch. Một chương gần cuối sách so sánh trình độ năng lực của các phóng viên tài chính Thụy Điển với nước ngoài. Anh tả các phóng viên nghiêm túc ở tờ *Financial Times*, *Economist* của London và một số tờ báo tài chính Đức tường thuật các chủ đề tương tự ở trong nước họ như thế nào. So sánh không hay cho các nhà báo Thụy Điển. Chương cuối cùng mang một phác thảo với gợi ý về việc làm thế nào để có thể chữa cháy tình hình thảm hại này. Kết của quyển sách gợi lại phần mở đầu:

Nếu một phóng viên nghị viện làm nhiệm vụ của mình bằng cách không phê phán mà lại dọn đường yểm hộ cho mọi quyết định mà nhất định phải được thông qua, bất chấp chúng nhổ nhăng ra sao – hay nếu một phóng viên chính trị cho thấy cũng thiếu một phán xét tương tự – thì phóng viên đó phải bị sa thải hay bị chuyển đến một bộ phận khác, nơi mà ở đó anh (hay chị) ta không thể gây ra nhiều tổn hại đến thế. Nhưng trong giới tường thuật tài chính, xem ra đã không có áp dụng việc ủy thác cho báo chí bình thường tiến hành các cuộc điều tra có phê phán cũng như thông báo khách quan các phát hiện cho bạn đọc. Thay vì lại vỗ tay một cha vô lại là thành công nhất. Bằng cách đó, người ta đang tạo nên tương lai của Thụy Điển, và cũng làm cho tất cả lòng tin còn lại gửi gắm vào các nhà báo như là một tập đoàn những nhà chuyên nghiệp bị tổn thương.

Salander dễ dàng hiểu được cuộc tranh cãi sôi nổi tiếp theo ở ấn phẩm *The Journalist*, một số tờ báo tài chính và ở trên các trang nhất cũng như ở các khu vực dành cho kinh doanh trên các báo hàng ngày. Tuy chỉ có một ít phóng viên bị nêu tên trong quyển sách, Salander cũng

suy ra được rằng do lĩnh vực báo chí khá nhỏ bé nên khi trích dẫn ra nhiều tờ báo khác nhau thì ai cũng có thể biết chính xác cá nhân nào đã bị nhắc đến. Blomkvist đã tạo ra cho mình một số kẻ thù dai dẳng, điều này cũng đã được phản ánh ở trong nhiều bình luận tai ác với phiên tòa xét xử vụ Wennerstrom.

Cô gấp quyển sách lại và nhìn tấm ảnh ở bìa sau. Tựa hồ bị gió cuốn, mớ tóc vàng sẫm bù xù của Blomkvist rơi trĩu xuống ngang trán. Hay (và điều này có nhiều phần đúng hơn) tựa hồ Christer Malm đã đạo diễn cho anh cái nét đó. Anh nhìn vào máy ảnh, nụ cười hơi chế nhạo, vẻ mặt thì có lẽ đang nhắm làm cho ra dáng hấp dẫn và trẻ trung. Một *người đàn ông rất dễ coi. Sắp trải qua ba tháng trong tù.*

- Hello Blomkvist, - cô nói với mình. - Anh đang khá là hài lòng về anh đấy, có đúng là thế không?

Vào lúc ăn trưa, Salander khởi động iBook, mở Eudora để viết một email. Cô gõ: "Có thì giờ chưa?". Cô ký *Ong vờ vẽ*, gửi đến địa chỉ <Dich bệnh-xyz-666@hotmail.com>. Để cho an toàn, cô cho bức thư chạy qua chương trình mật hóa PGP.

Rồi cô mặc cái quần jean đen, đôi boots mùa đông to kềnh, sơ mi polo ấm, jacket màu đậu Hà Lan thẫm và găng tay dệt kim xúng màu, mũ lưỡi trai, khăn quàng. Cô tháo vòng ra khỏi mí mắt và mũi, thoa một chút son môi hồng nhạt rồi tự ngắm ở gương trong buồng tắm. Cô nom như một cô gái khác cuối tuần ra ngoài đi nhả và cô nhìn bộ đồ của mình như là món nguy trang thích hợp cho một chuyến đi sâu vào hậu tuyến địch. Cô đáp tàu điện ngầm từ Zinkensdam đến Ostermalmstorg rồi đi bộ xuống đến Strandvagen. Cô thông dong đi dọc khu bảo tồn trung tâm đọc các chữ số trên các tòa nhà. Gần như sắp tới cầu Djurgards thì cô dừng lại nhìn vào cái cửa cô đang tìm. Cô đi qua phố và chờ ở cánh cửa mấy bước chân. Cô để ý thấy trong thời tiết lạnh của hôm sau Noel phần lớn những người ngoài ra đi bộ thường là đi dọc ke; chỉ có một số ít đi ở trên phía lát đá.

Cô chờ gần nửa giờ thì từ phía Djurgarden một bà già chống gậy đi đến. Bà già dừng lại, nghi ngờ nhìn Salander. Salander mỉm cười thân thiện đáp lại. Bà già chống gậy chào cô và nom có vẻ như đang cố nhớ lại xem bà nhìn thấy cô gái trẻ này lần cuối cùng là khi nào. Salander quay lại đi vài bước xa khỏi cửa, và tới lui quanh quần tựa như đang sốt ruột chờ một ai đó. Khi cô quay lại, bà già đã đến trước cửa, bấm một con số vào bảng mã khóa. Salander không khó nhận ra đó là con số 1260.

Cô chờ thêm năm phút rồi đến trước cái cửa. Cô ấn vào mã và khóa kêu đánh cách. Cô ngó vào lòng giếng cầu thang. Có một camera an ninh mà cô liếc vào nhưng không biết; đó là cái mô đen mà An ninh Milton thực hiện và chỉ được kích hoạt nếu tín hiệu báo động bị đột nhập hay công kích vang lên ở trong tòa nhà. Sâu vào trong nữa, ở bên trái một buồng thang máy kiểu cổ có một cánh cửa với một mã khóa khác; cô thử con số 1260, nó chạy và mở ra lối vào tầng hầm rượu cùng với buồng để các thứ tạp nham. *Ấu, rất ấu.* Để ba phút thăm dò tầng hầm rượu, cô thấy một phòng giặt không khóa và một phòng sửa chữa phục hồi các thứ hư hỏng. Rồi cô dùng một bộ đồ nạy mở khóa cô "mượn" của người thợ khóa của An ninh Milton để mở cái cửa dẫn đến nơi có vẻ là phòng họp của ban quản lý chung cư. Ở đằng sau hầm rượu là phòng dành cho các thú chơi riêng của cá nhân. Cuối cùng cô thấy cái mà cô mãi tìm: buồng điện nho nhỏ của tòa nhà. Cô xem xét các thước đo, các hộp cầu chì, các hộp kết nối rồi lấy ra một máy ảnh kỹ thuật số Canon to bằng bao thuốc lá. Cô chụp ba bức ảnh.

Trên đường ra cô để mắt vào danh sách những người sống ở đây gần bên cạnh thang máy và đọc thấy tên của căn hộ ở trên tầng thượng cùng: *Wennerstrom*.

Cô rời tòa nhà, rảo bước tới Viện bảo tàng Quốc gia, vào một quán cà phê để uống chút cà phê cho ấm người. Nửa giờ sau, cô đi về Soder và lên căn hộ của mình.

Có một câu trả lời của <Dịch bệnh-xyz-666@hotmail.com>. Cô giải mã nó trong PGP thì nó viết: 20.

## Chương 6

### Thứ Năm, 26 tháng Mười hai

Đã quá thời gian Blomkvist dự định về. Giờ đã là 4 giờ 30 phút, không có hy vọng bắt đầu được chuyến tàu chiều nhưng anh vẫn có cơ hội làm chuyến tàu đêm 9 giờ 30 phút. Anh đứng bên cửa sổ xoa xoa cổ, nhìn ra mặt tiền thấp sáng của nhà thờ ở bên kia cây cầu. Vanger đã cho anh xem một quyển được được cắt dán từ những báo của địa phương và của giới truyền thông cả nước. Trong một thời gian, giới truyền thông đã chú ý đến cô gái của gia đình một nhà công nghiệp tên tuổi biến mất. Nhưng khi không tìm ra xác và không có đột phá nào trong điều tra thì sự chú ý dần dần nhạt đi. Mặc dù sự việc là dính líu đến một gia đình nổi tiếng nhưng ba mươi sáu năm sau, vụ Harriet Vanger vẫn cứ bị quên lãng. Trong các bài báo của cuối những năm 60, lý lẽ trôi lên hơn cả có vẻ cho là cô gái đã chết đuối và bị quét mất ra biển - một thảm kịch nhưng là điều có thể xảy ra với bất cứ gia đình nào.

Câu chuyện ông già kể đã hấp dẫn Blomkvist nhưng khi ông già xin lỗi đi vào buồng tắm, anh lại mới nghi ngờ trở lại. Ông già chưa nói đến đoạn kết mà Blomkvist thì cuối cùng đã hứa là nghe hết toàn bộ câu chuyện.

- Ông nghĩ đã xảy ra chuyện gì cho Harriet? - anh hỏi khi Vanger trở lại.

- Thông thường có chừng hai mươi lăm người quanh năm sống ở đây nhưng vì gia đình tụ họp trên đảo Hedeby này nên hôm đó có hơn sáu chục người. Trong số này, từ hai mươi đến hai mươi lăm người, đại khái bằng thế, là có thể loại đi. Tôi tin là trong những người còn lại, một ai đó trong gia đình đã giết Harriet và giấu cái xác đi.

- Tôi có mười hai cách bác bỏ ý đó.

- Hãy nói nghe xem

- Bác bỏ thứ nhất là nếu một ai đó giấu xác chị ấy đi thì cái xác cũng sẽ phải được tìm thấy, nếu tìm kiếm đã kỹ càng triệt để như ông từng mô tả.

- Nói thật với anh, quy mô tìm kiếm còn lớn rộng hơn cả mô tả của tôi. Mãi đến khi bắt đầu nghĩ Harriet là nạn nhân của một vụ giết hại, tôi mới nhận thấy có nhiều cách có thể làm biến mất xác của nó. Tôi không thể chứng minh cho điều này nhưng ít nhất nó cũng ở trong phạm vi của khả năng.

- Hãy bảo tôi

- Harriet đi mất tầm quãng 3 giờ chiều hôm ấy. 2 giờ 55 phút mục sư Falk còn trông thấy nó đang vội đến cầu. Vào gần như cũng đúng lúc ấy một nhà nhiếp ảnh của tờ báo địa phương đến đó và trong một giờ sau, ông ta đã chụp một số lượng lớn ảnh về tấn thảm kịch. Chúng tôi - cảnh sát, ý tôi nói - đã xem xét các ảnh đó và xác nhận rằng không thấy Harriet ở trong một bức ảnh nào nhưng những người khác ở thị trấn thì ít nhất cũng được trông thấy một lần trong các tấm ảnh.

Vanger lấy một album khác để lên bàn.

- Đây là những bức ảnh ngày hôm ấy. Bức đầu tiên chụp ở Hedestad trong cuộc điều hành Ngày Trẻ em. Cũng ông nhiếp ảnh kia chụp nó vào khoảng 1 giờ 15 phút chiều và Harriet có mặt ở trong đó.

Nhà nhiếp ảnh đứng chụp ở tầng hai của tòa nhà và cho thấy một đường phố cùng với cuộc điều hành – các anh hề trên xe tải và các cô gái mặc quần áo tắm - vừa đi qua. Người xem tụ tập đầy các mặt đường lát đá. Vanger chỉ vào một bộ mặt trong đám đông.

- Harriet đây. Nó sẽ biến mất khoảng hai giờ sau đó; Harriet và một số bạn học ở thị trấn. Đây là bức ảnh cuối cùng chụp nó. Nhưng có một bức còn đáng chú ý hơn.

Vanger lật các trang. Quyển album có khoảng 180 bức ảnh - năm cuộn phim - về vụ đâm xe trên cầu. Dù đã nghe câu chuyện rồi người ta vẫn thấy quá đột ngột khi nhìn câu chuyện ở dạng các bức ảnh trắng đen này. Người chụp là một nhà nghề đã cố bắt được cảnh hỗn loạn xung quanh vụ tai nạn. Một số lớn ảnh tập trung vào các hoạt động ở quanh chiếc xe tect đổ nghiêng. Blomkvist dễ dàng nhận ra ngay một Henrik Vanger trẻ hơn nhiều, đầm đìa dầu nóng, giơ tay giơ chân.

- Đây là Harald anh tôi. – Ông già trở vào một người đàn ông mặc sơ mi xắn tay đang cúi về phía trước và trở vào một cái gì ở bên trong chiếc xe bẹp dúm. – Anh tôi có thể là một người khó ưa nhưng tôi nghĩ có thể gạt anh ấy ra khỏi danh sách tình nghi. Trừ một lúc ông ấy ở đâu chạy về khu trại thay giày rất nhanh còn thì cả buổi chiều ông ấy ở trên cây cầu.

Vanger lật vài trang nữa, lần lượt từng tấm ảnh. Cận cảnh xe tect đổ. Cận cảnh người xem ở bờ biển phía trước. Cận cảnh xe của Aronsson. Cảnh bao quát. Các cận cảnh bằng các ống kính telephoto.

- Đây là bức ảnh đáng chú ý, - Vanger nói. – Như chúng tôi có thể xác định thì nó được chụp vào khoảng giữa 3 giờ 40 và 3 giờ 45, sau khi Harriet tình cờ gặp Falk. Hãy nhìn ngôi nhà này, cửa sổ ở giữa tầng hai. Đó là buồng của Harriet. Trong bức ảnh trước, cửa sổ này đóng. Ở đây nó mở.

- Chắc có người đã ở trong buồng của Harriet?

- Tôi đã hỏi tất cả, không ai nhận đã mở cửa sổ.

- Có nghĩa là hoặc chính Harriet mở hoặc có một ai đó đã nói dối ông. Nhưng tại sao tên giết người lại phải vào mở cửa sổ buồng chị ấy ra? Và tại sao có người lại nói dối về chuyện đó?

Vanger lắc đầu. Không giải thích được.

- Harriet biến mất vào khoảng 3 giờ hay muộn hơn sau đó một ít. Các bức ảnh này cho thấy được một số người đang ở đâu vào lúc ấy. Bởi thế tôi có thể loại một số người ra khỏi danh sách khả nghi. Cũng bởi thế tôi có thể kết luận rằng cần đưa một số người không ở trong các bức ảnh này vào danh sách nghi vấn.

- Ông không trả lời câu hỏi tôi hỏi ông nghĩ sao về việc cái xác đã được đưa đi. Dĩ nhiên tôi nhận thấy chắc đã phải có một giải thích nào đó nghe lọt tai. Kiểu trò bịp của các nhà ảo thuật xưa.

- Thật ra đã có thể áp dụng một số cách làm thực tế. Tên giết người hạ thủ quanh quẩn vào lúc 3 giờ. Chắc hẳn ta hay ả ta không dùng bất cứ một thứ vũ khí gì - nếu không thì chúng tôi đã tìm thấy những vết máu. Tôi đoán Harriet đã bị bóp cổ và tôi đoán chắc là xảy ra ở đây - đằng sau bức tường ở trong vườn, đầu đó vượt ra ngoài tầm nhìn của người chụp ảnh và ở một góc chết so với ngôi nhà. Ở đấy có một lối mòn, nếu anh muốn đi tắt, sang nhà mục sư - cái chỗ cuối cùng trông thấy Harriet - và quay lại về nhà. Bây giờ ở đấy có một luống hoa và một bãi cỏ, nhưng vào những năm 60, đó là khu vực rải sỏi dùng để đỗ xe. Tên giết người chỉ cần mở cốp một chiếc xe rồi cho Harriet vào trong. Hôm sau khi chúng tôi bắt đầu tìm kiếm, chả có ai nghĩ là đã xảy ra một vụ giết người. Chúng tôi tập trung chú ý vào bờ biển, các tòa nhà và các khu rừng gần làng nhất.

- Cho nên không ai tìm trong các cốp xe.

- Và tối hôm sau tên giết người được thoải mái lên xe lái qua cầu để giấu cái xác vào một chỗ nào đó.

- Ngay dưới mũi của mọi người tham gia tìm kiếm. Nếu việc diễn ra theo cách này thật thì chúng ta đang nói đến một thằng khốn nạn to gan.

Vanger bật ra một tiếng cười chua chát.

- Miêu tả thế là khá trùng với một ít người ở trong dòng họ Vanger đấy.

Họ bàn tiếp qua cả bữa tối vào lúc 6 giờ. Anna dọn lên thịt thỏ rừng quay với mứt dâu và khoai tây. Vanger rót ra một loại vang đỏ nặng. Blomkvist có nhiều thì giờ để làm chuyến tàu vét. Anh nghĩ đã đến lúc tóm tắt lại câu chuyện.

- Ông đã kể cho tôi một câu chuyện hấp dẫn, tôi phải nhận là thế. Nhưng tôi vẫn không biết tại sao ông lại muốn tôi nghe.

- Tôi đã bảo anh. Tôi muốn tóm cổ cái thằng khốn khiếp đã giết Harriet. Và tôi muốn muốn anh tìm ra nó là ai.

- Tại sao?

Vanger đặt dao nĩa xuống.

- Ba mươi mấy năm qua tôi hóa rồ hóa dại nghĩ xem chuyện gì đã xảy ra với Harriet. Tôi ngày càng dành nhiều thì giờ hơn cho chuyện đó. - Ông im lặng và bỏ kính ra, quan sát một vết bụi vô hình nào đó trên mặt kính. Rồi ông ngược nhìn Blomkvist. - Để cho hoàn toàn trung thực với anh, việc Harriet biến mất đã là lý do khiến tôi rút lui dần ra khỏi công việc điều hành công ty. Tôi mất hết động cơ. Tôi biết đầu đó ở bên tôi có một tên sát nhân, và rồi buồn phiền cũng như việc tìm kiếm sự thật đã bắt đầu ảnh hưởng đến công việc của tôi. Điều tệ nhất là theo năm tháng cái gánh nặng này nó lại không nhẹ đi mà trái lại. Khoảng 1970, có một thời kỳ tôi chỉ muốn ở một mình. Rồi Martin tham gia ban giám đốc, rồi nhận lấy phần lớn công việc của tôi. Năm 1976 tôi về hưu, Martin tiếp quản chức CEO. Tôi vẫn còn một chỗ trong ban lãnh

đạo nhưng từ năm năm mươi tuổi tôi chả còn chèo lái mấy nữa. Trong ba mươi sáu năm qua, chả ngày nào trôi đi mà tôi lại không nghiền ngẫm đến việc Harriet mất tích. Anh có thể nghĩ tôi đã bị chuyện ấy ám ảnh – ít ra thì phần lớn họ hàng tôi đều nghĩ như vậy.

- Câu chuyện này khủng khiếp quá.

- Hơn thế. Nó đã hủy hoại đời tôi. Đó là một cái gì mà thời gian càng trôi đi tôi lại càng nhận hiểu về nó nhiều hơn. Anh có cảm nhận rõ về bản thân mình không?

- Tôi nghĩ là có.

- Tôi cũng thế. Tôi không thể quên với cái đã xảy ra. Nhưng theo năm tháng các động cơ của tôi đã thay đổi. Ban đầu động cơ chắc là đau buồn. Tôi đã muốn tìm Harriet và ít nhất thì có cơ hội chôn cất nó. Điều ấy như thể là giành lấy công lý cho Harriet vậy.

- Nó đã thay đổi theo kiểu gì?

- Bây giờ thì tìm ra thằng khốn đã làm chuyện đó là chính. Nhưng điều lạ là: tôi càng già nó lại càng trở thành một thú nghiền cuốn hút mất hết tất cả.

- Thú nghiền?

- Vâng, tôi có thể dùng chữ ấy. Khi điều tra của cảnh sát kết thúc, thì tôi vẫn cứ tiếp tục. Tôi đã cố làm có hệ thống và khoa học. Tôi thu thập mọi thông tin có thể góp nhặt được - ảnh, báo cáo của cảnh sát, tôi đã viết lại những gì người ta nói với tôi về những điều mà họ làm hôm ấy. Cho nên đúng là tôi đã bỏ ra gần như hết nửa đời mình vào việc thu thập thông tin về duy nhất một ngày trời.

- Tôi giả dụ thế này, là sau ba mươi sáu năm ông có nhận thấy tên giết người cũng có thể đã chết và bị chôn cất mất rồi không?

- Tôi không tin như thế.

Blomkvist nhú lông mày lại trước cái giọng chắc nịch của ông già.

- Ta hãy ăn xong bữa rồi trở lên gác. Câu chuyện sắp hết thì có một chi tiết này nữa. Chi tiết gây cho hoang mang hơn hết.

Salander đỗ chiếc Corolla vào cạnh ga xe lửa vành đai ở Sundbyberg. Cô mượn chiếc Toyota của đội xe An ninh Milton. Cô không xin phép hẳn hoi nhưng Armansky không bao giờ công khai tỏ ý cấm cô dùng xe của Milton. Cô nghĩ sớm muộn rồi cũng phải có một chiếc xe. Cô đã có một chiếc Kawasaki 125 sang tay cô thường dùng trong thời gian hè. Mùa đông cô nhốt chiếc xe máy trong hầm rượu.

Cô đi bộ đến Hogklintavagen, bấm cái chuông cửa nhỏ xíu, lúc ấy là 6 giờ. Mấy giây sau, khóa cửa ra phốt mở đánh cách và cô lên hai tầng gác, bấm vào chuông cửa ở cạnh tên

Stevensson. Cô không biết Stevensson thật sự là ai và liệu có một người như thế sống ở đây không.

- Chào, Dịch bệnh – cô nói.

- Ong vò vè đấy à! Cần cái gì thì cứ việc ghé qua nha.

Căn hộ tối như thường lệ; ánh sáng của ngọn đèn duy nhất trong phòng ngủ mà anh ta dùng làm văn phòng rỉ ra ngoài gian sảnh. Người đàn ông, hơn Salander ba tuổi, cao mét chín và nặng tạ sáu. Bản thân cao mét rưỡi, nặng 45 cân nên ở cạnh Dịch bệnh cô cứ cảm thấy mình bé tí tẹo. Chỗ này nồng mùi lâu ngày và ngột ngạt.

- Vì anh không chịu tắm bao giờ, Dịch bệnh. Ở đây có cái mùi cứ như là mùi chuồng khỉ ấy. Nếu anh có dịp ra ngoài, tôi sẽ mách anh vài mảnh về xà phòng. Ở Khôngnsum họ có bán xà phòng đấy.

Anh tặng cô một nụ cười nhợt nhạt và không nói gì. Anh ra hiệu bảo cô đi theo vào bếp. Anh buông phịch xuống một chiếc ghế ở bên bàn bếp, chẳng buồn bật đèn. Ánh sáng duy nhất đến từ đường ở bên kia cửa sổ.

- Về khoản dọn dẹp nhà cửa tôi không giữ kỷ lục đâu, nhưng nếu có thùng sữa cũ ngửi giống mùi giò bọ là tôi đều bỏ lại, quẳng hết đi.

- Tôi đang được trợ cấp ốm yếu đấy, - anh nói. – Tôi bất lực về mặt xã hội.

- Cho nên Chính phủ cho anh một chỗ để sống rồi quên anh đi. Có bao giờ anh sợ hàng xóm kêu với thanh tra cảnh sát không? Lúc ấy anh có thể bị hót đến trại vui nhộn đấy.

- Cậu có gì cho tôi không?

Salander kéo khóa túi jacket và đưa cho anh năm nghìn curon.

- Tôi để dành được có thế này. Đây là tiền của tôi và tôi thật không thể loại anh đi như một người ăn theo lệ thuộc.

- Cậu muốn gì?

- Vòng tay điện tử anh nói hai tháng trước. Anh đã có chưa?

Anh mỉm cười và đặt một cái hộp lên bàn.

- Chỉ cho xem nó làm việc thế nào với nào.

Trong vài phút sau cô chăm chú nghe. Rồi cô thử cái vòng. Dịch bệnh có thể bắt tài về xã hội nhưng anh ta là một thiên tài, điều này chẳng cần phải bàn cãi.

Vanger chờ cho đến lúc ông lại được Blomkvist chú ý. Blomkvist nhìn đồng hồ và nói:

- Một chi tiết gây hoang mang.

- Tôi sinh ngày 1 tháng Mười một. Khi Harriet lên tám, nó tặng tôi một món quà sinh nhật, một bông hoa ép, có khung.

Vanger đi vòng quanh bàn làm việc và chỉ vào bông hoa đầu tiên. Hoa chuông lam. Khung nó làm theo kiểu nghiệp dư.

- Đây là bông đầu tiên. Tôi nhận nó năm 1958. – Ông chỉ vào bông bên cạnh. – 1959. Hoa mao lương. 1960. Cúc. Đã thành lệ. Chắc Harriet làm vào một lúc nào đó nhân dịp hè rồi giữ lại cho tới sinh nhật tôi. Tôi luôn treo nó ở trên tường trong buồng này. Năm 1966 Harriet biến mất và cái lệ ấy không còn nữa.

Vanger chỉ vào một chỗ trống trong dãy khung. Blomkvist thấy tóc gáy dựng hết cả lên. Bức tường đầy hoa ép.

- 1967, sau năm Harriet biến mất, tôi nhận bông hoa này nhân sinh nhật tôi. Một bông viôlét.

- Hoa đến ông như thế nào?

- Bọc trong cái mà họ gọi là giấy gói quà và phong bì hai lớp gửi đi từ Stockholm. Không có địa chỉ người gửi. Không thư.

- Ông định nói... - Blomkvist hoa hoa tay như xưa đi.

- Chính xác. Hàng năm vào cái ngày sinh nhật chết tiệt của tôi. Anh có biết tôi cảm thấy thế nào không? Nó đánh thẳng vào tôi, cứ hết như tên giết người muốn hành hạ tôi vậy. Tôi buồn phiền đến nỗi ốm bởi ý nghĩ có phải Harriet đã bị hại vì một ai đó muốn đụng đến tôi. Không còn là bí mật chuyện tôi và Harriet có một quan hệ đặc biệt cũng như chuyện tôi coi nó như con gái tôi.

- Vậy ông muốn tôi làm cái việc ấy? – Blomkvist nói.

Khi Salander đưa chiếc Corolla về ga ra ở dưới tòa nhà An ninh Milton, cô tự nhắc hãy lên toa lét ở trên gác trong văn phòng. Cô dùng thẻ khóa mở cửa, đi thang máy tuốt lên tầng ba để tránh vào qua cửa chính ở tầng hai, nơi có nhân viên trực ở đó. Cô dùng toa lét rồi lấy một cốc cà phê ở máy pha espresso mà Armansky đã mua khi về sau này ông nhận ra thấy Salander không bao giờ pha cà phê đúng cách. Rồi cô vào buồng làm việc của mình, khoác chiếc jacket lên lưng ghế.

Căn phòng bằng kính, một chiều 2 mét rưỡi, một chiều 3 mét. Có một bàn làm việc và một máy tính bàn Dell kiểu cổ, một điện thoại, một ghế văn phòng, một sọt rác bằng kim loại và một giá sách. Giá sách có một bộ các thư mục và ba sổ tay khổng. Hai ngăn kéo bàn để mấy cái bút bi, kẹp giấy và một sổ tay. Trên thành cửa sổ là một chậu cây, lá đã nâu và khô quắt.

Salander tự lự nhìn cái cây tựa như lần đầu tiên cô trông thấy nó rồi cô dứt khoát cho nó vào sọt rác.

Cô ít có việc dính đến buồng làm việc, cả năm cô thăm thú nó chừng năm sáu bận, chủ yếu khi cô ngồi một mình chuẩn bị báo cáo ngay trước khi nộp nó. Armsnky nài cô phải có một không gian riêng. Ông lập luận rằng như thế cô sẽ cảm thấy là một phần của công ty tuy cô làm việc như một người tự do. Cô nghi Armsnky hy vọng bằng cách đó sẽ giám sát cô và xen được vào công việc của cô. Lúc đầu cô được giao cho một chỗ xa hơn ở dưới hành lang, trong một gian buồng lớn hơn mà người ta toan cho một đồng sự nữa cùng chia sẻ. Nhưng vì cô không bao giờ ở đó nên cuối cùng Armsnky chuyển cô đến cái lỗ vuông vức này ở cuối hành lang.

Salander lấy cái vòng đeo tay ra. Cô nhìn nó, đăm chiêu cắn môi dưới.

Đã quá 11 giờ và cô đang ở một mình trên tầng gác. Cô chợt thấy bức dọc hết sức.

Lúc sau, cô đứng dậy đi đến cuối gian sảnh rồi mở cửa buồng giấy của Armsnky. Khóa. Cô nhìn quanh. Mỗi ngày có ai quay trở lại hành lang vào quãng nửa đêm ngày 26 tháng Mười hai hầu như là không tồn tại. Cô mở cánh cửa bằng chiếc thẻ chìa khóa làm nhái theo thẻ của công ty, cách đây mấy năm trước cô đã chịu bỏ công ra làm việc này.

Buồng giấy của Armsnky rộng rãi: ở trước bàn làm việc của ông là cái ghế cho khách và một bàn họp đủ chỗ cho tám người ở một góc. Ngăn nắp không thể chê được. Một thời gian cô đã không lén vào buồng giấy của ông nhưng nay cô đang ở đây... Cô dành thời gian bên bàn làm việc để cập nhật thông tin bằng cách xem công việc điều tra một gián điệp nghi là mai phục trong công ty, một trong các đồng sự của cô đã được cấy công khai vào một xí nghiệp mà ở đó chương bảo động đang được cho hoạt động và các biện pháp nào đã được áp dụng hoàn toàn bí mật để bảo vệ một thân chủ đang sợ đứa con của bà có nguy cơ bị ông bố bắt cóc. Cuối cùng cô để các giấy tờ y nguyên vào lại chỗ cũ, khóa cửa buồng giấy Armsnky lại và đi bộ về nhà. Cô cảm thấy thỏa mãn với ngày hôm nay.

- Tôi không biết chúng ta có tìm ra sự thật hay không nhưng khi mà chưa thử việc ấy một lần cuối cùng thì tôi từ chối đi đến ngôi mộ của tôi, - ông già nói. - Tôi chỉ đơn giản muốn giao cho anh việc rà kỹ lại hết các bằng chứng một lần cuối.

- Thế là điên, - Blomkvist nói.

- Sao lại điên?

- Tôi đã nghe đủ, Henrik, tôi hiểu nỗi đau buồn của ông nhưng tôi cần phải trung thực với ông. Việc ông nhờ tôi chỉ là lãng phí thời gian của tôi và tiền bạc của ông mà thôi. Ông đang bảo tôi dựng ra lời giải đáp cho một bí mật mà cảnh sát và các nhà điều tra có kinh nghiệm cùng với các nguồn lực lớn hơn vô kể cũng đã phải chịu không giải quyết được trong suốt những năm vừa qua. Ông đang bảo tôi giải quyết một vụ án mạng sau khi nó xảy ra đã bốn chục năm. Tôi làm thế nào được việc đó cơ chứ?

- Chúng ta còn chưa bàn đến tiền công của anh, - Vanger nói.

- Việc đó sẽ không cần thiết mà.

- Tôi không ép được anh nhưng anh hãy nghe điều tôi đang đưa ra. Frode đã thảo một hợp đồng. Chúng ta có thể thảo luận các chi tiết nhưng bản hợp đồng này đơn giản, và tất cả những gì nó cần bây giờ là chữ ký của anh thế thôi.

- Henrik, như thế là phi lý. Tôi thật tình không tin rằng tôi lại sẽ tìm ra bí mật của việc Harriet biến mất.

- Theo hợp đồng, anh không cần phải làm chuyện đó. Tất cả những gì bản hợp đồng yêu cầu anh là anh làm hết sức anh. Nếu anh thất bại thì đó là ý Chúa, hay - nếu anh không tin ở Người - thì đó là số phận.

Blomkvist thở dài. Anh ngày càng thấy không thoải mái và muốn chấm hết cuộc thăm viếng này ở Hedeby, nhưng anh mũi lòng.

- Được, chúng ta hãy nghe nó xem nào.

- Tôi muốn anh sống và làm việc ở Hedeby đây một năm. Tôi muốn anh đọc kỹ lưỡng từng trang của báo cáo điều tra về vụ Harriet mất tích. Tôi muốn anh xem xét mọi sự việc với con mắt mới. Tôi muốn với mọi kết luận cũ anh đều đặt câu hỏi đúng như cách mà một phóng viên điều tra cần phải làm. Tôi muốn anh tìm ra một cái gì đó mà tôi và cảnh sát cũng như các nhà điều tra khác đã để tuột mất.

- Ông đang bảo tôi dẹp đời tôi, sự nghiệp của tôi sang bên để cống hiến suốt cả một năm dòng bản thân tôi cho một cái gì đó hoàn toàn chỉ là lãng phí thời gian.

Vanger mỉm cười.

- Về sự nghiệp của anh, chúng tôi có thể tán thành rằng trong lúc này nó có phần nào đó bị nắm giữ.

Blomkvist không biết trả lời thế nào câu này.

- Tôi muốn mua một năm của đời anh. Cho một công việc. Lương cao hơn bất kỳ mức lương nào anh đã nhận được suốt từ trước tới nay. Tôi sẽ trả cho anh 2 triệu curon một tháng - nếu anh bằng lòng và ở lại cả năm thì nó sẽ là 2 triệu tư curon.

Blomkvist ngần ra.

- Tôi không ảo tưởng. Khả năng thành công là nhỏ nhưng nếu ngược lại với những sự quái gở, anh phá vỡ bí mật thì tôi lại còn thưởng anh một khoản tiền gấp đôi lương nữa có nghĩa là 4,8 triệu curon. Chúng ta hãy rộng rãi, thôi thì cứ cho nó tròn là 5 triệu nhĩ!

Vanger ngả người lại đằng sau, gật gù.

- Anh muốn tài khoản ở ngân hàng nào, chúng tôi sẽ rút tiền vào đó, bất kỳ ở đâu trên thế giới. Anh cũng có thể lấy ngay tiền mặt để ở trong một vali, như vậy anh muốn khai báo thu nhập với thuế vụ hay không thì đó là do anh quyết định.

- Như thế... không lành mạnh, - Blomkvist lắp bắp.

- Tại sao thế? – Vanger bình thản nói. – Tôi đã tám mươi hai và vẫn còn nguyên vẹn mọi khả năng. Tôi có một gia sản cá nhân lớn; tôi có thể chi tiêu nó như thế nào tùy tôi. Tôi không có con và tuyệt đối không có ham muốn để lại bất cứ một đồng nào cho họ hàng mà tôi ghét bỏ. Tôi đã làm di chúc cùng ý nguyện cuối cùng của tôi; Tôi sẽ chuyển phần lớn tài sản của tôi cho Quỹ Động vật hoang dã Thế giới. Một ít người gần gũi với tôi sẽ nhận một khoản tiền có ý nghĩa - kể cả Anna.

Blomkvist lắc đầu.

- Hãy cố hiểu tôi, - Vanger nói. – Tôi là một người chẳng chóng thì chầy sẽ chết. Có một điều ở trên thế giới này mà tôi muốn có – đó là câu trả lời cho cái câu hỏi nó từng dày vò hết nửa cuộc đời tôi. Tôi không mong tìm câu trả lời nhưng tôi có nguồn lực để làm một toan tính cuối cùng. Cái đó có không hợp lý không? Tôi nợ Harriet cái đó. Và tôi nợ cả cái đó với chính bản thân tôi.

- Ông trả cho tôi nhiều triệu curon để chả được gì cả. Tất cả những gì tôi cần là ký vào bản hợp đồng rồi đan chéo hai ngón tay cái lại trong một năm trời.

- Anh sẽ không làm thế. Trái lại – anh sẽ làm hăng hơn như chưa hề hăng như thế trong đời anh.

- Sao ông có thể cả quyết thế?

- Vì tôi có thể cho anh một cái mà anh không thể mua được bằng bất cứ giá nào mà anh lại muốn nó hơn bất cứ thứ gì trên thế giới này.

- Nó là cái gì vậy?

Mắt Vanger nheo nhỏ lại.

- Tôi có thể cho anh Hans-Erik Wennerstrom. Tôi có thể chứng minh hắn là một tên lừa bịp. Ba mươi năm trước, hắn tình cờ bắt đầu sự nghiệp cùng với tôi, và tôi có thể cho anh cái đầu hắn để ở trên đĩa. Giải được bí mật là anh có thể xoay thất bại của anh ở tòa án ra thành câu chuyện của năm đấy.

## Chương 7

### Thứ sáu, ngày 3 tháng Giêng

Đặt tách cà phê xuống bàn, Erika đến bên cửa sổ nhìn ra cảnh quan Gamla Stan. 9 giờ sáng. Trận mưa ngày Năm mới đã rửa sạch hết tuyết trên đường phố.

- Em luôn yêu cảnh này, - cô nói, - Một căn hộ như thế này sẽ làm cho em thôi muốn sống ở Saltsjobaden mất.

- Em đã có chìa khóa đấy. Bất cứ khi nào em muốn, em đều có thể rời cái khu thượng lưu của em đến đây, - Blomkvist nói. Anh đóng vali lại và đặt nó ở bên cửa ra vào.

Berger quay lại nhìn anh, vẻ không tin.

- Anh không nghiêm chỉnh được, Blomkvist, - cô nói. - Chúng ta đang ở trong cơn khủng hoảng tồi tệ nhất thì anh khăn gói đi để lên sống tận Tjottahejti.

- Ở Hedestad thôi. Hai giờ đồng hồ đi tàu. Và đâu phải là mãi mãi.

- Đấy thì có lẽ cũng giống như Ulan Bator. Anh không thấy đi như thế nom sẽ như là anh kẹp đuôi vào hai cẳng mà lĩnh mất hay sao?

- Đúng là anh đang như thế thật. Ngoài ra anh còn phải làm vài tháng tù nữa.

Christer Malm ngồi trên sofa. Anh không thoải mái. Đây là lần đầu tiên từ ngày họ lập ra *Millennium* anh thấy Berger và Blomkvist bất đồng như thế này. Những năm tháng qua, họ từng không rời nổi nhau. Đôi khi cũng có xung đột dữ dội nhưng cãi cọ luôn luôn là về chuyện làm ăn và họ sẽ y xì lại giải quyết mọi chuyện trước khi ôm lấy nhau rồi đầu lại về góc đấy. Hay là về trên giường. Mùa thu vừa rồi vui nhộn là thế mà bây giờ giữa hai người cứ như vừa mới mở ra một cái vịnh vậy. Malm nghĩ liệu anh có đang nhìn thấy *Millennium* bắt đầu kết thúc đấy không.

- Anh chỉ còn có cách ấy, - Blomkvist nói. - Chúng ta chỉ còn cách ấy.

Anh rót cho mình một tách cà phê rồi ngồi ở bàn bếp. Berger lắc đầu và đến ngồi xuống trước mặt anh.

- Christer, anh nghĩ sao? - cô nói.

Christer đang chờ câu hỏi này và anh sợ cái lúc anh phải có một lập trường. Anh là đối tác thứ ba nhưng họ đều hiểu *Millennium* là Berger và Blomkvist. Lần duy nhất họ hỏi ý anh là khi họ không nhất trí.

- Thật thà mà nói, - Malm nói, - hai người đều biết tôi nghĩ thế nào là không quan trọng.

Anh im ngay. Anh yêu vẽ tranh. Anh thích làm đồ họa. Anh không bao giờ coi mình là một nghệ sĩ nhưng anh biết anh là một tay thiết kế ra trò. Nhưng anh lại kém cỏi trong mưu lược và quyết định chính sách.

Berger và Blomkvist nhìn nhau qua bàn. Cô lạnh lùng và hung dữ. Anh thì đang nghĩ lung.

Đây không phải là cãi nhau mà là một cuộc li hôn, Malm nghĩ.

- Thôi được, để tôi trình bày trường hợp của tôi lần cuối cùng- Blomkvist nói. Thế này *không* có nghĩa là tôi bỏ *Millennium*. Chúng ta đã dành quá nhiều thời gian và làm hết tâm huyết để cho nó ra đời rồi.

- Nhưng nay anh sẽ không ở cái tạp chí này nữa, Christer và tôi sẽ phải thõ cái gánh nặng này. Anh không thấy được điều ấy sao? Anh là người tự dẫn mình vào chỗ bắt mình lưu đây.

- Đây là việc thứ hai. Tôi cần một quãng nghỉ, Erika. Tôi chả còn một vị trí nào ở đây. Tôi đã cạn sạch năng lượng rồi. Có lẽ một đợt nghỉ và ăn lương ở Hedestad là cái tôi thật sự đang cần.

- Toàn bộ câu chuyện này là ngu xuẩn, Mikael. Chả khác gì anh nhận việc ở một rạp xiếc.

- Tôi biết. Nhưng nhờ ngồi ở ghế hậu trong một năm và sẽ không phí phạm thời gian ấy mà tôi sắp được hai triệu tư đây. Đó là việc thứ ba. Hiệp một với Wennerstrom kết thúc và hấn đo ván tôi. Hiệp hai đã bắt đầu - hấn đang cố cho *Millennium* đắm tàu vĩnh viễn vì hấn biết chừng nào mà tờ báo còn tồn tại thì ban biên tập đây còn biết hấn đã làm những trò gì.

- Tôi biết hấn đang làm gì chứ. Tôi thấy cái đó ở trong doanh số quảng cáo hàng tháng trong sáu tháng vừa qua.

- Đúng là vì thế mà tôi cần đi khỏi đây. Tôi như mảnh vải đỏ phất ở trước mặt hấn. Chừng nào dính đến tôi thì hấn sẽ còn cứ đến. Bây giờ chúng ta cần chuẩn bị cho hiệp ba. Để có một cơ may nhỏ nhất chống lại Wennerstrom, chúng ta cần lui quân và đưa ra một chiến lược mới hoàn toàn. Chúng ta phải tìm ra một cái gì đó bắt hấn lao đao khốn đốn. Đó là việc tôi làm trong năm nay.

- Tôi biết tất cả những cái đó, - Berger nói. - Vậy hãy cứ đi tới và nghỉ một chuyến. Ra nước ngoài, nằm cả tháng ở bãi biển. Tìm hiểu đời sống yêu đương ở Costa Brava ấy. Thư giãn. Ra Sandhamn mà nhìn sóng.

- Và khi tôi quay về thì sẽ chả có gì khác cả. Wennerstrom sẽ nghiền nát *Millennium* trừ khi hấn đã nguôi cơn do tôi đã bị hạ đài. Hai người biết như thế mà. Mặt khác việc duy nhất có thể chặn hấn lại là chúng ta vớ được một cái gì đó về hấn.

- Và anh nghĩ anh sẽ tìm thấy cái đó ở Hedstad?

- Tôi đang soát lại những bài báo cắt dán, Wennerstrom làm việc ở công ty Vanger từ 1969 đến 1972. Hấn làm quản lý và chịu trách nhiệm về các đầu tư chiến lược. Hấn bỏ đi gấp. Tại sao chúng ta loại bỏ khả năng Vanger đã làm điều gì đó với hấn?

- Nhưng nếu điều hấn làm xảy ra đã từ ba chục năm trước thì nay chứng minh cái đó là gay đây.

- Vanger hứa là sẽ trình bày đến chi tiết cái điều mà ông ta biết. Ông ta bị ám ảnh chuyện đứa cháu gái mất tích – có vẻ đó là chuyện ông ta quan tâm nhất và nếu như thế có nghĩa là ông ta phải cho Wennerstrom tong thì tôi nghĩ có cơ may là ông ta sẽ làm việc đó. Chắc chắn chúng ta không thể lờ đi cơ hội này – ông ta là người đầu tiên nói muốn tiếp tục ghi bằng chứng chống lại Wennerstrom.

- Chúng ta không thể dùng cái đó ngay cả khi anh quay về với bằng chứng rõ ràng mười mười là Wennerstrom đã bóp cổ cô bé. Sau quá nhiều năm tháng, chuyện đó là không được. Hắn sẽ tàn diệt chúng ta ở tòa án mất.

- Tôi mới thoáng nghĩ ra thế này nhưng không hay; khi cô bé mất tích hắn đang “gạo” ở trường kinh tế Stockholm, không có quan hệ với công ty Vanger, - Blomkvist ngừng lại, - Erika, anh không bỏ *Millennium*, nhưng quan trọng cho nó nếu như em coi việc anh bỏ nó là cần. Em và Christer cần tiếp tục cai quản tờ tạp chí. Nếu em có thể... nếu em có cơ hội... dàn xếp một cuộc ngừng chiến với Wennerstrom thì em hãy cứ làm đi. Nếu anh vẫn còn ở trong ban biên tập tạp chí thì em không thể làm được việc đó.

- OK, nhưng tình huống này thật nhố nhăng và em nghĩ anh đi đến Hedestad là anh bám vào cọng rơm đấy.

- Em có ý nào hay hơn không?

Berger nhún vai.

- Chúng ta cần sẵn các nguồn tin ngay từ bây giờ. Dựng câu chuyện lên từ đầu. Và lần này làm gấp lẹ.

- Erika – câu chuyện ấy đã chết hẳn rồi mà.

Ngán ngẩm, Erika gục đầu xuống hai bàn tay. Khi lên tiếng, thoát đầu cô còn tránh nhìn vào mắt Blomkvist.

- Em giận anh. Không phải vì bài báo anh viết không có cơ sở - em cũng có phần ở trong đó nhiều như anh thôi. Và cũng không phải anh bỏ công việc chủ bút của anh – trong tình thế này đó là một quyết định đúng. Em có thể theo cùng, làm cho nó nom có vẻ như là giữa anh và em có sự chia rẽ hay tranh giành quyền lực vậy – em càng phải hiểu một cách lô gíc rằng chuyện này cốt làm cho Wennerstrom tin rằng em là một ả khoe mẽ vô tích sự, còn anh thì là mối đe dọa thực thụ, - Cô ngừng lại và cả quyết nhìn vào mắt anh. – Nhưng em nghĩ anh đang phạm sai lầm. Wennerstrom sẽ không đổ vì chuyện đó đâu. Hắn vẫn tiếp tục phá *Millennium*. Chỗ khác duy nhất là từ hôm nay trở đi em sẽ đơn độc tay bo với hắn và anh biết là hiện ban biên tập đang cần đến anh hơn bao giờ hết. OK, em sẽ khai chiến chống lại Wennerstrom nhưng điều làm em nổi điên lên chính là việc anh đột nhiên rời bỏ đồng đội. Anh bỏ em đi giữa cơn nghiêng ngả khi mọi sự đang tồi tệ nhất.

Blomkvist vươn tay sang vuốt tóc cô.

- Em không đơn độc. Em có Christer và anh em trong ban biên tập.

- Nhưng Janne Dahlman thì không. Nhân đây em nghĩ anh đã sai khi mượn anh ta. Anh ta có tài nhưng anh ta gây khó khăn hơn là làm lợi. Suốt mùa thu anh ta lượn quanh khoái trá nhìn vào các rắc rối của anh. Em không biết có phải anh ta hy vọng nhận lấy vai trò của anh hay chỉ

là trò cá nhân kị nhau giữa anh ta và anh cũng như anh chị em còn lại của ban biên tập.

- Anh e là em đúng, - Blomkvist nói.

- Vậy em nên thế nào? Tổng anh ta đi?

- Erika, em là Tổng biên tập và là cổ đông chính của *Millennium* mà. Cần thì em cứ tổng anh ta đi.

- Chúng ta chưa sa thải ai, Mikael. Bây giờ anh cũng lại chụp cái quyết định ấy lên em. Sáng đến tòa soạn không còn có gì vui.

Lúc ấy Malm đứng lên làm cho hai người ngạc nhiên.

- Nếu anh bắt chuyến tàu ấy thì chúng ta phải đi thôi, - Berger bắt đầu phản đối nhưng anh giơ tay lên. - Khoan, Erika, cô hỏi tôi nghĩ thế nào. Được, tôi nghĩ đến nước này là tồ tề lắm rồi. Nhưng sự tình mà như cách Blomkvist nói - rằng cậu ấy suýt vấp tường - thì đúng anh ấy cần phải bỏ đi vì an toàn của cậu ấy thật. Chúng ta nợ cậu ấy nhiều.

Họ sững sốt nhìn Malm còn anh thì ngượng ngịu nhìn Blomkvist.

- Cả hai người đều biết *Millennium* là của hai người. Tờ là một đối tác và các cậu luôn tử tế với tờ, mà tờ thì yêu tạp chí này, các cậu có thể dễ dàng thay tờ bằng một giám đốc mỹ thuật nào đó khác. Các cậu đã hỏi ý kiến tờ thì đây Erika, ý kiến của tờ đây. Liên quan đến Dahlman như hiện nay thì tờ tán thành với các cậu. Còn nếu cậu, Erika, muốn sa thải anh ta thì tờ làm hộ cho cậu. Chừng nào chúng ta có một lý do có thể tin được. Rõ ràng là Mikael bỏ đi ngay vào lúc này là cực kỳ không may nhưng tờ nghĩ chúng ta chả còn lựa chọn nào khác. Mikael, tờ lái xe cho cậu ra ga. Erika và tờ sẽ cố thủ pháo đài cho đến khi cậu trở lại.

- Điều mà tôi sợ là Mikael sẽ chẳng trở về. - Berger bình thản nói.

Armansky đánh thức Salander khi ông gọi cô vào khoảng 1 giờ 30 phút chiều.

- Chuyện gì vậy ông? - Cô nói, còn ngái ngủ. Miệng cô như có vị hắc ín.

- Mikael Blomkvist. Tôi vừa nói chuyện với thân chủ của chúng ta, luật sư Frode.

- Vậy ư?

- Ông ta gọi để nói là chúng ta có thể cho buông việc điều tra Wennerstrom.

- Buông? Nhưng chúng ta vừa mới bắt tay làm.

- Frode không còn thích thú nữa.

- Thật à?

- Ông ta là người quyết định mà.

- Chúng ta đã thỏa thuận về tiền công.

- Cô đã bỏ vào đó bao nhiêu thời gian?

Salander nghĩ.

- Tròn ba ngày.

- Chúng ta đã thỏa thuận giá trần là bốn chục nghìn curon. Tôi sẽ viết một hóa đơn mười nghìn; cô sẽ được một nửa, công ba ngày bỏ ra mà như thế là có thể nhận được. Ông ta sẽ phải trả vì ông ta là người khởi xướng lên tất cả câu chuyện.

- Những cái tôi thu nhặt được thì nên thế nào đây?

- Có cái gì quan trọng không?

- Không.

- Frode không đòi có báo cáo. Cứ cất vào giá sách, phòng trường hợp ông ta quay lại. Không thì có thể xé vụn nó đi. Tuần sau tôi có một việc mới cho cô.

Armansky đặt máy, Salander còn ngồi một lúc, điện thoại trong tay. Cô đi đến góc làm việc ở phòng khách, nhìn lên những ghi chú cô ghim lên tường và các tờ báo cô vất đồng lên bàn làm việc. Phần lớn những cái cô thu lượm được là các cắt dán báo chí và bài báo tải từ Internet xuống. Cô cầm các tờ báo lên ném chúng vào trong một ngăn kéo bàn. Cô cau mày. Ứng xử lạ lùng của Blomkvist ở tòa đã cho ra một thách thức thú vị còn Salander thì không thích bỏ một công việc mà cô đã bắt đầu. *Người ta ai cũng có bí mật. Chỉ là vấn đề để tìm xem chúng là gì mà thôi.*

# PHẦN 2

## HẬU QUẢ

3 tháng giêng - 17 tháng ba

*Bốn mươi sáu phần trăm phụ nữ ở Thụy Điển đã từng bị đàn ông bạo hành*

## Chương 8

Thứ sáu, 3 tháng Giêng

Chủ nhật, 5 tháng Giêng

Khi Blomkvist từ trên tàu đặt chân xuống Hedestad lần thứ hai, trời có màu xanh lơ của phần màu và không khí băng giá. Nhiệt kế trên tường nhà ga chỉ 0 độ F. Đôi giày anh đi không hợp với thời tiết này. Không giống như lần trước, ông Frode không đón với một chiếc xe ấm áp. Blomkvist chỉ bảo họ ngày anh đến mà không báo chuyển tàu nào. Anh ngỡ có xe buýt đi Hedeby nhưng anh không thích vật lộn với hai chiếc va li nặng trĩu và cái ba lô nên anh băng qua quảng trường đến chỗ taxi đỗ.

Giữa Noel và dịp Năm Mới, tuyết rơi dày suốt dọc bờ biển Norrland, nhìn những luống tuyết, đồng tuyết bị xe xúc ủi có thể thấy các đội cầu đường ở Hedestad đã được huy động hết công suất. Người lái taxi, theo thẻ căn cước cài trên cửa xe, tên là Hussein, gạt đầu khi Blomkvist hỏi có phải họ đã gặp phải thời tiết khắc nghiệt không. Giọng sắc Norrland, anh ta bảo rằng đây là trận bão tuyết tệ hại nhất trong nhiều chục năm qua, rồi anh ta tiếc là đã không đi Hy Lạp trong kỳ nghỉ Noel.

Blomkvist chỉ lối cho anh tài đến cái sân vườn mới xới của nhà Henrik Vanger, anh nhắc va li đặt lên lớp sỏi, nhìn theo chiếc taxi cho tới khi nó quay đầu về phía Hedestad. Chợt anh thấy cô đơn và thấp thỏm.

Anh nghe thấy tiếng cửa mở ở đằng sau anh. Vanger quấn kín trong một chiếc khăn quàng lông dày cộp, ủng to đùng và mũ mỏ vịt che tai. Blomkvist thì quần jean và áo jacket da mỏng.

-Nếu vào thời kỳ này trong năm mà định sống ở đây thì anh phải biết ăn mặc cho ấm hơn. - Họ bắt tay nhau - Chắc chắn là anh không thích ở toà nhà này chứ? Phải không? Trước hết hãy để cho anh sắp xếp chỗ sinh hoạt tạm thời của anh.

Một trong những điều kiện trong thương lượng của anh với Vanger và Dirch Frode là anh có khu sinh hoạt riêng và đi đi về về tùy ý. Vanger dắt Blomkvist quay lại dọc con đường đi đến cây cầu rồi rẽ để mở cái cổng vào một sân vườn khác mới được cuốc xới ở đằng trước một căn nhà gỗ nhỏ gần với đầu cuối của cây cầu. Căn nhà không khoá. Họ bước vào một hành lang đơn sơ và Blomkvist thở dài nhẹ nhõm đặt hai va li xuống.

-Chúng tôi gọi đây là nhà khách. Chúng tôi thường vẫn để dành cho những người sẽ lưu lại trong một thời gian dài ở đây. Đây là nơi bố mẹ anh đã sống hồi 1963. Nó là một trong những ngôi nhà lâu đời nhất trong làng này nhưng đã được hiện đại hoá. Tôi đã nhờ Nilsson, người quản gia đốt lò sáng nay.

Căn nhà gồm có một bếp lớn và hai phòng nhỏ hơn, tổng cộng chừng trăm bảy chục mét vuông. Gian bếp chiếm nửa không gian và khá hiện đại, với một lò điện và một tủ lạnh nhỏ. Dựa vào tường, đối lại với cửa ra vào là một lò gang cổ đã được đốt lửa từ sáng sớm hôm nay.

-Anh không cần đốt củi trong lò trừ khi nào quá rét. Kho củi ở trong hành lang còn lán để

củi có thể tìm thấy ở sau nhà. Căn nhà đã được sửa mùa thu này. Các lò điện thông thường đều đủ chạy. Hãy cẩn thận đừng treo bất cứ quần áo nào trên lò ấy, kéo có thể bốc cháy.

Blomkvist nhìn quanh. Các cửa sổ quay ra ba hướng khác nhau, từ bàn bếp anh có thể nhìn thấy cây cầu, cách xa chừng bảy tám chục mét. Đồ đạc trong bếp, gồm ba tủ li, vài chiếc ghế, một ghế dài cũ và một giá để báo. Trên cùng là tờ *See* từ 1967. Ở một góc là chiếc bàn nhỏ có thể dùng làm bàn giấy.

Hai cửa hẹp dẫn đến hai buồng nhỏ hơn. Một ở bên phải, gần với bức tường ở bên ngoài nhất, không hơn một chốn nấu núp mấy tí với một bàn giấy, một ghế tựa và vài cái giá dọc tường. Buồng kia, ở giữa hành lang và một phòng làm việc nhỏ là một phòng ngủ bé với một chiếc giường đôi hẹp, có một cái bàn kê ở đầu giường và một tủ quần áo. Các bức tranh phong cảnh treo ở trên tường. Đồ đạc và giấy dán tường đều đã cũ và phai màu, nhưng gian phòng nói chung thơm, sạch. Ai đó đã cọ rửa sàn nhà bằng xà phòng. Buồng ngủ lại có một cửa khác ra hành lang, ở đây một nhà kho đã được chuyển thành một buồng tắm có vòi hoa sen.

-Anh có thể bị rắc rối về nước nôi, - Vanger nói, - Chúng tôi đã kiểm tra nước sáng nay nhưng các ống dẫn đều chôn quá sâu nên nếu trời còn rét thì nước có thể bị đóng băng. Trong hành lang có một cái xô để nếu cần anh có thể lấy nước ở chỗ chúng tôi.

-Tôi cần một cái điện thoại. - Blomkvist nói.

-Tôi đã đặt mua một cái. Ngày kia họ sẽ đến lắp. Nào, anh nghĩ sao? Nếu anh đổi ý anh sẽ được hoan nghênh ở toà nhà chính bất cứ lúc nào.

-Thế thì sẽ rất là hay, - Blomkvist nói.

-Tuyệt vời. Trời còn sáng khoảng một tiếng nữa. Chúng ta có đi bộ một lát để anh có thể làm quen với ngôi làng không? Tôi có thể gợi ý anh đi bít tất dày và bốt không? Anh có thể thấy chúng ở cửa ra vào. - Blomkvist theo lời gợi ý và quyết định ngày mai anh sẽ đi mua quần áo lót dài và một đôi giày mùa đông tử tế.

Ông già mở đầu cuộc đi bằng giới thiệu rằng hàng xóm bên kia đường của Blomkvist là Gunnar Nilsson, người giúp việc mà Vanger gọi là "quản gia". Nhưng Blomkvist sớm nhận ra không chỉ thế, ông ta còn là người quản lý đối với tất cả các toà nhà ở đảo Hedeby và ông ta cũng chịu trách nhiệm đối với nhiều toà nhà ở Hedestad.

-Bố ông ta là Magnus Nilsson, những năm 60 ông ấy là quản gia cho tôi, một trong những người từng giúp giải quyết tai nạn trên cầu. Magnus về hưu và đến sống ở đây. Gunnar sống với vợ tên là Helena. Các con của họ đã đi khỏi đây cả.

Vanger ngừng lại một lát để sắp xếp các điều ông sắp nói:

-Mikael, tôi giải thích chính thức việc anh có mặt ở đây là để giúp tôi viết tự truyện. Như thế sẽ cho anh có cơ dò quanh vào trong những góc tối tăm và đặt các câu hỏi. Còn cái việc đích thực mà tôi nhờ anh thì giữ ngất ở giữa anh, tôi và Dirch Frode.

-Tôi hiểu. Và tôi nhắc lại điều tôi đã nói trước đây: tôi không nghĩ là sẽ tìm ra được bí mật này.

-Chỉ cần anh cố hết sức. Nhưng chúng ta cần cẩn thận khi nói trước bất kỳ ai. Gunnar sáu

mười sáu, nghĩa là khi Harriet mất tích thì ông ta mười chín. Có một câu hỏi mà tôi không trả lời được bao giờ - Harriet và Gunnar là bạn tốt và tôi nghĩ đã có đôi chút lãng mạn gì đó giữa hai người. Gì thì gì anh ta cũng để mắt đến con bé. Nhưng cái ngày con bé mất tích, anh ta ở Hedestad; anh ta là một trong những người mắc kẹt bên đất liền. Vì quan hệ của hai người, anh ta đã bị theo dõi ngặt. Khá là không thú vị chút nào cho anh ta. Cả ngày anh ta ở với mấy người bạn và chỉ tối đến anh ta mới quay về đây. Cảnh sát kiểm tra và xác định anh ta có bằng chứng ngoại phạm.

-Tôi cho là ông có một danh sách của mọi người trên đảo và những việc họ làm hôm ấy.

-Đúng. Chúng ta tiếp tục chứ?

Họ dừng ở ngã tư trên đồi và Vanger chỉ xuống bến cá cũ nay là bến tàu.

-Tất cả đất đai trên đảo Hedeby là gia đình Vanger sở hữu - hay để cho chính xác hơn thì tôi quản lý. Trừ đất trang trại ở Ostergarden và một ít nhà ở trong làng đây. Các ngôi lều ở dưới bến cá kia là sở hữu tư nhân nhưng là những nhà nghỉ mùa hè, vào mùa đông phần lớn chúng trống không. Trừ cái nhà xa nhất ở đằng kia - anh có thể thấy khói bay từ ống khói ra.

Blomkvist trông thấy khói bốc lên. Anh lạnh buốt thấu xương.

-Đó là một nơi tồi tàn, gió lùa thảm hại quanh năm. Eugen Norman sống ở đó. Ông ta đã gần tám chục và là họa sĩ vẽ đủ thứ. Tôi nghĩ tác phẩm của ông ta là những trò hào nhoáng nhưng ông ta cũng được tiếng là họa sĩ phong cảnh. Anh có thể gọi ông ta là dị nhân bất đắc dĩ ở trong làng.

Vanger dắt Blomkvist đến tận nơi, nhận dạng lần lượt từng ngôi nhà. Ngôi làng có sáu toà nhà to ở về phía tây của con đường và bốn nhà ở phía đông. Nhà đầu tiên, gần hơn cả với nhà khách của Blomkvist và cơ ngơi của Vanger, thuộc về Harald, anh của Henrik Vanger. Nó hình chữ nhật, hai tầng bằng đá, thoạt nhìn thấy ngay là không có người ở. Rèm rủ, con đường đến cửa chính không được quét dọn; tuyết phủ dày đến mười lăm, hai mươi centimét. Nhìn kỹ thêm họ có thể thấy các vết chân của một ai đó sục vào tuyết từ ngoài đường lên đến cửa.

-Harald là một người ở ẩn. Hai anh em tôi không bao giờ nhìn vào mắt nhau. Ngoài các bất đồng về làm ăn không kể - Harald là một cổ đông - trong gần 60 năm qua chúng tôi ít khi nói chuyện với nhau. Năm nay ông anh tôi chín hai, người duy nhất còn sống trong bốn ông anh của tôi. Tôi sẽ nói với anh các chi tiết sau nhưng anh ấy đã được học để làm bác sĩ, phần lớn thời gian anh tôi làm việc ở Uppsala. Từ bảy mươi tuổi anh ấy quay về Hedeby.

-Là hàng xóm của nhau mà các ông không quan tâm đến nhau.

-Tôi thấy anh ấy đáng ghét, thà anh ấy ở Uppsala lại hay nhưng anh ấy sở hữu ngôi nhà này. Tôi nói nghe có giống một người mang tâm địa độc ác không?

- Ông nói nghe như không yêu anh của mình lắm.

- Tôi đã bỏ hai mươi lăm năm đầu của đời tôi để xin lỗi cho những người như Harald vì chúng tôi cùng chung một gia đình. Rồi tôi phát hiện thấy dính dấp họ hàng không phải là bảo đảm của tình yêu và tôi thì có ít lý do để bảo vệ Harald.

Ngôi nhà kế theo của Isabella, mẹ của Harriet Vanger.

- Năm nay Isabella bảy lăm nhưng vẫn điệu dàng và vô dụng như muôn thuở là vậy. Isabella cũng là người duy nhất trong làng này trò chuyện với Harald và thỉnh thoảng thăm ông anh tôi nhưng họ chả giống nhau gì mấy.

- Quan hệ của bà ấy với Harriet ra sao?

-Câu hỏi hay đấy. Phụ nữ là cần đưa vào đám nghi can. Tôi đã bảo anh là Isabella vất con cái cho chúng tự xoay sở lấy rồi mà. Tôi không dám chắc nhưng tôi nghĩ lòng dạ bà ấy cũng tử tế, có điều là Isabella không thể gánh trách nhiệm. Hai mẹ con không bao giờ thân nhau nhưng cũng không phải là kẻ thù của nhau. Isabella có thể rắn nhưng đôi khi bà ấy không ở đấy hẳn. Anh sẽ hiểu ý tôi khi anh gặp Isabella.

Hàng xóm của Isabella là Cecilia Vanger, con gái của Harald.

-Cecilia này từng kết hôn và sống ở Hedestad nhưng hai chục năm trước hai vợ chồng đã li thân. Có ngôi nhà, tôi để cho cháu dọn đến. Nó là cô giáo, thẳng thừng đối chọi lại bố nó ở nhiều mặt. Hai bố con nhà này chỉ nói với nhau khi cần thiết.

-Chị ấy bao nhiêu tuổi?

-Sinh năm 1946. Vậy là hai mươi khi Harriet mất tích. Ừ đúng, con bé là một trong những khách khứa trên đảo ngày hôm ấy. Nom có vẻ lơ ma lơ mơ nhưng Cecilia là tinh khôn hơn phần lớn. Chớ đánh giá thấp nó. Nếu có ai lùng ra được anh đến đây để làm gì thì nó là một trong số họ đấy. Tôi cần nói thêm là trong họ hàng, tôi trọng nó nhất.

-Như thế có nghĩa là ông không nghi chị ấy?

-Tôi không nói thế. Tôi muốn anh suy nghĩ vấn đề mà không bị một cưỡng ép nào, bất chấp tôi nghĩ hay tôi tin ra sao.

Ngôi nhà gần với Cecilia nhất cũng là Henrik Vanger sở hữu nhưng một đôi vợ chồng già trước đây có chân trong kíp điều hành các công ty Vanger hiện đang thuê ở. Họ chuyển đến đảo Hedeby vào những năm 80 nên không liên quan đến việc Harriet mất tích. Nhà tiếp theo nữa là thuộc sở hữu của Birger Vanger, anh trai Cecilia. Ngôi nhà để không nhiều năm từ ngày Birger dọn đến một ngôi nhà hiện đại ở Hedestad.

Phần lớn các ngôi nhà dọc đường là những cấu trúc bằng đá vững chắc làm từ đầu thế kỷ hai mươi. Ngôi nhà cuối cùng là một kiểu khác, một ngôi nhà hiện đại do kiến trúc sư thiết kế, gạch trắng với các khung cửa sổ màu đen. Nó ở một địa thế hẹp, từ trên tầng thượng, Blomkvist có thể thấy nó nhìn ra với biển ở phía đông và Hedestad ở phía tây, một cảnh quan tuyệt vời.

-Martin - anh của Harriet và CEO của tập đoàn Vanger - sống ở đây. Đây từng là nhà của một mục sư, nhưng những năm 70 có một trận hỏa hoạn, nên nó đã bị phá hủy, năm 1978, khi làm CEO của công ty, Martin đã xây ngôi nhà này.

Gerda Vanger, vợ góa của Greger, anh của Henrik, và con trai Alexander sống ở ngôi nhà cuối cùng về phía đông của con đường.

-Gerda hay đau ốm. Chị ấy bị thấp khớp. Alexander sở hữu một phần nhỏ của Tập đoàn Vanger nhưng nó trông nom một số doanh nghiệp của riêng nó gồm có các nhà ăn. Alexander

thường mỗi năm lại đến Barbados ở vài ba tháng, nó đã đầu tư một khoản tiền lớn vào du lịch.

Ở giữa nhà của Gerda và Henrik là một tràn đất với hai toà nhà nhỏ hơn, để không. Chúng thường được dùng làm nhà khách cho mọi người trong gia đình. Ở phía bên kia của nhà Henrik là một cơ ngơi tư nhân, một nhân viên làm thuê về hưu khác sống với vợ ở đó, nhưng vào mùa đông khi hai vợ chồng này tới Tây Ban Nha, nó để không.

Hai người quay về ngã tư và đến đây chấm hết chuyến đi dạo. Hoàng hôn bắt đầu buông. Blomkvist chủ động nói.

- Henrik, tôi sẽ làm cái việc mà tôi được mướn để làm. Tôi sẽ viết tự truyện của ông và tôi sẽ làm cho ông vui bằng việc đọc cẩn thận, đọc có phê phán tất cả các tài liệu về Harriet. Tôi chỉ mong ông hiểu cho rằng tôi không phải là một thám tử tư.

- Tôi chả mong đợi gì.

- Tốt.

- Tôi là một con cú đêm. - Vanger nói. - Sau bữa trưa tôi sẵn sàng "phục vụ" anh. Tôi sẽ thu xếp cho anh một văn phòng ở bên kia để cho anh có thể sử dụng nó bất cứ lúc nào mà anh thích.

- Không, cảm ơn. Tôi đã có chỗ làm việc ở nhà khách rồi, tôi sẽ làm công việc của tôi ở đấy.

- Tùy anh vậy.

- Nếu tôi cần chuyện trò với ông thì chúng ta sẽ làm việc đó ở văn phòng của ông nhưng đêm nay tôi chưa quăng các câu hỏi vào ông vội đâu.

- Tôi hiểu. - Ông già nom hình như có vẻ e dè.

- Đọc cho hết giấy tờ cũng phải mất một hai tuần. Chúng ta sẽ làm việc trên hai mặt trận. Hàng ngày chúng ta sẽ gặp nhau một ít giờ để tôi có thể hỏi ông và thu thập tư liệu để viết tự truyện của ông. Khi tôi bắt đầu có các câu hỏi về Harriet mà tôi cần thảo luận với ông, tôi sẽ xin báo ông biết.

- Nghe lọt đấy.

- Tôi sẽ cần rảnh tay để làm việc và tôi sẽ không đặt ra lịch liếc gì cả.

- Việc nên thế nào là tự anh quyết định.

- Tôi cho là ông đã biết tôi sẽ phải ngồi tù hai ba tháng. Tôi không biết chính xác là khi nào nhưng chắc chắn tôi sẽ không kháng án. Chắc sẽ là một lúc nào đó trong năm nay thôi.

Vanger nhả mặt.

- Thật không may. Khi nào chuyện này đến, chúng ta sẽ phải giải quyết. Anh có thể xin hoãn hạn cơ mà.

- Nếu được phép và tôi có đủ tư liệu, tôi sẽ viết quyển sách của ông ở trong tù. Một điều nữa: tôi vẫn là chủ đồng sở hữu của tờ *Millennium* và hiện nó là một tạp chí đang gặp hạn. Nếu có chuyện gì đó xảy ra mà cần tôi ở Stockholm, tôi sẽ phải vất đi cái việc tôi đang làm để đến đó.

- Tôi không muốn anh làm cu ly. Tôi muốn anh làm chu đáo cái nhiệm vụ tôi giao cho anh nhưng dĩ nhiên anh có thể lập ra kế hoạch của anh và làm việc như anh thấy là thích hợp. Nếu cần nghỉ một thời gian, anh cứ tự do nghỉ nhưng nếu tôi phát hiện anh không làm việc thì tôi sẽ coi đó là phá vỡ hợp đồng.

Vanger nhìn sang bên kia cây cầu. Trông ông gầy còm và Blomkvist nghĩ lúc này ông giống như con bù nhìn u hoài.

- Còn liên quan đến *Millennium* thì chúng ta nên bàn xem cái khó khăn mà nó đang trải qua kia là thuộc loại gì và liệu tôi có thể giúp được như thế nào đó không.

- Cái ông giúp tôi tốt nhất là cho tôi cái đầu của Wennerstrom để sẵn ở trên đĩa ngay vào lúc này và ngay ở đây.

- Ồ không, tôi không nghĩ làm chuyện đó bây giờ. - Ông già nghiêm nghị nhìn Blomkvist - Lý do duy nhất để anh nhận việc này là vì tôi hứa "xì" Wennerstrom ra. Nếu tôi cho anh thông tin bây giờ thì anh sẽ có thể ngừng việc bất cứ lúc nào anh thích. Tôi sẽ cho anh thông tin này sau một năm.

- Henrik, tôi xin lỗi đã nói như thế nhưng tôi không chắc một năm nữa ông vẫn còn sống.

Vanger thở dài, tư lự nhìn sang đằng cảng cá.

- Thôi được. Tôi sẽ nói với Frode để xem chúng tôi có thể xoay ra được một cái gì không. Nhưng hể còn liên quan đến *Millennium*, tôi đều có thể giúp bằng một cách nào đấy. Như tôi hiểu thì các khách hàng đăng quảng cáo đang rút dần.

- Đây là vấn đề tức thời nhưng cuộc khủng hoảng đang diễn ra còn sâu sắc hơn thế nữa. Nó là vấn đề uy tín. Chúng tôi có bao nhiêu đối tác đăng quảng cáo, với chúng tôi cái ấy không quan trọng bằng không có ai mua tạp chí.

- Tôi hiểu điều đó. Tôi đang còn ở trong ban giám đốc của một tập đoàn khá lớn, tuy vai trò có bị động. Chúng tôi cần đăng quảng cáo ở đâu đó. Để chúng tôi bàn vấn đề này ở một cấp nào đó xem. Anh có muốn ăn tối...

- Không, tôi muốn sắp xếp ổn định, mua một ít đồ lặt vặt và ngó quanh. Ngày mai tôi sẽ đi Hedestad mua quần áo rét.

- Ý hay đấy.

- Tôi muốn các hồ sơ về Harriet được chuyển đến chỗ tôi.

- Chúng cần phải được giữ...

- Hết sức cẩn thận, tôi hiểu.

Blomkvist quay về nhà khách. Lúc vào nhà, răng anh va lập cập. Nhiệt kế bên ngoài cửa sổ chỉ 5 độ F, sau cuộc đi bộ kéo dài chỉ có ba mươi phút vừa rồi, anh không thể nhớ ra là đã từng có phen nào bị lạnh như thế này.

Anh bỏ một giờ thu xếp cho mình ở trong cái mà năm tới đây sẽ là ngôi nhà của anh. Anh xếp quần áo vào tủ quần áo ở trong buồng ngủ rồi đến buồng tắm. Chiếc vali thứ hai của anh thật sự là một cái hòm có bánh xe. Anh lấy ở đó ra nào là sách, đĩa CD, máy nghe nhạc, sổ tay, máy ghi âm Sanyo, một máy quét hình Microtek, một máy in phun mực, một máy ảnh số Minolta và một số thứ khác anh coi là đồ lễ cần thiết cho một năm "lưu vong".

Anh đặt sách và đĩa CD lên trên giá ở trong phòng làm việc cùng với hai cặp bìa đựng tài liệu nghiên cứu về Hans-Erik Wennerstrom. Tài liệu này vô dụng nhưng anh không thể buông nó. Muốn thế nào thì vì sự nghiệp còn đang tiếp tục của anh, anh cũng phải cho hai tập hồ sơ ấy quay vào các toà cao ốc.

Cuối cùng anh mở cái ba lô ra, lấy iBook để lên bàn làm việc. Rồi anh dừng lại bối rối nhìn quanh. Những cái lợi của việc sống ở đồng quê đây. Không có chỗ cắm cáp băng thông rộng. Không có cả giắc điện thoại để nối mạng qua một modem dial-up đã cũ.

Blomkvist gọi công ty điện thoại Telia bằng điện thoại di động. Sau ít tiếng lọc sọc ọ ẹ anh đã gọi được một ai đó để tìm lệnh mua sắm đồ đạc mà Vanger đã đặt cho nhà khách. Anh muốn biết là đã kết nối được băng thông rộng ADSL chưa, người ta bảo anh có thể kết nối bằng một rơ le ở Hedeby và như vậy thì sẽ mất vài ba ngày.

Lúc Blomkvist xong mọi thứ thì đã 4 giờ. Anh xỏ chân vào đôi tất dày, một đôi bốt mượn và chui đầu vào cái áo ấm ngoại cỡ. Anh đứng sững lại ở cửa ra vào: anh không có chìa khoá của nhà này, và cái thói quen của người thành thị ở anh, bèn nổi loạn với cái ý cứ để cửa không khoá. Anh lại vào trong bếp mở các ngăn kéo. Cuối cùng anh tìm được một chiếc chìa treo ở một cái đinh trong tủ bát đĩa.

Nhiệt độ đã tụt xuống âm 1 độ F. Anh rảo chân qua cầu và đi lên đồi qua trước nhà thờ. Cửa hàng Khôngnsum ở chỗ tiện đường đi cách đó khoảng hơn hai mươi mét. Anh nhét đầy căng hai túi giấy các thứ cần dùng rồi mang về nhà trước khi quay lại qua cầu lần nữa. Lần này anh dừng lại ở quán *Cà phê & bánh đầu cầu Susanne*. Người phụ nữ đứng sau quầy chừng năm chục tuổi. Anh hỏi có phải chị ta là Susanne không rồi tự giới thiệu, nói chắc chắn mình sẽ là khách hàng đều đặn. Lúc này anh là khách hàng duy nhất, Susanne đem cho anh cà phê khi anh gọi bánh kẹp thịt và mua ổ bánh mì. Anh lấy một tờ *Hedestad Courier* ở trên giá báo, ngồi xuống bàn, trước mặt là cảnh cây cầu và nhà thờ mà giờ mặt tiền đã được thắp sáng. Trông nó như một bưu ảnh Noel. Anh đọc tờ báo mất bốn phút. Tin lý thú duy nhất là cái mẫu ngân ngùn giải thích việc một nhà chính trị sở tại với tên Birger Vanger (đảng Tự do) sắp đầu tư vào "IT TechCent" - một trung tâm phát triển công nghệ ở Hedestad. Blomkvist ngồi đó cho tới khi quán cà phê đóng cửa lúc 6 giờ.

7 giờ 30 phút, anh gọi Berger nhưng được bảo rằng người ở số này không gọi được. Anh ngồi lên chiếc ghế dài trong bếp, cố đọc một cuốn tiểu thuyết mà, theo như lời lẽ ở bìa sau thì là về sự khởi đầu đầy li kì của một thiếu nữ hoạt động bảo vệ nữ quyền. Cuốn tiểu thuyết đại khái nói về việc tác giả mưu tính làm chủ đời sống tình dục của bản thân trong chuyến đi đến Paris, Blomkvist thầm nghĩ nếu anh viết một cuốn tiểu thuyết về đời sống tình dục của anh bằng cái giọng của một sinh viên cao đẳng thì liệu anh có được gọi là nhà bảo vệ nữ quyền không. Chắc không. Anh mua cuốn này vì nhà xuất bản đã tặng bốc tiểu thuyết gia đầu tay này là "một Carina Rydberg[11] mới". Anh mau chóng xác nhận trường hợp đây không phải là thế, cả về văn phong lẫn nội dung. Anh bỏ quyển sách một lúc, thay vào đó đọc một truyện của Hopalong Cassidy ở trong một số *Rekôngrdmagazinet* từ giữa những năm 50.

Cứ nửa giờ đồng hồ một, anh lại nghe thấy tiếng rền ngán ngán, nghèn nghèn của chuông nhà thờ. Trông thấy ánh sáng bên trong cửa sổ nhà người quản gia bên kia đường nhưng Blomkvist không nhìn thấy ai ở trong nhà. Nhà Harald tối. Khoảng 9 giờ một chiếc xe chạy qua cầu và biến mất ở đầu làng. Vào nửa đêm, ánh sáng ở mặt tiền nhà thờ tắt. Đây rõ ràng là sự trọn vẹn của việc tiêu khiển vào một tối thứ Sáu đầu tháng Giêng tại Hedeby. Nó yên ắng lạ lùng.

Anh lại thử gọi Berger, nhận được lời nhắn hãy để lại tên và thông tin. Anh làm theo rồi tắt đèn và lên giường. Điều cuối cùng anh nghĩ trước khi ngủ thiếp đi là anh sắp đứng trước một nguy cơ cao phát điên hoá rồi vì bị cầm cố ở Hedeby.

Lạ lùng khi tỉnh giấc trong im lặng tuyệt đối. Trong một phần giây, đang ngủ say, Blomkvist chuyển sang tỉnh táo ngay lập tức và anh vẫn nằm yên nghe ngóng. Gian buồng lạnh. Anh quay đầu nhìn vào chiếc đồng hồ tay anh để ở trên một cái ghế bên đầu giường. 7 giờ 8 phút - anh không bao giờ là người dậy sớm lắm, với anh đã thành thói quen khi tỉnh dậy nếu không có ít nhất hai chiếc đồng hồ báo thức. Hôm nay anh hoàn toàn tự thức dậy và anh cảm thấy được nghỉ ngơi.

Anh lấy một ít nước để pha cà phê rồi đứng dưới vòi hoa sen. Anh thành linh thấy vui vui với tình cảnh của mình. *Kalle Blomkvist - trên một chuyến đi tìm kiếm vào tận đằng sau chốn đèo heo hút gió.*

Chỉ khẽ đụng vào, vòi hoa sen đã chuyển từ nóng bỏng sang lạnh buốt. Không có báo buổi sáng trên bàn bếp. Bơ đông cứng. Không có dao cắt pho mát trong ngăn kéo đồ dùng bếp núc. Bên ngoài vẫn tối như mực. Hàn thử biểu thị âm 6 độ. Hôm nay thứ Bảy.

Bến xe buýt đi Hedestad ở trên đường từ cửa hàng Khôngnsum và Blomkvist bắt đầu cuộc lưu đầy bằng việc mang theo kế hoạch mua sắm trong thị trấn. Anh xuống xe ở cạnh ga tàu, làm một vòng đi quanh thị trấn. Trên đường, anh mua đôi boots mùa đông dày nặng, hai bộ quần áo lót dài, vài chiếc sơ mi flanen, một cái jacket mùa đông dài đến ngang đùi, một mũ mớ vịt ấm và găng tay có lót. Ở cửa hàng điện tử, anh tìm được một tivi xách tay với đôi tai thỏ. Nhân viên bán hàng đảm bảo với anh rằng ở ngoài Hedeby anh có thể bắt được ít nhất là SVT, kênh truyền hình Nhà nước, và Blomkvist giao hẹn sẽ đòi lại tiền nếu sự thật không như anh ta nói.

Anh vào thư viện để xin một cái thẻ và mượn hai cuốn truyện hình sự của Elizabeth George. Anh mua sổ tay, bút. Anh cũng mua một cái ba lô để đựng những thứ đồ vừa mua.

Cuối cùng anh mua một hộp thuốc lá. Anh đã thôi hút mười năm trước, nhưng thỉnh thoảng anh cũng hút lại. Anh nhét hộp thuốc lá vào đáy túi, không bóc ra. Chỗ dừng sau đó là cửa hàng kính, anh mua hai mắt kính áp tròng và đặt những mắt kính mới.

2 giờ anh quay về Hedeby, anh vừa tháo móc giá tiền ra khỏi mấy cái quần áo thì anh nghe thấy tiếng cửa chính mở. Một phụ nữ tóc vàng - có lẽ chừng năm chục tuổi - gõ vào cửa bếp đang mở khi bước qua ngưỡng cửa. Bà ta mang tới đĩa bánh gatô.

- Chào anh, tôi chỉ muốn đến để tự giới thiệu. Tôi là Helena Nilsson, tôi ở bên kia đường. Tôi nghe nói chúng ta là hàng xóm của nhau.

Họ bắt tay và Blomkvist tự giới thiệu.

-Ồ vàng, tôi đã thấy ông trên tivi. Tối đến thấy có ánh đèn ở đây thật là hay.

Blomkvist mời cà phê. Mới đầu bà ta từ chối nhưng rồi cũng ngồi xuống bên chiếc bàn bếp, liếc vội một cái ra ngoài cửa sổ.

-Henrik và chồng tôi đang đến kìa. Trông như có vài cái hộp cho ông.

Henrik và Gunnar Nilsson đỗ ở bên ngoài với một xe kéo chở hàng, Blomkvist nhào vội ra chào đón họ và giúp mang bốn cái sọt đựng đồ vào trong. Họ để những cái hộp xuống sàn ở gần bếp lò, Blomkvist lấy tách cà phê ra và cắt bánh của bà Nilsson.

Vợ chồng Nilsson là những người vui tính. Họ hình như không tò mò tại sao Blomkvist lại ở Hedestad đây - việc anh làm cho Henrik Vanger rõ ràng đã đủ giải thích. Blomkvist quan sát quan hệ qua lại giữa nhà Nilsson và Vanger, đó là một mối quan hệ thoải mái và không có cái hố ngăn cách giữa chủ nhân với đầy tớ. Họ nói về cái làng, về người đã xây cất ngôi nhà khách mà Blomkvist hiện đang ở. Vợ chồng Nilsson sẽ nhắc Vanger mỗi khi ông quên. Về phía mình, Vanger kể câu chuyện vui về một đêm Nilsson đến nhà đã phát hiện một thằng rồ trong làng ở bên kia cầu đang cố đập vỡ một cái cửa sổ của nhà khách. Nilsson hỏi tay đỡ người tại sao không vào bằng cửa chính không khoá. Nilsson ngờ vực kiểm tra chiếc tivi nhỏ của Blomkvist, mời anh qua nhà mình nếu có một chương trình tivi anh muốn xem.

Vanger ngồi lại một lát sau khi vợ chồng Nilsson đi. Ông nghĩ tốt nhất là Blomkvist tự tay sắp xếp các hồ sơ và anh có thể đến nhà nếu anh có vấn đề gì.

Khi còn lại chỉ có một mình, Blomkvist mang những cái hộp vào trong phòng làm việc và làm một cuộc kiểm kê nội dung của chúng.

Vanger tiếp tục điều tra việc đứa cháu gái mất tích đã ba mươi sáu năm. Blomkvist nghĩ đây là một ám ảnh không lành mạnh hay theo với thời gian nó đã hoá ra một trò chơi trí tuệ. Điều rõ ràng là vị trưởng lão này đã xử lý công việc đó với cách tiếp cận có hệ thống của một nhà khảo cổ học nghiệp dư - tài liệu xếp đầy cả sáu bảy mét giá sách.

Phần lớn nhất của nó gồm hai mươi sáu cặp hồ sơ là các bản sao về điều tra của cảnh sát. Khó tin được rằng trường hợp một người mất tích bình thường mà lại có những tài liệu toàn diện đến thế. Rõ ràng là Vanger đã có đủ phép để khiến cho cảnh sát Hedestad lần theo các đầu mối đáng tin lẫn không đáng tin.

Rồi có những cuốn cắt dán tư liệu, các album ảnh, bản đồ, bài viết về Hedestad và doanh nghiệp Vanger, nhật ký của Harriet( tuy không nhiều trang), các sách học của cô, các giấy chứng nhận y tế. Có mười sáu tập giấy khổ A4, mỗi tập một trăm trang hay hơn, vốn là sổ sách về lộ trình điều tra của Vanger. Trong các sổ sách này, ông đã tự viết tay rất đẹp các suy diễn, lý thuyết, các lạc đề của ông. Blomkvist lần giở chúng. Ông già viết rất mạch lạc và anh cảm thấy các bản viết này đã sao chép lại trung thành các sổ tay mà nội dung có lẽ còn nhiều hơn thế. Có mười cặp hồ sơ đựng tài liệu về các thành viên của gia đình Vanger; những trang này được đánh máy và tích lại theo năm tháng từng diễn ra các cuộc điều tra của Vanger về chính gia đình của ông.

Khoảng 7 giờ anh nghe tiếng meo meo ở cửa chính. Một con mèo nâu hung hung đỏ len nhanh qua anh vào trong buồng tắm.

-Con mèo này khôn, - anh nói.

Con mèo đánh hơi một lúc quanh ngôi nhà khách. Mikael đổ sữa vào một cái đĩa. Vị khách của anh liếm sạch sẽ ngay. Rồi con mèo nhảy lên chiếc ghế dài trong bếp, cuộn tròn người lại. Và ở lại đấy.

Blomkvist chưa kịp có được ở trong đầu một cái nhìn bao quát và rõ ràng về đồng tài liệu và sắp xếp chúng lên trên các ngăn giá thì đã quá 10 giờ. Anh pha một bình cà phê và làm hai chiếc bánh kẹp thịt. Cả ngày anh chưa ăn bữa nào ra hồn nhưng lạ là anh lại không để tâm đến chuyện ăn uống. Anh cho con mèo một miếng lap xường và vài miếng xúc xích gan. Uống cà phê xong, anh lấy thuốc lá trong túi jacket ra và mở hộp.

Anh xem điện thoại di động. Berger không gọi. Anh thử một lần nữa, lại chỉ có lời dặn nhắc lại tin.

Một trong những bước Blomkvist phải làm trước tiên là ra xem tấm bản đồ đảo Hedeby mượn của Vanger. Trong khi những cái tên còn tươi mới ở trong đầu, anh ghi vào sổ nhà của từng người. Gia tộc Vanger là một bảng phân vai rộng lớn như thế, anh phải mất rất nhiều thời gian mới biết được từng người.

Ngay trước nửa đêm anh mặc quần áo ấm, giày mới, đi bộ qua cầu. Anh quẹo khỏi đường và men dọc theo eo biển bên dưới nhà thờ. Băng đã đóng ở eo biển và trong cảng cũ nhưng ngoài xa giữa trời anh vẫn có thể trông thấy một dải nước tối màu hơn. Lúc anh dừng lại, ánh sáng ở mặt tiền nhà thờ biến mất, xung quanh anh hoàn toàn tối đen. Buốt giá và sao đầy trời.

Chợt Blomkvist cảm thấy nản. Anh không thể hiểu tại sao vì cuộc sống của mình mà anh lại chịu cho Vanger xui khiến để nhận lấy công việc này. Berger đúng, anh nên ở Stockholm - chẳng hạn cùng ở trên giường với cô - và đặt kế hoạch chống lại Wennerstrom. Nhưng anh cũng thấy vô cảm với chuyện đó và thậm chí cũng chả có lấy được một chút ý mờ nhạt nào về chuyện mở đầu một chiến lược phản đòn.

Nếu là ban ngày ban mặt, anh sẽ đi thẳng tới nhà Vanger, huỷ bản hợp đồng, rồi về nhà. Nhưng từ chỗ đất nhô ở cạnh nhà thờ, anh có thể phân biệt tất cả các ngôi nhà ở phía đảo. Nhà Harald tối, nhưng có ánh đèn trong nhà Cecilia cũng như ở biệt thự của Martin bên ngoài mũi đất đầu làng và trong ngôi nhà cho thuê. Trong cảng cho tàu nhỏ đậu, có ánh sáng trong gian cabin trống gió của người họa sĩ, còn ở trong ống khói tàu ông ta thì có những đám tia lửa nhỏ nhỏ bốc lên. Có cả ánh sáng ở tầng thượng của quán cà phê và Blomkvist nghĩ liệu Susanne có sống ở đó không, nếu có thì liệu có một thân một mình không.

Đến sáng Chủ nhật, anh hoảng hốt thức dậy vì nhà khách đầy những tiếng ầm ĩ không thể tin nổi. Anh mặc vội quần áo và nhận ra đó là các chuông của nhà thờ đang thỉnh gọi con chiên làm lễ buổi sáng. Anh nằm ở trên giường cho đến khi thấy tiếng meo khẩn cấp ở lối ra cửa thì đứng dậy để cho con mèo ra ngoài.

Sáng Chủ nhật, anh hoảng hốt thức dậy vì nhà khách đầy những tiếng ầm ĩ không thể tin nổi. Anh mặc vội quần áo và nhận ra đó là các chuông của nhà thờ đang thỉnh gọi con chiên làm lễ buổi sáng. Anh nằm ở trên giường cho đến khi thấy tiếng meo khẩn cấp ở lối ra cửa thì đứng dậy để cho con mèo ra ngoài.

Buổi trưa anh tắm vòi sen và ăn điểm tâm. Anh cả quyết đi vào buồng làm việc, lấy cặp hồ sơ thứ nhất của cuộc điều tra của cảnh sát. Rồi anh ngáp ngừng. Ở cửa sổ đầu hồi, anh có thể trông thấy quán *Cà phê & bánh đầu cầu Susanne*. Anh nhét cặp hồ sơ vào balô rồi mặc quần áo để ngoài nhà. Ở quán cà phê, anh thấy đầy khách và chính ở đấy anh đã có câu trả lời cho một câu hỏi từng nằm ở trong đầu anh: ở một nơi heo hút xa xôi như Hedeby thì một quán cà phê làm sao mà lại có thể sống được? Susanne chuyên phục vụ những người đi lễ nhà thờ và có thể làm cà phê, bánh ngọt cho các tang lễ và các công việc khác.

Anh không vào mà đi bộ tiếp. Chủ nhật cửa hàng Khôngnsum đóng cửa, anh đi vài trăm mét đến Hedestad, mua mấy tờ báo ở một trạm xăng. Anh đi bộ một giờ quanh Hedeby, làm quen với cái thị trấn ở đằng trước cây cầu. Khu vực gần nhà thờ nhất và ở quá Khôngnsum là trung tâm, với các toà nhà cổ hơn - hai kiến trúc bằng đá có gác mà Blomkvist đồ chùng xây từ những năm 1910 hay 1920 làm nên một phố chính ngăn nắp. Mạn bắc con đường vào thị trấn là những toà nhà chung cư được bảo quản tốt cho các gia đình có trẻ nhỏ. Dọc biển và đến phía nam nhà thờ phần lớn là những ngôi nhà của các gia đình chưa có con. Hedeby xem về là một khu vực tương đối thú vị cho những người ra quyết định và viên chức dân sự sống.

Khi anh trở lại cây cầu, cuộc tiến công vào quán cà phê đã dịu đi nhưng Susanne vẫn đang dọn dẹp tách đĩa ở các bàn.

- Giờ cao điểm Chủ nhật? - Anh nói thay chào.

Chị gật đầu, gài một lọn tóc vào sau tai.

- Chào, Mikael.

- Thế ra chị nhớ tên tôi.

- Khó quên đấy. - chị nói. - Tôi theo dõi vụ xử anh ở trên tivi.

- Họ đã phải nhồi một cái gì đó vào các tin tức. - anh lầm bầm rồi dạt đến một bàn cà phê ở trong góc để có thể nhìn thấy cầu. Khi anh bắt gặp mắt Susanne, chị mỉm cười.

3 giờ, Susanne nói chị đóng cửa quán. Sau giờ cao điểm đi nhà thờ, chỉ có một ít khách đến rồi đi. Blomkvist đã đọc được hơn một phần năm cặp hồ sơ thứ nhất về điều tra của cảnh sát. Anh nhét sổ tay vào balô, đi bộ gấp qua cầu về nhà.

Con mèo chờ ở cửa. Anh nhìn quanh nghĩ xem con mèo của ai. Dẫu sao cứ cho nó vào nhà, ít ra con mèo cũng là một thứ bầu bạn nào đó.

Anh lại uống công gọi Berger. Rõ ràng cô vẫn còn điên tiết với anh. Anh có thể gọi cô bằng trực tuyến ở văn phòng toà soạn hay số của nhà cô nhưng anh đã lưu lại kha khá tin nhắn mất rồi. Thay vào gọi, anh pha cà phê, xua con mèo ra xa chiếc ghế dài trong bếp và mở cặp hồ sơ ra để lên trên bàn.

Anh đọc thông thả và cẩn thận, không muốn để mất bất cứ chi tiết nào. Khuya, khi anh đóng cặp hồ sơ lại, nhiều trang trong sổ tay của anh đã được ghi đầy - với những điều gọi nhớ và những câu hỏi mà anh hy vọng sẽ tìm ra câu trả lời ở trong các cặp hồ sơ tiếp theo. Tất cả tài liệu được xếp đặt theo trật tự thời gian. Anh không thể nói đó là cách Vanger tổ chức lại chúng hay đó là hệ thống được cảnh sát thời đó sử dụng.

Trang đầu là bản sao một báo cáo viết tay mang tiêu đề Trung tâm Khẩn cấp của cảnh sát Hedestad. Viên cảnh sát nhận điện thoại đã ký tên là T.B.Ryttinger và Blomkvist cho rằng T.B. là viết tắt chữ "Trục Ban". Người gọi là Henrik Vanger. Địa chỉ và số điện thoại của ông đã ghi ở đây. Bản báo cáo đề ngày Chủ nhật, 25 tháng Chín, 1966, 11 giờ 14 phút sáng. Báo cáo ngắn gọn.

*Hrk, Vanger gọi, báo rằng con gái (?) của anh trai ông, Harriet Ulrika VANGER, sinh 15 thg.1.1950 (16 tuổi) bị mất tích ở nhà cô ta ở trên đảo Hedeby từ chiều thứ Bảy. Người gọi tỏ ra*

*rất hoang mang.*

Một tin gửi đến lúc 11 giờ 20 báo rằng P-014 (xe cảnh sát? Xe tuần tra? Hoa tiêu một con tàu?) đã được phát hiện trường.

Một tin khác lúc 11 giờ 35 viết dễ đọc hơn báo cáo của Ryttinger gài thêm rằng *Sq. Magnusson báo cáo cầu đến đảo Hedeby vẫn bị tắc. Đi lại bằng tàu. Bên lề, một chữ ký không đọc ra nổi.*

Lúc 12 giờ 14, Ryttinger trở lại: *Chuyên điện thoại Sq. Magnusson ở H-by xác nhận rằng Harriet Vanger 16 tuổi mất tích từ đầu buổi chiều thứ Bảy. Gia đình rất hoang mang. Tin rằng đã không ngủ ở giường cô ta đêm hôm trước. Không thể đã rời đảo vì cầu tắc. Không ai trong gia đình biết chút gì về HV.*

Lúc 12 giờ 19 chiều: *G.M. thông báo tình hình bằng điện thoại.*

Tin cuối cùng ghi lúc 1 giờ 42 chiều: *G.M. tại hiện trường ở H-by, sẽ tiếp quản vấn đề.*

Trang sau cho biết hai chữ tắt G.M. là nói cảnh sát điều tra Gustaf Morell, người đã đến đảo Hedeby bằng tàu và nhận quyền chỉ huy ở đấy, đang chuẩn bị một báo cáo chính thức về việc Harriet Vanger mất tích. Không giống nhưng ghi nhận đầu tiên với những chữ viết tắt không cần thiết, các báo cáo của Morell được đánh máy và câu cú thành văn có thể đọc được rất trôi chảy. Các trang sau thuật lại các biện pháp nào đã được áp dụng. Tính khách quan và sức mạnh của chi tiết đã làm cho Blomkvist ngạc nhiên.

Morell đã phỏng vấn trước tiên Henrik Vanger cùng Isabella Vanger, mẹ của Harriet. Rồi lần lượt ông nói chuyện với Ulrika Vanger, Harald Vanger, Greger Vanger, Martin Vanger, anh của Harriet và Anita Vanger. Blomkvist đi đến kết luận rằng các phỏng vấn này đã được làm theo thứ bậc quan trọng giảm dần.

Ulrika là mẹ của Henrik Vanger và rõ ràng là bà giữ địa vị như một nữ hoàng nhiếp chính. Ulrika sống trong cơ ngơi của gia đình Vanger nhưng không cho ra được một thông tin nào. Đêm hôm trước bà đi nằm sớm và đã mấy ngày không trông thấy Harriet. Bà nài gặp cảnh sát điều tra Morell hình như là chỉ cốt cho ra vẻ là theo ý bà thì cảnh sát đã hành động ngay lập tức.

Harald Vanger xếp thứ hai trong danh sách. Ông chỉ thấy chốc nhát Harriet lúc cô vừa ở lễ hội tại Hedestad trở về nhưng *không trông thấy cô từ khi xảy ra tai nạn xe cộ trên cầu và ông không biết hiện nay cô có thể ở đâu.*

Greger Vanger, anh của Henrik và em của Harald, khai ông đã thấy cô gái mười sáu tuổi ở trong phòng làm việc của Henrik, muốn nói chuyện với Henrik sau khi cô đến Hedestad sáng hôm đó. Greger Vanger, khai ông không nói được gì với cô cháu, chỉ là chào một tiếng thôi. Ông không biết tìm được cô cháu ở đâu nhưng cho hay là theo ông thì chắc cô đã bắt chọt đi thăm vài người bạn mà không báo ai và sẽ trở về sớm thôi. Khi hỏi cầu bị tắc, cô gái rời đảo làm sao được thì ông không thể trả lời.

Martin Vanger được hỏi lướt qua. Cậu đang ở lớp cuối cùng của trường dự bị ở Uppsala, cậu sống trong nhà của Harald nên cậu đã đi tàu về nhà ở Hedeby, đến nơi muộn quá đến nỗi cậu bị kẹt ở phía đầu cầu khi có vụ tai nạn, mãi tối muộn mới có thể qua được eo biển bằng tàu. Cậu được phỏng vấn với hy vọng em gái cậu đã tâm sự với cậu và cho cậu đôi ba manh mối nếu cô đang nghĩ đến chuyện bỏ đi. Cậu hỏi đã bị mẹ của Harriet Vanger phản đối nhưng lúc ấy thanh tra Morell có lẽ lại nghĩ Harriet bỏ chạy có thể lại là điều mà họ mong mỗi nhất. Nhưng

Martin đã không chuyện trò với em từ dạo nghỉ hè và không có thông tin giá trị nào cả.

Anita Vanger đã bị liệt nhằm vào danh sách "anh chị em họ bậc một" của Harriet. Đang học năm thứ nhất ở đại học Stockholm, cô về nghỉ hè ở Hedeby. Cô với Harriet gần như cùng tuổi và hai người đã thành bạn thân. Cô khai đến đảo ngày thứ Bảy cùng với bố và đã tìm gặp Harriet nhưng không kiếm ra. Anita nói là cô cảm thấy khó chịu và việc bỏ đi không báo với gia đình như thế này không phải là kiểu của Harriet. Henrik và Isabella xác nhận điều này là đúng.

Trong khi phỏng vấn các thành viên gia đình, thanh tra Morell đã bảo Magnusson và Bergman - tuần tra 014 - hãy tổ chức cuộc lùng kiếm thứ nhất trong khi trời còn sáng. Cầu vồng vẫn cấm qua lại cho nên khó gọi thêm tăng viện. Nhóm tìm kiếm có khoảng ba chục người, cả đàn ông đàn bà ở các tuổi khác nhau. Các khu vực họ tìm kiếm chiều hôm ấy gồm các nhà không người ở tại cảng cá, mũi bờ biển, đầu làng và dọc eo biển, khu rừng gần làng nhất, quả đồi tên là Soderberget ở đằng sau cảng cá. Sở dĩ tìm chỗ này vì có người lập luận là Harriet có thể đã lên đó để nhìn được cây cầu rõ hơn. Các đội tuần tra cũng được phái đến Ostergarden và căn lều của Gottfried ở phía bên kia đảo, nơi thỉnh thoảng Harriet vẫn đến thăm. Nhưng cuộc tìm kiếm không có kết quả, mãi sau 10 giờ đêm, đến lúc đã tối om, mới dừng lại. Nhiệt độ suốt đêm tụt xuống đông cứng.

Buổi chiều cảnh sát điều tra Morell đặt ban chỉ huy của ông ở một phòng khách mà Henrik Vanger bố trí cho ông dùng ở tầng trệt của văn phòng bất động sản Vanger. Ông đã tiến hành một số đo đạc.

Ở công ty của Isabella Vanger, ông đã xem xét gian buồng của Harriet và thử xác định xem liệu có thứ gì bị mất: quần áo, va li đại loại, thứ có thể chỉ ra cho thấy là Harriet đã bỏ nhà đi. Isabella, một ghi nhận kèm theo, đã không giúp đỡ và hình như không quen thuộc với tủ quần áo của con gái. *Nó thường mặc quần jean mà trông tất cả thì đều giống nhau thì phải?* Túi xách của Harriet ở trên bàn làm việc, trong có giấy căn cước, một ví tiền có chín curon và năm mươi ore, một cái lược, một chiếc gương và một khăn tay. Sau khi khám xét, buồng của Harriet đã được khoá lại.

Morell đã triệu tập để phỏng vấn nhiều người nữa, thành viên gia đình và nhân viên. Tất cả các phỏng vấn đều được báo cáo tỉ mỉ.

Khi những người dự cuộc tìm kiếm bắt đầu quay về với các báo cáo làm nản lòng, viên cảnh sát quyết định phải mở một cuộc tìm kiếm có hệ thống hơn nữa. Ngoài những người khác, Morell còn gặp chủ tịch của Câu lạc bộ Chạy định hướng của Hedestad, và kêu gọi giúp đỡ bằng việc mời những người tình nguyện làm một cuộc tìm kiếm. Vào nửa đêm người ta bảo ông rằng năm mươi ba thành viên, phần lớn là từ các đoàn thanh thiếu niên sẽ đến cơ ngơi đất đai Vanger vào hồi 7 giờ sáng mai. Henrik Vanger đã gọi một phần ca sáng, ước khoảng năm chục người, của nhà máy giấy. Ông cũng sửa soạn đồ ăn thức uống cho tất cả họ.

Blomkvist có thể tưởng tượng thấy cảnh diễn ra trên cơ ngơi đất đai Vanger những ngày ấy. Vụ tai nạn trên cầu chắc chắn làm cho những giờ đầu tiên bị lúng túng - khiến khó đưa tăng viện đến và vì người ta phần nào cứ nghĩ rằng hai sự kiện bi thảm xảy ra ở cùng một chỗ và gần vào cùng một lúc kia là có liên quan đến nhau. Khi đã cẩu chiếc xe tặc đi, Morell xuống tận cầu để cảm chắc Harriet đã không vì một vài xoay vần khó có thể có của sự đời mà bị chết đuối ở dưới đồng xe đổ nát. Đây là việc làm phi lý duy nhất mà Blomkvist có thể tìm thấy ở trong hành xử của viên cảnh sát, bởi lẽ không nghi ngờ gì cả, sau khi xảy ra tai nạn xe, cô gái mất tích vẫn còn được trông thấy ở trên đảo.

Trong hai mươi tư giờ lúng túng ban đầu ấy, các hy vọng của họ rằng tình hình sẽ được giải

quyết nhanh chóng và vui vẻ cứ dần dà chìm đi. Thay vào đó, hai lí luận dần thay thế chúng. Mặc dù rõ ràng là cô gái rất khó rời hòn đảo mà không bị để ý, Morell vẫn chấp nhận khả năng cô gái đã bỏ đi. Ông quyết định nên gửi đi một lệnh báo động về Harriet Vanger và ông chỉ thị cho các viên cảnh sát tuần tra ở Hedestad mở to mắt ra tìm cô gái mất tích. Ông cũng phái một đồng nghiệp trong đội hình sự đi phỏng vấn các tài xế xe buýt và nhân viên các ga tàu để tìm xem liệu có ai đó đã nhìn thấy cô gái không.

Khi các báo cáo không có kết quả gửi về thì người ta càng có vẻ thiên nhiều hơn về cái ý Harriet Vanger đã là nạn nhân của một bất hạnh nào đó. Lý luận này rút cục đã khống chế công việc điều tra của những ngày tiếp theo.

Theo Blomkvist thì rõ ràng là sau khi cô gái bị mất tích hai ngày, người ta đã tiến hành thật sự một cuộc tìm kiếm quy mô. Cảnh sát và lính cứu hoả từng dày dạn kinh nghiệm với các tác chiến tương tự đã tổ chức việc tìm kiếm. Đảo Hedeby có những chỗ gần như không thể vào nổi nhưng dù sao nó vẫn chỉ là một khu vực nhỏ bé và nó đã được rà đi rà lại suốt một ngày trời. Một tàu cảnh sát và hai tàu tình nguyện Pettersson đã làm hết sức để tìm kiếm những vùng nước ở xung quanh đảo.

Ngày hôm sau, cuộc tìm kiếm tiếp tục với nhân lực ít hơn. Các đội tuần tra đã được cử đi để làm một cuộc càn quét thứ hai ở chỗ đất đặc biệt gồ ghề, cũng như ở một khu vực có tên là "Pháo đài" - một hệ thống hầm boong ke xây từ Đại chiến thứ hai nay bỏ không. Họ cũng tìm các hầm hố, giếng nước, kho rau quả, nhà vệ sinh, gác thượng, sân thượng ở trong làng.

Có thể đọc thấy thất vọng ở trong các ghi nhận chính thức khi cuộc tìm kiếm đã lắng xuống vào ngày thứ ba sau hôm cô gái mất tích. Dĩ nhiên Morell chưa nhận ra điều đó nhưng lúc ấy trong cuộc điều tra ông cũng đã thật sự với xa đến hết khả năng của ông. Ông bối rối và phải vật lộn để nhận ra khâu công việc tiếp theo tất yếu hay nơi phải tiến hành tìm kiếm. Harriet Vanger hình như đã tan biến vào không khí mong manh và từ đó những năm tháng tra tấn dần vật Henrik Vanger bắt đầu.

## Chương 9

Thứ Hai, 6 Tháng Giêng

Thứ Tư, 8 Tháng Giêng

Blomkvist đọc mãi tới tận sớm ngày Chúa Hiên Linh[12] mới dậy. Một chiếc Volvo màu lam, kiểu mới đã đậu ở bên ngoài nhà Vanger. Vừa lúc anh đưa tay mở cửa, thì nó mở và một người đi ra. Họ suýt đâm vào nhau. Người này có vẻ đang gấp.

- Ồ? Tôi giúp được anh gì không??

- Tôi đến gặp Henrik Vanger. – Blomkvist nói

Mắt người đàn ông sáng lên. Anh ta mỉm cười, chìa tay ra.

- Chắc anh là Mikael Blomkvist, người sẽ giúp Henrik biên soạn lịch sử dòng họ, đúng không?

Họ bắt tay nhau. Vanger có vẻ tung hỏa mù che giấu mục đích Blomkvist đến đây. Ông ta thừa cân – kết quả của quá nhiều năm tháng đàm phán kinh doanh bên bàn giấy và trong phòng họp – nhưng Blomkvist nhận thấy ngay nét giống nhau giữa mặt người đàn ông và mặt Henrik Vanger

- Tôi là Martin Vanger – anh ta nói - Hoan nghênh đến Hedestad.

- Cảm ơn.

- Tôi đã thấy anh trên tivi.

- Hình như ai cũng đã thấy tôi trên tivi.

- Wennerstrom... không được lòng người lắm ở cái nhà này.

- Henrik có nói điều đó. Tôi đang chờ nghe hết câu chuyện.

- Mấy hôm trước ông ấy bảo tôi là muốn anh. – Martin Vanger cười – Ông ấy nói anh nhận việc ở tận đây có lẽ vì Wennerstrom.

Blomkvist do dự trước khi quyết định là nói thật.

- Đây là một lý do quan trọng. nhưng nói cho ngay thẳng thì là tôi cần rời Stockholm và trôi nổi đến Hedestad đúng lúc. Ít nhất là tôi nghĩ như thế. Tôi không thể nói việc tòa án xét xử là không xảy ra bao giờ. Mà muốn gì thì tôi cũng sắp vào tù rồi.

Martin Vanger gật đầu, bỗng nghiêm túc.

- Anh có thể kháng án không?
- Chuyện ấy sẽ không có lợi gì cả.

Martin liếc đồng hồ.

- Tôi phải ở Stockholm đêm nay, cho nên tôi phải đi gấp. Vài ngày nữa tôi sẽ về. Hãy đến và ăn tối. Tôi thật tình muốn nghe những gì đã thật sự diễn ra ở phiên tòa ấy. Henrik ở trên gác. Anh vào ngay đi.

Ngồi bên bàn cà phê trong phòng làm việc, Henrik đọc các báo địa phương *Hesdestad Courried*, *Dagens Industri*, *Svenska Dagbladet* và hai tờ báo chiều của cả nước.

- Tôi bất ngờ gặp Martin ở ngoài kia.
- Vội đi để cứu đế chế đấy. – Vanger nói – Cà phê?
- Vâng cho xin – Blomkvist ngồi xuống, nghĩ tại sao Henrik nom vui thế.
- Anh được nhắc đến ở trên báo.

Vanger đẩy qua một tờ báo chiều, mở đến trang có đầu đề *Một vòng truyền thông ngắn gọn*. Bài báo do một người giữ chuyên mục viết, trước đây anh ta làm cho tạp chí Monopoly Financial, tự làm cho mình nổi tiếng là một người hăng hái chế giễu bất cứ ai say sưa đến một vấn đề gì hoặc những kẻ thích liều mạng. Những người bảo vệ phụ nữ, chống chủ nghĩa chủng tộc, hoạt động môi trường đều có thể tính đến chuyện sẽ nhận được phần bị chế giễu của mình. Người ta biết người viết chưa từng ủng hộ một niềm tin duy nhất nào của chính bản thân. Bây giờ, mấy tuần sau phiên tòa xử vụ Wennerstrom, anh ta đang chĩa súng bắn vào Blomkvist, người được anh ta tả là một kẻ ngu ngốc hoàn toàn. Chân dung Erika thì bị vẽ thành một ảnh truyền thông dĩ dạm bắt tài.

*Một tin đồn loan đi rằng Millenium đang bên bờ sụp đổ bất chấp sự thật Tổng biên tập của nó là một người bảo vệ quyền lợi phụ nữ mặc váy mini cùn cộn và thích chỗ mềm vào tivi. Tờ tạp chí đã sống sót mấy năm nhờ cái hình ảnh đã được các biên tập viên đem đi tiếp thị thành công – các biên tập viên này là những phóng viên trẻ gánh vác việc điều tra báo chí và vạch vòi những tên lưu manh vô lại trong giới kinh doanh. Mánh quảng cáo này có thể ăn thua với đám vô chính phủ trẻ chỉ muốn nghe một luồng thông tin nhưng nó không nên com cháo gì ở tòa án quận. Như Kalle Blomkvist vừa được tìm ra mới đây.*

Blomkvist bấm di động tìm xem Berger có gọi anh không. Không có tin gì. Vanger lặng lẽ chờ không nói năng gì. Blomkvist biết ông già cho phép anh phá vỡ im lặng.

- Cậu này dê cón. – Blomkvist nói.

Vanger cười thành tiếng nhưng nói:

- Có thể như thế. Nhưng anh ta không phải là người bị tòa án nghị án.

- Đúng. Và anh ta sẽ không bao giờ bị cả. Anh ta không nói cái gì độc đáo bao giờ hết; anh ta chỉ là nhảy lên đoàn xe chiến trống cổ động rồi đến cuối cùng mới ném đá bằng những lời lẽ

phá phách nhất mà anh ta có thể phủi tay.

- Tôi đã sống lâu nên có nhiều kẻ thù. Nếu như có điều gì mà tôi học được thì đó là chớ có dấn vào một trận đánh mà anh cầm chắc sẽ thua. Mặt khác, không cho kẻ đã lằng mọ mình phủi tay lui thoát. Chờ thời rồi khi vào vị trí mạnh rồi đánh trả - ngay cả khi anh không có nhu cầu đánh trả nữa.

- Cảm ơn ông cho lời khuyên khôn ngoan, Henrik. Bây giờ xin ông nói về gia đình ông.

Anh để máy ghi âm lên bàn, giữa hai người rồi bấm nút ghi.

- Anh muốn biết điều gì?

- Tôi đã đọc hết cặp hồ sơ thứ nhất, về việc mất tích và các cuộc tìm kiếm, nhưng có nhiều Vanger được nhắc tới quá nên tôi cần ông giúp tôi nhận dạng ra tất cả họ.

Salander đứng gần mười phút trong gian sảnh vắng tanh, mắt chăm chăm vào tấm biển đồng đề “Luật sư N.E. Bjurman” rồi mới bấm chuông. Khóa cửa kêu đánh cách.

Hôm nay là thứ Ba. Đây là lần thứ hai họ gặp nhau và cô có một cảm giác không hay về chuyện này.

Cô không sợ Bjurman – Salander ít khi sợ ai hay thứ gì. Mặt khác, cô thấy không thoải mái với người bảo hộ mới này. Người trước, luật sư Holger Palmgren là một loại khác hẳn: lịch sự, tử tế. Nhưng ba tháng trước ông bị một cơn đột quỵ và theo một số tôn ti trật tự quan liêu, Nils Erik Bjurman đã nhận giám hộ cô.

Với Salander, trong mười hai năm chịu chế độ giám hộ về xã hội và tâm thần thì hai năm cô ở một bệnh viện cho thiếu nhi, ở đấy, chưa lần nào cô trả lời giống nhau cho câu hỏi đơn giản này: “Hôm nay cháu thế nào?”

Khi cô mười ba, theo luật của chính phủ về quyền giám hộ trẻ vị thành niên, tòa án đã quyết định nên đưa cô vào phòng bệnh có khóa ở Bệnh Viện Tâm Thần Thánh Stefan cho thiếu nhi tại Uppsala. Quyết định này ban đầu dựa trên việc người ta cho rằng cô hay bị quấy nhiễu về mặt cảm xúc và cô hung bạo nguy hiểm cho các bạn cùng lớp hay có thể cho cả chính bản thân cô.

Các thầy giáo hay bất cứ quyền uy nào toan khai mào trò chuyện với cô gái về những cảm giác, đời sống tình cảm hay tình hình sức khỏe của cô đều vô cùng thất vọng, họ đã gặp phải một sự im lặng sừng súa và một cái nhìn trừng trừng rất lâu lên sàn nhà, trần nhà, tường vách. Cô khoanh tay lại và từ chối tham gia bất cứ khám nghiệm tâm thần nào. Không chỉ chống lại mọi ý định cân đo, lập biểu đồ phân tích hay giáo dục, cô còn chống lại cả việc học ở trường – các vị phụ trách có thể đưa cô lên lớp học, có thể xích cô vào ghế, nhưng họ không thể bắt cô thôi bịt tai, giơ bút lên viết nhăng nhít một cái gì đó trong không khí. Cô hoàn thành chín năm học bó buộc ở trường mà không có một mảnh bằng chứng nhận.

Kết quả là người ta đem gán điều này vào với việc quá khó chẩn đoán các khiếm khuyết

tâm thần của cô. Tóm lại Salander là đứa cứng đầu cứng cổ

Lúc cô mười ba, cũng đã có quyết định nên cử một người đỡ đầu để trông nom lợi ích và tài sản của cô cho tới khi cô trưởng thành. Người đỡ đầu là luật sư Palmgren; tuy vào cuộc khá khó khăn, ông cũng đã thành công ở chỗ mà các nhà tâm thần học và các bác sĩ thất bại. Dần dần, ông cũng đã giành được ở cô gái không những một sự tin cậy nhất định mà còn cả một chút nhỏ nhỏ về tình cảm nữa.

Khi cô mười lăm, các bác sĩ ít nhiều đều tán thành rằng gì thì gì, cô cũng không hung bạo đến mức nguy hiểm, cô cũng không cho thấy có một nguy hiểm nào trước mặt với bản thân. Gia đình cô đã được xếp loại là không bình thường về mặt ý thức hành vi và cô thì không có họ hàng để trông nom được phúc lợi của cô cho nên đã quyết định nên đưa Lisbeth Salander ra khỏi bệnh viện tâm thần thiếu nhi ở Uppsala, cho cô được thả về xã hội với sự chăm sóc của một gia đình.

Đây không phải là một hành trình suôn sẻ. Chỉ sau hai tuần là cô trốn khỏi gia đình chăm sóc đầu tiên. Nhanh chóng theo nhau, gia đình thứ hai và thứ ba rút ra ngoài vệ đường. Đến bước này, Palmgren đã phải bàn bạc nghiêm túc với cô, thẳng thừng nói với cô rằng nếu cô cứ kiên trì lối mòn này thì cô sẽ lại bị đưa vào viện tâm thần mất thôi. Đe dọa này đã có kết quả là cô chấp nhận gia đình chăm sóc thứ tư – một cặp vợ chồng già sống ở Midsommarkransen.

Nhưng như thế không có nghĩa là cô tự trông coi được mình. Năm mười bảy tuổi Salander bị cảnh sát bắt bốn lần: hai lần say ma túy quá phải đến phòng cấp cứu, một lần chỉ mới chớm bị ma túy tác hại. Một lần cô được tìm thấy say rượu như chết, quần áo xộc xệch ở trên ghế hậu của một chiếc xe đỗ ở Soder Malarstrand cùng một người đàn ông cũng bí tỉ như thế nhưng già hơn nhiều.

Lần bị bắt cuối cùng xảy ra trước sinh nhật lần thứ mười tám của cô ba tuần, lần này, hoàn toàn tỉnh táo, cô đá vào đầu một người đàn ông qua đường bên trong cổng ga đường hầm Gamla Stan. Cô bị tố cáo hành hung và đánh đập. Salander nói người đàn ông đã sờ soạng cô và lời khai của cô có nhân chứng ủng hộ. Công tố viên miễn truy tố. Nhưng lý lịch cô đã khiến tòa án quận đòi cô phải có thẩm định của bác sĩ tâm thần. Do cô, như thói quen vẫn thế, từ chối trả lời và tham gia khám bệnh, các bác sĩ được *Cơ quan quốc gia về Y tế và Phúc lợi* tham vấn và đưa ra một ý kiến dựa trên “các quan sát bệnh nhân”. Khi gặp phải một phụ nữ cứ im lặng ngồi trên ghế, hai tay khoanh lại, môi dưới bĩu ra thì chính xác mà nói làm sao còn có thể quan sát được cái gì rõ ràng đây. Quyết định duy nhất đưa ra là chắc cô đã bị một kiểu rối loạn cảm xúc nào đó, tính chất của nó thuộc vào loại phải được chữa trị. Bản báo cáo pháp y yêu cầu có sự trông nom ở một cơ quan tâm thần khép kín. Một trợ lý của người đứng đầu tổ chức xã hội phúc lợi đã viết một ý kiến ủng hộ kết luận này của các chuyên gia tâm thần.

Về phần lý lịch cá nhân, người ta kết luận rằng cô *có nguy cơ nghiêm trọng về lạm dụng rượu và ma túy, rằng cô thiếu tự nhận hiểu bản thân*. Lúc đó hồ sơ của cô mang đầy những thuật ngữ như *hướng nội, rút rẻ trong xã hội, thiếu đồng cảm, gắn bó với cái tôi, bệnh lý tâm thần và hành xử phi xã hội, khó khăn trong hợp tác, và không thể tiếp thu trong học tập*. Bất cứ ai đọc hồ sơ của cô cũng đều nảy ý muốn kết luận Salander là một người kém phát triển nghiêm trọng. Một điểm nữa chống lại cô là tuần tra đường phố của các cơ quan xã hội đã mấy lần quan sát thấy cô “với nhiều đàn ông khác nhau” ở trong khu vực quanh Mariatorget. Cô đã một lần bị chặn lại và bị khám xét ở Tantolunden, lại cũng với một người đàn ông già hơn nhiều. Người ta sợ rằng

Salander có thể đang hành động như, hay có nguy cơ trở thành, một gái điếm.

Khi tòa án quận – nơi sẽ quyết định tương lai cô gái – gặp để quyết định về vấn đề này, kết quả hình như là đã được định đoạt trước cả rồi. Cô rõ ràng là một đứa trẻ có vấn đề và xem ra tòa án sẽ không đi đến một quyết định nào khác hơn là chấp nhận khuyến cáo của các nhà tâm thần học lẫn yêu cầu của xã hội.

Sáng phiên tòa họp, Salander được mang từ bệnh viện tâm thần thiếu nhi đến, nơi cô bị giữ từ vụ xảy ra ở Gamla Stan. Cảm thấy giống như một người tù ra khỏi trại tập trung: Cô không có hy vọng sống sót hôm đó. Người đầu tiên cô nhìn thấy ở tòa án là Palmgren, phải mất một lúc cô mới hiểu ra ông ở đây không phải với vai trò người đỡ đầu mà đúng hơn là người đại diện pháp lý của cô.

Cô ngạc nhiên thấy ông trước sau đứng về phía cô và ông đã kháng án mạnh mẽ lại chế độ giữ người ở bệnh viện. Cô đã không phản bội lại ông như nhuróng một lông mày lên mà trái lại, cô lại nghe chăm chú từng lời ông nói. Trong hai giờ đồng hồ Palmgren đã đối chất xuất sắc với ông thầy thuốc, bác sĩ Jesper H. Loderman, người đã ký tên vào bảng khuyến cáo đưa nốt Salander ở bệnh viện. Mỗi chi tiết của ý kiến đều được soi rọi tỉ mỉ còn mỗi lời khẳng định thì vị bác sĩ lại được yêu cầu giải thích rõ cơ sở khoa học. Cuối cùng rõ ràng do người bệnh từ chối làm một xét nghiệm duy nhất cho nên thực tế mà nói các cơ sở để cho bác sĩ kết luận chỉ là chuyện đoán mò.

Vào cuối phiên tòa, Palmgren cho biết rằng ép buộc người bệnh vào bệnh viện tâm thần thì chắc chắn là không chỉ trái với các quyết nghị của Quốc hội trong các trường hợp tương tự mà trong các trường hợp cá biệt, có thể còn là vấn đề lợi dụng cho những sự trả thù về chính trị và truyền thông. Cho nên vì lợi ích của riêng mỗi người hãy cố tìm lấy một giải pháp thích hợp khác. Trong tình hình như thế này, lời lẽ của ông là lạ lẫm với các sự thương thảo, các thành viên của tòa án đã phải thấp thỏm mà uốn éo quanh co.

Giải pháp đề ra cũng là thỏa hiệp. Tòa kết luận Lisbeth Salander có bị rối loạn về cảm xúc thực sự nhưng tình trạng của cô không cần phải đưa vào nội trú, tòa án cũng xét lại khuyến cáo về chế độ giám hộ của ông giám đốc xã hội phúc lợi. Mỉm cười thâm hiểm, ông chủ tịch phiên tòa quay sang Holger Palmgren, người cho đến nay vẫn là người đỡ đầu của cô gái, hỏi liệu ông có muốn cáng đáng việc giám hộ cô gái không. Rõ ràng ông chủ tịch nghĩ rằng Palmgren sẽ tháo lui và cố đẩy trách nhiệm sang một ai khác. Trái lại, Palmgren tuyên bố ông sẽ vui sướng đảm nhận làm người giám hộ cho Salander – nhưng với điều kiện : “rằng quý cô đây phải tin cậy tôi và chấp nhận tôi là người giám hộ của cô”.

Ông quay lại đối mặt với cô gái. Những đối đáp qua lại suốt ngày phần nào làm cho cô hoang mang. Cho đến lúc này, chưa hề một ai đã hỏi ý cô. Cô nhìn Holger Palmgren một lúc lâu rồi gật một cái.

Palmgren là một pha trộn hiếm hoi giữa người làm luật và người làm công việc xã hội thuộc trường phái xưa. Ban đầu ông là một thành viên được đề cử theo chính sách của văn phòng xã hội phúc lợi và ông đã bỏ gần hết cả đời để giải quyết vấn đề thanh niên. Một cảm thức dè dặt về lòng tôn trọng, gần như gần gũi với tình bạn đã mau chóng hình thành nên giữa Palmgren và phòng bệnh thiếu nhi của ông, không nghi ngờ gì đó là khó khăn lớn nhất ông từng phải xử lý. Quan hệ của họ kéo dài mười một năm, từ lần sinh nhật thứ mười ba của cô gái cho tới năm ngoái, khi cô đến gặp Palmgren ở nhà trước Noel vài tuần, sau lần ông để lỡ mất một trong các cuộc họp hàng tháng đã lên lịch của hai người. Cửa nhà vẫn đóng nhưng cô gái đã nghe thấy những tiếng động trong căn hộ ông vọng ra; cô bèn leo một ống dẫn nước nhảy vào ban công trên tầng bốn. Cô thấy ông nằm trên sàn gian sành, còn tỉnh nhưng không thể cử động, nói năng. Cô gọi xe cứu thương và đi cùng ông đến bệnh viện Soder, cảm thấy mỗi lúc một hoảng

sợ hơn. Trong ba ngày, cô ít rời dây hành lang bên ngoài phòng cấp cứu. Như con chó giữ nhà tin cậy, cô cứ ngóng vào từng bác sĩ y tá ra vào cửa phòng. Cô đi đi lại lại dọc hành lang như một cô hồn, dăm dăm nhìn vào mỗi bác sĩ bước đến. Cuối cùng một bác sĩ mà cô không thể tìm ra tên đã đưa cô vào một gian phòng để giải thích về tình hình nguy kịch. Ông Palmgren đang suy kiệt về sức khỏe sau cơn xuất huyết não nặng. Không hy vọng ông khôi phục được ý thức. Ông mới sáu mươi tư tuổi. Cô không khóc mà cũng chẳng biến đổi vẻ mặt. Cô đứng lên, rời bệnh viện và không quay lại.

Năm tuần sau, sở Giám hộ mời Salander đến gặp người giám hộ mới. Phản ứng đầu tiên của cô là lờ đi lời triệu tập nhưng Palmgren đã cho in đậm vào ý thức của cô rằng mọi hành động đều có hậu quả. Đã học phân tích được hậu quả do đó cô đi đến kết luận rằng cách tốt nhất để ra khỏi tình thế tiến thoái đều khó hiện nay là hãy bằng hạnh kiểm của mình – vờ như quan tâm đến những điều họ nói – mà làm cho sở Giám hộ hài lòng.

Thế là, Tháng mười hai – tạm ngừng điều tra về Mikael Blomkvist – cô đến văn phòng của Bjurman ở St. Eriksplan, ở đấy một bà có tuổi thay mặt sở đã đưa cho luật sư Bjurman hồ sơ toàn diện của Salander. Bà ân cần hỏi Salander tình hình ra sao và bà hình như hài lòng với sự im lặng căng căng mà Salander đáp trả lại bà. Sau chừng nửa giờ bà để Salander vào tay săn sóc của luật sư Bjurman.

Salander đã rấp bụng trước là không ưa luật sư Bjurman. Cô nghiên cứu trộm ông trong khi ông đọc hồ sơ lý lịch cô. Tuổi: hơn năm chục. Chú ý đến thân thể. Chơi tennis vào ngày thứ Ba và thứ Sáu. Tóc vàng và thưa. Cằm hơi xẻ. Dùng nước hoa Hugo Boss sau khi cạo râu. Com lê màu lơ. Cà vạt đỏ với kẹp vàng và các khuy măng sét cổ tay pho phang có ba chữ tắt đầu tên NEB. Kính gọng thép. Mắt xám. Xét qua các tạp chí trên bàn thì thích săn và bắn.

Trong những năm cô biết Palmgren, ông luôn mời cô cà phê rồi chuyện gẫu. Ngay các chuyện bỏ trốn tồi tệ nhất của cô ra khỏi các gia đình bảo trợ hay việc cô đều đặn trốn học cũng không làm cho đối xử của ông bị sòng sánh. Lần duy nhất ông thật sự ngạc nhiên là khi cô xông vào đánh cái thằng ba que giò trò với cô ở Gamla Stan. *Cô có hiểu cô đã làm gì không? Cô đã hành hạ một con người khác đấy Lisbeth.* Ông nói nghe như một ông giáo già và cô đã kiên nhẫn lờ đi từng lời trách móc của ông.

Bjurman không có thì giờ cho những chuyện vặt ấy. Ông lập tức kết luận là theo nội quy của chế độ giám hộ thì Palmgren đã có mâu thuẫn trong các nghĩa vụ của mình, ở chỗ ông rõ ràng đã cho phép Salander tự cai quản lấy việc nội trợ và tài chính. Bjurman bắt đầu bằng một kiểu thăm vắn: *Cô kiếm được bao nhiêu tiền? Tôi muốn một bản sao chụp các chi thu tài chính của cô. Cô qua thời gian cùng với ai? Cô có trả tiền thuê nhà đúng hạn không? Cô có uống rượu không? Palmgren có tán thành những cái khoen cô đeo trên mặt kia không? Cô có quan tâm đến vệ sinh không?*

Palmgren đã trở thành người đỡ đầu của cô ngay sau khi mọi trò xấu xa kia xảy ra. Ông đã nài ít nhất mỗi tháng một lần cô và ông gặp nhau, đôi khi nhiều hơn. Sau khi cô dọn về Hornsgatan thì họ đã gần như là hàng xóm. Ông sống ở Hornsgatan, cách một hai khối nhà và họ chạy qua chạy lại cùng đi uống cà phê ở Giffy hay một vài quán gần đó. Palmgren chưa bao giờ thử cưỡng ép, nhưng vài ba lần ông đã thăm cô, mang mấy món quà mọn cho sinh nhật cô. Cô đã được mời hẳn hoi là hể thích thì cứ việc đến ông, một đặc quyền mà cô ít lạm dụng. Nhưng khi cô dọn đến Soder, cô bắt đầu qua đêm Noel với ông sau khi đã đi thăm mẹ cô. Hai người ăn jambon và đánh cờ. Cô không thực sự thích chơi cờ, nhưng sau khi học các quy tắc, cô không chịu thua ván nào hết. Ông góa vợ và Salander coi đó như là nghĩa vụ của cô thương cảm ông trong mấy ngày nghỉ lễ cô đơn này.

Cô tự coi mình là mắc nợ ông và cô luôn trả nợ.

Palmgren đã cho cô thuê lại căn hộ của mẹ cô ở Lundagatan cho đến khi cô cần nơi ở của riêng mình. Căn hộ vào khoảng trên 150 mét vuông, xoàng xĩnh, không tân trang nhưng ít ra nó cũng là một mái nhà trên đầu cô gái.

Nay Palmgren đã chết, một mối dây khác để thiết lập xã hội đã bị cắt. Nils Bjurman là một người hoàn toàn khác. Cô không thể qua tối Noel ở nhà ông. Việc ông làm đầu tiên là đặt ra các quy tắc mới về quản lý tài khoản của cô ở ngân hàng Handelsbanken. Với Palmgren, áp dụng linh hoạt các điều kiện canh giữ để cho phép cô gái được cai quản lấy tiền nong của mình là không thành vấn đề. Cô trả các hóa đơn và có thể dùng khoản tiền tiết kiệm khi cô thấy là phải.

Tuần trước Noel, sắp gặp Bjurman, cô đã chuẩn bị tinh thần; khi ở nhà ông, cô sẽ cố nói rõ rằng Palmgren đã tin cô và không bao giờ tìm dịp để làm khác đi. Palmgren đã để cô tự quản lấy công việc của mình và không can thiệp vào đời sống của cô.

- Đó chính là một trong các vấn đề đấy – Bjurman nói, đập đập tay vào hồ sơ lý lịch cô. Rồi ông nói một thôi một hồi về các quy tắc và điều hành của chính phủ về chế độ giám hộ - Ông ta để cho cô tung tẩy tự do, phải thế không? Tôi nghĩ ông ta chối được thế nào chuyện đó chứ.

*Vì ông ta là một tay dân chủ xã hội điển rồ, suốt đời làm việc với đám trẻ.*

- Tôi không còn là một đứa trẻ nữa, - Salander nói, tựa hồ thế cũng đã đủ giải thích rõ rồi.

- Không- cô không là một đứa trẻ. Nhưng tôi được chỉ định làm người giám hộ của cô và chừng nào tôi còn vai trò này thì về pháp luật và tài chính tôi còn phải chịu trách nhiệm về cô.

Ông mở một tài khoản mới mang tên cô và dặn cô phải báo cáo việc đó cho văn phòng nhân sự của An ninh Milton và từ nay cứ làm như thế. Những ngày tốt đẹp xưa đã hết rồi. Trong tương lai, các hóa đơn của cô sẽ do Bjurman trả và mỗi tháng ông sẽ cho cô một khoản trợ cấp. Ông bảo ông chờ đợi cô nộp các hóa đơn chi tiêu mọi khoản của cô. Cô sẽ nhận mỗi tuần 1.400 curon “cho ăn uống, quần áo, vé xem phim và các thứ đại loại”.

Salander kiếm hơn 160.000 curon một năm. Cô có thể kiếm gấp đôi nếu làm trọn giờ và nhận mọi việc Armansky trao. Nhưng cô chi tiêu ít và không cần tiền nhiều. Tiền nhà của cô một tháng cỡ 2000 curon và tuy thu thập cô khiêm tốn vẫn có 90.000 curon trong tài khoản tiết kiệm. Nhưng cô không cần mở nó ra nữa.

- Điều này liên quan đến việc tôi chịu trách nhiệm về tiền bạc của cô. – Ông ta nói – Cô cần dành dụm tiền cho tương lai. Nhưng khỏi lo, tôi sẽ quan tâm đến tất cả các việc đó.

*Ta đã tự trông nom ta từ lúc ta mười tuổi rồi cơ, cái đồ bò lổm ngổm nhà người!*

- Cô cư xử đã đủ tốt theo như yêu cầu của xã hội cho nên cô không cần vào viện nhưng xã hội này vẫn phải chịu trách nhiệm với cô.

Ông ta đã hỏi riết cô về những việc An ninh Milton đã giao cho cô. Theo bản năng, cô nói dối phạm sự của mình. Trả lời ông, cô tả lại các tuần đầu tiên đến làm ở đó. Bjurman nghe có cảm tưởng cô là một chân pha cà phê và văn thư – những việc khá thích hợp với bất cứ ai hơi lù đù – và ông ta có vẻ hài lòng.

Cô không biết vì sao lại nói dối, nhưng cô tin chắc đó là một quyết định khôn ngoan.

Blomkvist đã qua năm giờ với Vanger và mất cả phần lớn ban đêm cùng cả ngày thứ Ba để đánh máy các ghi chép của anh cũng như xâu các mảnh puzzle hệ Vanger lại thành một tổng thể dễ nhận thấy. Hiện ra ở đây, lịch sử gia đình này là một dị bản khác hẳn với cái đã được trình bày và làm hình ảnh chính thức của gia đình. Mỗi gia đình đều có cất giữ vài ba mẫu xương cốt trong tủ, nhưng gia đình Vanger thì có hẳn cả một đồng.

Blomkvist đã phải nhắc nhở mình rằng, công việc đích thực của anh không phải là viết tiểu sử gia đình Vanger mà là tìm ra chuyện gì đã xảy đến với Harriet Vanger. Tiểu sử nhà Vanger sẽ chẳng có gì khác với trò bày tranh ở gallery. Sau một năm anh sẽ nhận đồng lương vô lí của mình – Bản hợp đồng Frode thảo đã được ký. Anh hy vọng phần thưởng đích thực sẽ là thông tin về Wennerstrom mà Vanger nói là có nắm được. Nhưng sau khi nghe Vanger, anh bắt đầu nghĩ rằng năm sắp tới sẽ không uống phí. Một quyển sách về họ Vanger sẽ có giá trị đáng kể. Khá dễ hiểu thôi, nó là một câu chuyện tuyệt vời.

Trong đầu anh không bao giờ thoáng có ý nghĩ là anh có thể phát hiện ra kẻ giết Harriet Vanger – đó là trường hợp cô bị giết chứ không phải chết vì một tai nạn vợ vẫn nào đó. Blomkvist tán thành với Vanger rằng không thể tồn tại các cơ may cho một cô gái mười sáu tuổi tự ý bỏ nhà đi rồi sống ẩn nấp trong ba mươi sáu năm, bất chấp sự dò xét của tất cả bộ máy quan liêu của chính phủ. Mặt khác anh không loại trừ khả năng Harriet đã bỏ trốn, có thể đến Stockholm rồi sau đó một cái gì đó đã xảy đến với cô – ma túy, dĩ điểm, một vụ tấn công hay thuần túy một tai nạn.

Về phần ông, Vanger cũng tin rằng Harriet đã bị giết chết và một thành viên gia đình chịu trách nhiệm về chuyện này – có thể cộng tác với một người nào khác. Lý lẽ của ông dựa trên việc Harriet đã mất tích trong cơn hoang mang vào giữa lúc hòn đảo bị cắt ra với đất liền và mọi con mắt đều hướng vào vụ tai nạn.

Berger đã đúng khi nói: Nếu như anh có mục đích tìm ra bí mật của một vụ án mạng, thì khi nhận lấy nhiệm vụ đó, đầu óc anh đã mất bình thường rồi. Nhưng Blomkvist bắt đầu thấy số phận của Harriet đóng vai trò trung tâm trong gia đình, và đặc biệt với Henrik Vanger. Bất kể đúng hay sai, các lời kết tội của Vanger đối với họ hàng đều có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử gia đình. Sự kết tội đã được đưa ra công khai trong hơn ba chục năm, nó đã gia thêm màu sắc cho các cuộc tụ họp gia đình cũng như khơi dậy những thù oán độc địa, những cái góp phần làm cho tập đoàn Vanger mất ổn định. Một nghiên cứu về việc Harriet mất tích sẽ giống như một chương hoàn toàn riêng biệt, cũng như cung cấp một sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử gia đình và một lượng dồi dào về tư liệu gốc. Harriet có là việc đầu tiên của anh hay không, liệu anh có viết mau lẹ để làm xong một biên niên gia đình hay không thì điểm xuất phát vẫn cứ cần là phải dựng nên một loạt các nhân vật. Đây là lý do chính vì sao anh đã chuyển trò rất lâu với Vanger ngày hôm đó.

Gia đình gồm khoảng một trăm người, tính cả con cái của các anh chị em họ bậc một lẫn anh chị em họ bậc hai. Gia đình lớn rộng đến nỗi anh phải tạo ra một cơ sở dữ liệu trong iBook của mình. Anh dùng chương trình NotePad ([www.ibrium.se](http://www.ibrium.se)), một trong những sản phẩm đầy giá trị mà hai người ở đại học Kỹ thuật Hoàng gia đã tạo ra và phát hành như chương trình tự nguyện miễn phí trên Internet. Một phần chương trình của nó cũng có ích cho một nhà báo điều tra. Mỗi thành viên trong gia đình lại có phần tư liệu của bản thân lấy ra từ trong cơ sở dữ liệu.

Dòng họ có thể được vạch ngược lên tới đầu thế kỷ mười sáu, khi tên gọi còn là Vangeersad. Theo Vanger, tên này có thể bắt nguồn từ họ Geerstat của Hà Lan; nếu đúng là thế thì có thể vạch lui dòng họ lại tới thế kỷ mười hai.

Thời hiện đại, gia đình đến ở miền Bắc nước Pháp, đầu thế kỷ mười chín, tới Thụy Điển cùng với Quốc vương Jean Baptiste Bernadotte. Alexandre Vangeersad là một người lính và tuy không quen biết nhà vua nhưng ông đã nổi lên như một người đứng đầu giỏi giang của một doanh trại. Năm 1818 ông được cấp phong vùng đất Hedeby như một phần thưởng cho sự phục vụ nhà vua. Alexandre cũng có tài sản của mình, ông lấy nó để mua những khoảnh đất rừng rộng lớn ở Norrland. Con trai ông, Adrian, sinh ở Pháp nhưng theo yêu cầu của bố đã chuyển đến Hedeby, tại khu vực hẻo lánh của Norrland kia, xa cách các phòng khách sang trọng ở Paris để tiếp nhận lấy việc cai quản đất đai cơ nghiệp. Ông làm nghề rừng và nghề nông, áp dụng các phương pháp mới nhập từ châu Âu. Và ông lập nhà máy bột giấy và giấy, Hedestad chính là đã được xây dựng lên ở xung quanh nó.

Cháu trai của Alexandre tên là Henrik đã rút ngắn tên mình lại thành Vanger. Ông mở giao thương với Nga, tạo ra một hạm tàu buôn nhỏ gồm những thuyền buồm để phục vụ vùng Baltic và Đức, cũng như nước Anh với công nghiệp thép của nó hồi giữa những năm 1800.

Vì Henrik cao niên ấy đã đa dạng hóa các xí nghiệp của gia đình và lập ra một doanh nghiệp mở khiếm tốn cũng như vài công nghiệp thép đầu tiên của Norrland. Ông rời hai người con trai, Birger và Gottfried, họ đã là những người đặt nền móng cho sự nghiệp tài chính của gia tộc Vanger.

- Anh có biết luật thừa kế cổ tí nào không? – Vanger hỏi.

- Không.

- Tôi cũng lơ mơ nốt. Theo truyền thống gia đình, Birger và Gottfried đã chiến đấu như còp – họ lừng tiếng là dân cạnh tranh cho quyền lực và ảnh hưởng vì chuyện làm ăn của gia đình. Đấu tranh cho quyền lực đã đe dọa chính ngay cả sự sống còn của công ty ở nhiều mặt. Vì lý do ấy, ngay trước khi bố chết, họ đã quyết định đặt ra một hệ thống theo đó tất cả thành viên trong gia đình sẽ nhận được một phần thừa kế - một cổ phần – trong doanh nghiệp. Dụng ý này tốt, điều này không phải nghi ngờ, nhưng nó dẫn tới một tình hình là lẽ ra có thể đưa người có tài và những đối tác tiềm năng từ bên ngoài vào thì chúng tôi có một ban lãnh đạo chỉ gồm toàn thành viên gia đình.

- Và nay còn áp dụng?

- Đúng. Nếu một thành viên gia đình muốn bán cổ phần của mình thì cổ phần ấy phải ở trong gia đình. Hiện nay hội nghị hàng năm của các chủ đồng sở hữu gồm có 50% thành viên gia đình. Martin nắm hơn 10% các cổ phần này, tôi có 5% sau khi bán một số của tôi cho Martin cùng mấy người khác. Ông anh Harald của tôi sở hữu 7% nhưng những người đến hội nghị cổ đông thì phần lớn chỉ sở hữu 1% hoặc 0,5% thôi.

- Nghe cái kiểu cứ như thời trung cổ ấy.

- Nó lố. Có nghĩa là bây giờ nếu Martin muốn đưa ra một chính sách nào đó, nó sẽ phải mất thì giờ “Vận động hành lang” để bảo đảm có ít nhất 20 đến 25% cổ đông ủng hộ. Đây là mảnh chần chập vá, gá ghép của các liên minh, bè phái và mưu mẹo.

Vanger tóm tắt lịch sử lại:

- Gottfried chết năm 1901 không có con cái. Hay đúng hơn, xin tha lỗi cho tôi, ông là bố của bốn đứa con gái, nhưng ngày ấy con gái thật sự không được đếm xỉa. Họ sở hữu cổ phần nhưng đàn ông trong gia đình mới là bận tâm về quyền sở hữu. Mãi đến lúc, vào thế kỷ hai mươi, phụ nữ giành quyền được đi bầu, họ mới được cho phép dự các đại hội cổ đông.

- Rất tự do.

- Không cần chiêm biếm. Lúc ấy khác. Muốn gì – Birger, em của Gottfried cũng có ba con trai: Johan, Fredrik và Gideon Vanger. Tất cả đều ra đời vào cuối thế kỷ mười chín. Chúng ta có thể lơ Gideon đi; ông ta bán cổ phần rồi di cư sang Mỹ. Vẫn có một nhánh của gia đình ở bên đó. Còn Johan và Fredrik Vanger thì đã làm cho công ty biến thành Tập đoàn Vanger hiện tại.

Vanger lấy ra một album ảnh, cho Blomkvist xem những bức ảnh trong gallery các nhân vật mà ông vừa nói tới. Các bức ảnh từ đầu những năm 1900 cho thấy hai người đàn ông với cái cằm nghị lực và tóc chải ếm mượt xuống về đằng sau đang nhìn vào ống kính không hề hé ra cho thấy một nụ cười nào.

- Johan là thiên tài của gia đình. Là kỹ sư ông đã phát triển công nghiệp chế tạo với nhiều sáng chế mà ông đăng ký lấy bằng. Sắt và thép trở thành cơ sở của hãng nhưng kinh doanh cũng mở rộng sang nhiều địa hạt khác gồm cả dệt may. Johan Vanger chết năm 1956 và có ba con gái: Sofia, Marit và Ingrid, những người phụ nữ đầu tiên giành quyền tham dự hội nghị cổ đông. Người anh em khác, Fredrik, là bố tôi. Ông là một doanh nhân và là người lãnh đạo công nghiệp đã biến các sáng chế của Johan thành ra thu nhập. Bố tôi sống mãi đến năm 1964. Ông hoạt động tích cực trong quản lý công ty cho tới khi chết, tuy ông đã chuyển giao việc điều hành hàng ngày cho tôi vào giữa những năm 50 rồi. Đúng là giống thế hệ trước – nhưng ngược lại, Johan chỉ có con gái – Vanger cho Blomkvist xem các bức máy phụ nữ thân thể vạm vỡ, đội mũ rộng vành và mang dù. – Còn Fredrik bố tôi lại toàn con trai. Chúng tôi có 5 anh em: Richard, Harald, Greger, Gustav và tôi.

Blomkvist đã vẽ cây dòng họ lên mấy tờ giấy A4 dán liền. Anh gạch dưới tên của tất cả những ai trên đảo Hedeby dự cuộc họp gia đình năm 1966, vậy là những ai, về lý thuyết có thể có ít nhất một cái gì đó dính dáng đến việc Harriet Vanger mất tích. Anh bỏ đi những trẻ dưới 12 tuổi – anh sẽ vẽ đám này ra một chỗ nào đó. Sau nhiều lần cân nhắc anh cũng bỏ Henrik Vanger ra. Nếu vị trưởng lão này có liên quan gì đó đến việc con gái của ông anh mất tích, thì hành động của ông trong 36 năm qua sẽ được cho là biểu hiện thần kinh không bình thường. Mẹ của ông, năm 1966 đã 81 tuổi, cũng có thể hợp lý đem loại trừ. Còn lại là 23 thành viên gia đình, những người mà theo Vanger, cần được gộp vào trong nhóm “nghỉ can”. Bảy trong số đó nay đã chết, nhiều người hiện cũng đã lên hàng lão đáng kính nữa rồi.

Blomkvist không muốn chia sẻ niềm tin chắc nịch của Vanger rằng một thành viên gia đình đã đứng đằng sau vụ Harriet mất tích. Một số người khác cũng cần được cho thêm vào danh sách nghỉ can.

Dirch Frode bắt đầu làm việc với tư cách luật sư cho Vanger vào mùa xuân năm 1962. Và ngoài gia đình ra, ai là gia nhân khi Harriet “bốc hơi”? Gunnar Nilsson – có bằng chứng ngoại phạm hay không chưa nói rõ – thì mười chín tuổi, còn bố anh ta, Magnus thì gần như chắc chắn là có mặt trên Đảo Hedeby cũng như họa sĩ Norman; và mục sư Falk. Falk nữa, có vợ không? Chủ nông trại Aronsson ở OsterGarden, cùng con trai ông, Jerker Aronsson, sống ở trên đảo, khá gần với Harriet Vanger trong thời gian cô ta lớn lên – họ đã có quan hệ với nhau như thế nào? Aronsson vẫn có vợ? Vào lúc ấy còn những ai khác sống ở trại này?

FREDRIK VANGER

(1886-1964)

lấy **Ulrika** (1885 - 1969)

Richard (1907 - 1940)

Lấy Margareta (1906 - 1959)

Gottfried (1927 - 1965)

Lấy **Isabella** (1928 - )

Martin (1948 - )

*Harriet* (1950 - ?)

**Harald** (1911 - )

lấy **Ingrid** (1925 - 1992)

**Birger** (1939 - )

**Cecilia** (1946 - )

**Anita** (1948 - )

**Greger** (1912 - 1974)

lấy **Gerda** (1922 - )

**Alexander** (1946 - )

JOHAN VANGER

(1884 – 1956)

lấy Gerda (1888 - 1960)

**Sofia** (1909 - 1977)

Lấy **Ake Sjogren** (1906 - 1967)

**Magnus Sjogren** (1929 - 1994)

Lấy **Sara Sjogren** (1931 - )

Erik Sjogren (1951 - )

Hakan Sjogren (1955 - )

Marit (1911 - 1988)

lấy **Algot Gunther** (1904 - 1987)

**Ossian Gunther** (1930 - )

lấy **Agnes** (1933 - )

**Jacob Gunther** (1952 - )

**Ingrid** (1916 - 1990)

lấy **Harry Karlman** (1912 - 1984)

**Maria Karlman** (1944 - )

**Gunnar Karlman** (1948 - )

Gustav (1918 - 1955)

Không vợ, không con

Henrik (1920 - )

lấy Edith (1921 - 1958)

Không con

Khi Blomkvist viết tất cả các tên, bản danh sách lên đến những 40 người. Đã 3 giờ 30 sáng và hàn thử biểu chỉ âm 6 độ F. Anh thềm cái giường của mình ở Bellmansgatan.

Anh bị người làm công ở Telia đến đánh thức. Đến 11 giờ, anh đã tỉnh hẳn và cảm thấy không còn ngờ ngàng về nghiệp vụ nữa. Mặt khác, điện thoại của anh vẫn cứ ngoan cố im lìm. Anh thấy có lẽ cũng cần ương bướng và sẽ không gọi cho tòa soạn nữa.

Anh mở email, xem lướt 350 bức thư gửi anh trong tuần qua. Anh lưu hơn 10 cái, chỗ còn lại là thư rác và các chương trình thư điện anh thuê bao. Bức đầu tiên là từ : ĐỒ DÒI BỘ KHỐN NẠN, ĐỒ CON LỢN THỐI THA. Anh cho nó vào hồ sơ có tên “NHỮNG PHÊ BÌNH THÔNG MINH”.

Anh gọi cho Erika, chỉ để nói “Anh đã mở được Net, sẵn sàng liên lạc với em khi em tha thứ cho anh. Hedeby là một nơi thô mộc, đáng đến thăm. M.”. Khi thấy đã đến giờ ăn trưa, anh để iBook vào ba lô, và đi bộ đến quán *Cà phê và bánh dầu cầu Susanne*. Anh ngồi vào cái bàn ở góc quen thuộc. Đem cà phê và bánh kẹp thịt đến, Susanne tò mò nhìn vào máy tính của anh. Chị hỏi anh đang làm gì. Lần đầu tiên Blomkvist dùng đến câu chuyện hỏa mù che mắt. Họ đùa với nhau. Susanne giục anh, khi nào sẵn sàng nói thật được thì nhớ nói với chị một tiếng.

- Phục vụ Vanger đã ba mươi lăm năm, tôi biết phần lớn những đồn đại về gia đình này. – Chị nói rồi lệnh khệnh đi vào bếp.

Với đám con, cháu, chắt mà anh không ngại cho gộp vào, hiện nay gia đình anh em Fredrik và Johan có xấp xỉ 50 người còn sống. Gia tộc này co xu hướng sống thọ. Fredrik sống đến bảy mươi tám, còn em của ông, Johan, thì bảy mươi hai. Trong các con của Fredrik đang còn sống, Harald chín mươi hai và Henrik tám mươi hai.

Ngoại lệ duy nhất là Gustav, chết vì bệnh phổi ở tuổi ba mươi bảy. Vanger giải thích rằng Gustav luôn ốm đau và đã đi con đường của ông ấy, không bao giờ thật sự hòa hợp với đám còn lại của gia đình. Ông ấy không lấy vợ và không có con.

Những người chết non khác thì đổ quy vì những yếu tố khác chứ không phải vì bệnh tật.

Richard Vanger bị giết trong chiến tranh mùa đông khi mới ba mươi ba. Gottfried Vanger, bố của Harriet, chết đuối năm trước năm cô mất tích. Harriet thì mới mười sáu. Mikael ghi lại nét đối xứng kỳ lạ trong cái nhánh đặc biệt này của gia đình – ông, bố, con gái, tất cả đều gặp phải bất hạnh. Người con còn lại duy nhất của Richard là Martin, người đến năm mươi tư tuổi vẫn chưa lấy vợ. Nhưng Vanger giải thích rằng cháu ông thật sự là ở ẩn với một người phụ nữ đang sống ở Hedestad.

Blomkvist ghi lại hai yếu tố ở trong gia đình này. Thứ nhất là không có Vanger nào trong gia đình này đã li hôn hay tái hôn, ngay cả khi vợ của họ chết trẻ. Anh nghĩ điều này thông thường thôi, theo như các thống kê. Cecilia Vanger đã li thân với chồng trong nhiều năm, nhưng bên ngoài họ vẫn là vợ chồng.

Nét đặc biệt khác là trong khi con cái của Fredrik Vanger, kể cả Henrik đều đóng vai trò lãnh đạo trong doanh nghiệp và ban đầu sống tại hoặc gần Hedestad, thì nhánh gia đình của Johan Vanger, chỉ để ra toàn con gái, lại đều kết hôn và phân tán đến Stockholm, Malmo, và Goteborg hoặc nước ngoài. Và họ chỉ đến Hedestad vào mùa hè hay các cuộc họp gia đình quan trọng hơn. Ngoại lệ duy nhất là Ingrid Vanger có con trai là Gunnar Karlman, lại sống ở Hedestad. Gunnar Karlman là tổng biên tập của tờ *Hedestad Courier*.

Suy nghĩ như một thám tử tư, Blomkvist cho rằng động cơ ẩn bên dưới việc giết Harriet có thể tìm ra ở trong cấu trúc của công ty – việc ngay từ đầu Henrik Vanger đã cho biết Harriet là đặc biệt với ông; động cơ có thể là để hành ngay chính bản thân Vanger, hay có thể Harriet đã phát hiện ra vài ba thông tin nhạy cảm liên quan đến công ty, do đó trở thành mối đe dọa của một ai đó. Đây chỉ thuần túy là suy diễn; nhưng bằng cách này anh đã nhận dạng ra được một nhóm gồm 13 cá nhân mà anh coi là có tầm quan trọng tiềm năng.

Câu chuyện của Blomkvist với Vanger hôm trước đã làm sáng tỏ ra một điểm khác. Từ đầu, ông già đã nói với Blomkvist về rất nhiều thành viên của gia đình ông bằng cái giọng khinh rẻ và bêu xấu. Anh sùng sốt về điều này. Blomkvist nghĩ sự nghi ngờ của vị trưởng lão về gia đình ông liệu đã có làm méo mó đi mất phán xét của ông đối với việc Harriet mất tích hay không, nhưng nay anh bắt đầu nhận thấy Vanger đã có một đánh giá đúng mức khiến cho anh phải ngạc nhiên.

Qua hình ảnh đang nổi lên, anh thấy một gia đình thành đạt về xã hội và tài chính nhưng lại bị vẹo vọ khá rõ ở mọi phương diện thông thường khác.

Bố của Henrik Vanger là một người lạnh lùng, dửng dưng cho lũ con ra đời rồi để mặc cho vợ trông nom chúng cùng với hạnh phúc gia đình. Cho đến tuổi mười sáu, đám trẻ vẫn ít khi thấy bố trong những dịp gia đình hội họp, đặc biệt chúng được yêu cầu có mặt, nhưng nào có gặp ông bố. Henrik không nhớ nổi một vẻ yêu thương nào, dù là nhỏ nhất ở bố ông. Trái lại, người con thường được dạy rằng mình bất tài, thường thấy mình là mục tiêu của những lời phê phán. Ít dùng đến trừng phạt thân xác; chuyện đó không cần. Muộn mằn mãi sau này, qua các thành công với Tập đoàn Vanger, anh con trai mới được bố nể trọng.

Người anh cả đã nổi loạn. Sau một phen cãi cọ - mà lý do vì sao thì gia đình không được bàn đến - anh con trai chuyển đến học ở Uppsala. Ở đây các hạt giống của sự nghiệp quốc xã đã được gieo xuống, chuyện này Vanger đã nhắc đến, rồi cuối cùng là dẫn tới các chiến hào ở Phần Lan. Điều mà ông già trước đây không nói, là hai người anh khác cũng có sự nghiệp giống y như vậy.

Năm 1930, theo bước chân Richard, Harald và Greger đến Uppsala. Hai người thân nhau nhưng Henrik không dám chắc họ đã sống như thế nào với Richard. Khá rõ là mấy anh em đều

gia nhập phong trào phát xít Per Engdahl, Nước Thụy Điển Mới. Harald trung thành theo Per Engdahl trong nhiều năm, đầu tiên với Liên hiệp Quốc gia Thụy Điển, cuối cùng sau chiến tranh thì với Phong trào Thụy Điển Mới. Harald tiếp tục là Đảng viên cho tới những năm 90 khi Engdahl chết, trong một số thời kỳ nhất định ông đã là một trong những người đóng góp chủ chốt vào phong trào phát xít trùu chần nằm im của Thụy Điển.

Học y ở Uppsala, Harald Vanger gần như ngay lập tức nhập bọn với đám người bị ám ảnh với các thứ về sinh chủng tộc, sinh học chủng tộc. Harald làm việc ở viện Sinh học chủng tộc Thụy Điển một thời gian; là bác sĩ, ông trở thành một nhà vận động hàng đầu cho việc loại bỏ những người không hoàn hảo trong đám dân chúng.

Trích Henrik Vanger, băng 2, 02950:

*Harald còn đi xa hơn. Năm 1937, với một cái tên giả, cảm ơn Chúa, ông viết chung một quyển sách tên là Châu Âu mới của Nhân dân. Mãi tới những năm 70, tôi mới tìm ra nó. Tôi có một bản mà anh có thể đọc. Chắc nó là một trong những quyển sách đáng ghét nhất từng được xuất bản bằng tiếng Thụy Điển. Harald không chỉ bênh vực cho việc loại bỏ mà còn cho cả việc cho phép tự ý chết- tích cực kết án chết những người vi phạm vào các thị hiếu mỹ học của ông cũng như không phù hợp với hình ảnh của ông về chủng tộc Thụy Điển hoàn hảo. Nói cách khác, trong một bản văn được viết bằng thứ văn xuôi kinh viện không thể chẻ vào đâu được và mang đầy đủ các luận cứ y học cần thiết, ông đã kêu gọi giết người hàng loạt. Trừ bỏ những ai bị khuyết tật. Không cho dân Saami sinh sôi; họ chịu ảnh hưởng Mông Cổ. Những người bị bệnh tâm thần sẽ coi cái chết như là một hình thức giải phóng, họ có coi như thế không? Những phụ nữ buông tuồng, những kẻ lang thang, những người Gilpxi và người Do Thái – cậu có thể tưởng tượng ra họ. Trong các hoang tưởng của anh tôi, trại giết người Auschwitz có thể được đặt ở Dalarna.*

Sau chiến tranh, Greger là giáo viên trường trung học cơ sở và cuối cùng là hiệu trưởng của trường dự bị đại học Hedestad. Henrik nghĩ sau chiến tranh ông ta không còn thuộc đảng phái nào và đã từ bỏ Quốc xã. Ông chết năm 1974 và mãi tới khi đọc hết thư tín của ông anh, Henrik mới được biết trong những năm 50, Greger đã gia nhập cái nhóm vô tích sự về chính trị nhưng hoàn toàn lập dị có tên là Đảng Quốc gia Bắc Âu. Ông là hội viên của nó cho tới khi chết.

Trích, Henrik Vanger băng 2, 04167:

*Kết quả là ba ông anh tôi đều bệnh hoạn về chính trị. Ở các mặt khác họ bệnh hoạn như thế nào?*

Người anh duy nhất đáng được phần nào thông cảm trong con mắt Henrik là Gustav quặt quẹo chết năm 1955 vì bệnh phổi. Gustav chẳng bao giờ quan tâm đến chính trị, ông ta hình như có một kiểu tâm hồn nghệ sĩ, không thích con người, không hề quan tâm chút nào đến kinh doanh hay làm việc trong Tập Đoàn Vanger.

Blomkvist hỏi Vanger:

- Nay còn lại có

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :  
<https://www.facebook.com/downloadsachfree>  
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>